

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Long An, tháng 9 năm 2024

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO**












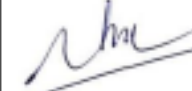







**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn 09/2019 - 09/2024)**

Long An, tháng 9 năm 2024

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 244/QĐ-ĐHTT.23, ngày 27/11/2023 và Quyết định số 207/QĐ-ĐHTT.24 ngày 11/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Mai Lâm	Quyền Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Thạch Ngọc Nguyễn	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	Ông Cao Tiến Dũng	Trưởng Khoa Công nghệ thông tin	Phó chủ tịch	
4	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BDCL	Thư ký	
5	Bà Đặng Thị Hoàng Yến (a.k.a. Maya Dangelas Ed.D.)	Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Thành viên	
7	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Thành viên	
8	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban Công nghệ thông tin	Thành viên	

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
9	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Thành viên	
10	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên	
11	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL CSVC - TB	Thành viên	
12	Bà Đinh Thị Mỹ Kim	Phó Trưởng Ban Thư viện	Thành viên	
13	Bà Nguyễn Thảo Nguyên	Phó Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Thành viên	
14	Bà Mai Thị Hào Yến	Trưởng Khoa Nhân văn và Giáo dục khai phóng	Thành viên	
15	Ông Trần Duy Hiến	Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên	
16	Ông Lê Quốc Huy	Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên	
17	Ông Nguyễn Hoài Duy	Sinh viên khóa 2022- 2026, ngành Khoa học máy tính	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người).

3
MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	9
DANH MỤC CÁC BẢNG	12
DANH MỤC HÌNH ẢNH	14
PHẦN I. KHÁI QUÁT	15
1. Đặt vấn đề	15
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá	15
1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá	16
2. Tổng quan chung	17
2.1. Khái quát về lịch sử phát triển	17
2.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường	18
2.3. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên và các hoạt động của Trường	18
2.3.1. Đội ngũ cán bộ giảng viên	18
2.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tân Tạo	19
2.4.1. Cơ cấu tổ chức của Trường	19
2.4.2. Giới thiệu về Khoa Công nghệ thông tin	21
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	24
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	24
Mở đầu	24
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	24
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.	28
Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.	32
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	35
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.	36
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.	39
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận.	40
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	42
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	43

Mở đầu	43
Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CDR.	43
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng.	47
Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.	52
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	57
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.	58
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.	60
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.	63
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	67
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	67
Mở đầu	67
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.	68
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.	71
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.	73
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.	75
Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.	77
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	79
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	80
Mở đầu	80
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	81
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	83

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	85
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.	87
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	89
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	91
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	93
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	96
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	97
Mở đầu	97
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	97
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	99
Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá.	101
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	104
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	105
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	107
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	108
Mở đầu	108
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.	108
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá.	110
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.	112

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.	117
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.	120
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	123
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	124
Mở đầu	124
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	124
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	126
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	130
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	132
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến đặc thù của người khuyết tật.	135
Kết luận về Tiêu chuẩn 9	138
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	139
Mở đầu	139
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.	139
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.	143
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.	145
Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.	147
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.	150
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.	152
Kết luận về Tiêu chuẩn 10	155
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	156
Mở đầu	156

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	156
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	161
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	163
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	165
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	168
Kết luận Tiêu chuẩn 11	171
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT	172
1.1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	172
1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	172
1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	172
1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	172
1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học	173
1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	173
1.7. Đội ngũ nhân viên	173
1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	174
1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	174
1.10. Nâng cao chất lượng	174
1.11. Kết quả đầu ra	175
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT	175
2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	175
2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	175
2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	175
2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	175
2.5. Đánh giá kết quả học tập của NH	175
2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	175
2.7. Đội ngũ nhân viên	175
2.8. NH và hoạt động hỗ trợ NH	176
2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	176
2.10. Nâng cao chất lượng	176
2.11. Kết quả đầu ra	176
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	176

3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	176
3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	177
3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	177
3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	177
3.5. Đánh giá kết quả học tập của NH	177
3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	177
3.7. Đội ngũ nhân viên	178
3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	178
3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	178
3.10. Nâng cao chất lượng	178
3.11. Kết quả đầu ra	179
4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT	180
PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG	182
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	182
PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH CÁC QUYẾT ĐỊNH	202

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
ATVSTP	An toàn vệ sinh thực phẩm
BĐCL	Bảo đảm chất lượng
BĐCLGD	Bảo đảm chất lượng giáo dục
BGH	Ban giám hiệu
BLQ	Bên liên quan
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BSCK	Bác sĩ chuyên khoa
CB	Cán bộ
CBNV	Cán bộ nhân viên
CDR	Chuẩn đầu ra
CNCH	Cứu nạn cứu hộ
CNTT	Công nghệ Thông tin
CNH	Cụm người học
CS PCCC	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV-HTDN	Công tác sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp
CVHT	Cố vấn học tập
DN	Doanh nghiệp
ĐCCT HP	Đề cương chi tiết học phần
ĐH	Đại học
ĐHTT	Đại học Tân Tạo
ĐTBD	Đào tạo bồi dưỡng
GDDH	Giáo dục đại học
GS	Giáo sư
GTCL	Giá trị cốt lõi
GV	Giảng viên
GVCH	Giảng viên cơ hữu
GVHD	Giảng viên hướng dẫn
HĐ	Hội đồng
HĐTS	Hội đồng tuyển sinh

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
HK	Học kỳ
HP	Học phần
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KQHT	Kết quả học tập
KT-BĐCL	Khảo thí và Bảo đảm chất lượng
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
KHMT	Khoa học Máy tính
MC	Minh chứng
MTĐT	Mục tiêu đào tạo
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCV	Nghiên cứu viên
NLĐ	Người lao động
NTD	Nhà tuyển dụng
NV	Nhân viên
NH	Người học
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PGS	Phó giáo sư
PPĐG	Phương pháp đánh giá
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PPDH	Phương pháp dạy học
PTN	Phòng thí nghiệm
PVCD	Phục vụ cộng đồng
QG	Quốc gia
QL CSVC-TB	Quản lý Cơ sở vật chất – Thiết bị
QLĐT	Quản lý đào tạo
QLKH-HTQT	Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế
SM	Sứ mạng
TC	Tín chỉ
TCKT	Tài chính Kế toán
TCHC	Tổ chức Hành chính
TĐG	Tự đánh giá
TLGD	Triết lý giáo dục

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
TN	Tầm nhìn
TS	Tiến sĩ
TTB	Trang thiết bị
TT-TS	Truyền thông và Tuyển sinh
THPT	Trung học phổ thông
ThS	Thạc sĩ

12
DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1.1.	Tính kết nối giữa TN, SM của Trường, TN, SM của Khoa CNTT và Mục tiêu đào tạo của ngành KHMT	25
Bảng 1.1.2.	Sự tương thích giữa MTĐT ngành KHMT với Luật GDDH	26
Bảng 1.2.1.	Ma trận kết nối mục tiêu (POs) và CĐR (LOs) của CTĐT	29
Bảng 1.2.2.	Ma trận kết nối giữa CĐR CTĐT với Khung NLTDQG	30
Bảng 1.3.1.	So sánh CĐR của trình độ ĐH ngành KHMT qua các năm	33
Bảng 3.1.1.	Ma trận liên kết giữa CĐR và các khối kiến thức	44
Bảng 3.1.2.	Phân bổ kiến thức CTĐT năm 2024	45
Bảng 3.2.1.	Tỷ trọng các học phần đáp ứng CĐR	47
Bảng 3.2.2.	Mối liên hệ giữa CĐR và phương pháp dạy - học, phương pháp đánh giá	48
Bảng 3.3.1.	Bảng đối sánh các khối kiến thức trong CTDH ngành KHMT của một số trường ĐH trong và trường ĐH ngoài Việt Nam	55
Bảng 6.1.1.	Bảng thống kê số lượng GV Khoa Công nghệ thông tin theo trình độ trong 5 năm gần đây	81
Bảng 6.1.2.	Bảng thống kê số lượng GV của ngành Khoa học máy tính theo trình độ trong 5 năm gần đây	82
Bảng 6.2.1.	Tỉ lệ GV/NH của Khoa Công nghệ thông tin qua từng năm học	83
Bảng 6.7.1.	Giờ chuẩn quy định trong giảng dạy và NCKH	93
Bảng 8.3.1.	Hệ thống giám sát học tập, rèn luyện của người học	113
Bảng 8.3.2.	Số lượng, tỷ lệ người học ngành Khoa học máy tính thuộc diện xử lý học vụ	115
Bảng 10.1.1.	Bảng thống kê nhu cầu của các BLQ trong chu kỳ đánh giá	139
Bảng 10.4.1.	Các sản phẩm NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và	148

học

Bảng 10.6.1.	Nội dung và hình thức khảo sát các bên liên quan	153
Bảng 11.1.1.	Tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành KHMT của 06 khoá	158
Bảng 11.1.2.	Tỷ lệ NH thôi học ngành KHMT các khóa	158
Bảng 11.1.3.	Đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp của 05 khoá với ngành QTKD	159
Bảng 11.1.4.	Đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thời gian TN trung bình với ngành QTKD	155
Bảng 11.2.1.	Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành KHMT	157
Bảng 11.3.1.	Thống kê môi trường làm việc của NH tốt nghiệp (%)	164
Bảng 11.4.1.	Thống kê hoạt động NCKH của NH ngành KHMT với các ngành khác	167

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức Trường Đại học Tân Tạo	20
Hình 1.2.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa CNTT	21
Hình 3.3.1.	Mối liên kết giữa các khối kiến thức	52
Hình 3.3.2.	Sơ đồ tiến trình đào tạo ngành KHMT	54

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Trong nhiều năm qua, nhằm khẳng định thương hiệu, Trường ĐHTT đã đẩy mạnh các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo như: thực hiện cải tiến CTĐT theo tiếp cận Giáo dục dựa trên CDR; điều chỉnh các nguồn lực; định kỳ rà soát và cập nhật CTĐT; thực hiện TĐG và đăng ký đánh giá ngoài CTĐT. Chất lượng đào tạo là mối quan tâm hàng đầu của NH, phụ huynh và toàn xã hội, là yếu tố quan trọng trong hội nhập quốc tế. Bộ GD&ĐT đã yêu cầu các trường ĐH nâng cao chất lượng đào tạo với mục đích đáp ứng nhu cầu nhân lực thị trường trong bối cảnh toàn cầu hóa, quốc tế hóa. Ngành KHMT xây dựng báo cáo TĐG CTĐT, gồm 04 phần:

Phần I: Khái quát. Mô tả tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG theo các tiêu chuẩn; mục đích, quy trình TĐG CTĐT; phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các BLQ.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: (1) Mô tả, phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các MC cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) TĐG.

Phần III: Kết luận các vấn đề TĐG CTĐT ngành KHMT, mô tả tóm tắt các điểm mạnh, điểm tồn tại, các giải pháp cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả TĐG ngành KHMT theo các tiêu chuẩn.

Phần IV: Phụ lục bao gồm các Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Danh sách thành viên Ban Thư ký, Danh sách thành viên các nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG; Tổng hợp kết quả TĐG; CSDL để KĐCL CTĐT ngành KHMT; và Danh mục minh chứng.

Nội dung các tiêu chuẩn kể trên hướng đến:

Báo cáo TĐG CTĐT ngành KHMT được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, trong đó:

- Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 tập trung vào mục tiêu, CDR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy - học, đánh giá về KQHT của NH.
- Tiêu chuẩn 6, 7 TĐG về đội ngũ CB, GV, NCV và đội ngũ NV.
- Tiêu chuẩn 8 đánh giá các yếu tố liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH.
- Tiêu chuẩn 9 về CSVC và trang thiết bị TTB.
- Tiêu chuẩn 10 nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH.
- Tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra của CTĐT.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành KHMT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Trường ĐHTT.

Quá trình TĐG giúp Trường nói chung và Khoa nói riêng tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành KHMT, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của khu vực và các nước trên thế giới.

Tự đánh giá là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành KHMT.

Hoạt động TĐG cũng thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Khoa CNTT trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với TLGD, TN, SM và GTCL của Trường và chiến lược của Khoa.

Phạm vi tự đánh giá: đánh giá CTĐT trình độ ĐH ngành KHMT của Trường ĐHTT theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH, ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Giai đoạn đánh giá: 5 năm (từ 01/9/2019 đến 31/08/2024).

Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG;

Bước 2: Lập kế hoạch TĐG;

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin và MC;

Bước 4: Viết báo cáo TĐG;

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG;

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

Phương pháp TĐG chủ yếu là thu thập thông tin, MC từ các nguồn ở trong và ngoài Trường giai đoạn 2019 - 2024, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí KĐCL.

Phương pháp mã hóa MC được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL - Bộ GD&ĐT. Mã thông tin và mã MC được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8.

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

Công cụ TĐG: Bản “*Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Khoa học máy tính*” là sản phẩm của một quá trình TĐG khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT ngành KHMT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT (Thông tư 04/2016/TT- BGDĐT).

Trường đã ban hành Quyết định số 245/QĐ-ĐHTT.23 ngày 27/11/2023 về việc thành lập HĐ TĐG CTĐT ngành KHMT. Ban thư ký thuộc HĐ TĐG đã được tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo; các nhóm công tác chuyên trách chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Các phòng ban có liên quan huy động toàn bộ nguồn lực GV, SV để hỗ trợ thực hiện các bước quy trình TĐG. Để triển khai TĐG, Phòng KT-BĐCL tiến hành họp phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: điều tra khảo sát các BLQ; thu thập, phân loại, mã hóa MC; viết báo cáo tiêu chí; dự thảo báo cáo TĐG; sắp xếp MC. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Trường cung cấp số liệu, thông tin MC cần thiết khi có yêu cầu từ Phòng KT-BĐCL.

2. Tổng quan chung

2.1. Khái quát về lịch sử phát triển

Trường ĐHTT được thành lập theo quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ, là trường ĐH (tư thục) được thành lập ở Đức Hòa - Long An. Năm học 2012- 2013 Trường có 05 khoa đào tạo, 10 phòng chức năng và đào tạo 10 ngành với 83 NH.

Tính đến tháng 08 năm 2024, Trường hiện có 10 ngành đào tạo ĐH được tổ chức thành 05 nhóm ngành, gồm: nhóm ngành Sức khỏe (Y khoa, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm), nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý (Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán), nhóm ngành Nhân văn (Ngôn ngữ Anh), nhóm ngành Máy tính và Công nghệ Thông tin (Khoa học Máy tính) và nhóm ngành Khoa học sự sống (Công nghệ Sinh học).

Tính đến năm 2024 Trường đã cung cấp cho xã hội 171 cử nhân và 300 bác sĩ.

Trường đã công bố SM, TN, mục tiêu:

2.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường

Sứ mạng: *“Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình giáo dục đại học của Mỹ, Trường Đại học Tân Tạo khuyến khích suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng về ngôn ngữ. Trường Đại học Tân Tạo sẽ đào tạo nên những con người có tính sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo”*. Sứ mệnh của Trường ĐHTT phù hợp với các nguồn lực về nhân lực, vật lực và tài lực của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Long An và cả nước.

Tầm nhìn: *“Đến năm 2030, Đại học Tân Tạo trở thành một trường đại học nổi tiếng của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới”*.

Giá trị cốt lõi: *“Trách nhiệm - Hợp tác - Nỗ lực - Chất lượng - Sáng tạo - Tôn trọng - Lãnh đạo”*

- *Trách nhiệm*: với bản thân, gia đình, cộng đồng trong nước và quốc tế
- *Hợp tác*: trong mọi hoạt động
- *Nỗ lực*: đề cao hướng tới việc xây dựng một ĐHTT phát triển bền vững
- *Chất lượng*: đạt chuẩn trong nước và quốc tế
- *Sáng tạo*: sự khác biệt có giá trị
- *Tôn trọng*: bản thân, các quyền của cộng đồng
- *Lãnh đạo*: bản thân, nhóm và tổ chức/doanh nghiệp

Triết lý giáo dục: Trường đã xây dựng và ban hành TLGD vào năm 2021 với nội dung: *“Khai phóng - Học suốt đời”*. Triết lý giáo dục của Trường hướng đến đào tạo nguồn nhân lực có tính sáng tạo, tư duy logic, có tinh thần học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo.

2.3. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên và các hoạt động của Trường

2.3.1. Đội ngũ cán bộ giảng viên

Tính đến tháng 08/2024, Trường có 08 phòng, 02 ban, 06 khoa và 02 trung tâm trực thuộc. Tổng số CBNV và GV của Trường 126 người, trong đó GV cơ hữu 64 người, CBNV 62 người. Phân loại GV cơ hữu theo trình độ, Trường có 01 GS, 06 PGS, 26 TS/BSCK2, 26 ThS/BSCK1 và 02 ĐH. Trường có thỉnh giảng 58 GV hỗ trợ công tác giảng dạy, trong đó có 08 PGS, 33 TS, 17 ThS.

2.3.2. Hoạt động đào tạo

Tổng số SV của Trường là 544 SV thuộc 10 ngành đào tạo trình độ ĐH chính quy. Khoa CNTT chịu trách nhiệm đào tạo 01 ngành là ngành KHMT với 65 SV đang học.

2.3.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Trường rất chú trọng công tác NCKH và xem hoạt động NCKH là biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Từ năm 2019 tới nay, Trường có 21 đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu. Trong năm 2024, Trường có 04 đề tài NCKH cấp cơ sở đã được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả thực hiện. Trường đã có 22 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế, 05 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước. Bên cạnh đó, NCKH trong SV cũng được quan tâm, có 02 đề tài SV được nghiệm thu, 39 bài báo SV tham gia xuất bản và một số đề tài đã đạt được thành tích cao trong các cuộc thi KH&CN.

Hàng năm, Trường tổ chức các buổi báo cáo khoa học cấp khoa và cấp trường thu hút sự quan tâm của GV, CBNV và SV. Tính đến nay, Trường có 20 báo cáo khoa học cấp trường. Năm 2024, Trường có 08 báo cáo khoa học cấp trường.

2.3.4. Hoạt động phục vụ cộng đồng

Trường chú trọng tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề hướng nghiệp và ngày hội việc làm. Các tập đoàn, DN trong và ngoài nước được mời để trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Những hoạt động này cùng với những hỗ trợ/hợp tác khác đã giúp hàng trăm SV có cơ hội thực tập và được tuyển dụng ngay khi tốt nghiệp.

Góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động hợp tác nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực với các chính quyền địa phương đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. Theo đó, Trường đã ký kết hợp tác với nhiều địa phương, các tổ chức đoàn thể. Nhiều hội thảo và kết quả nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội đã được triển khai tại các địa phương và đem lại kết quả tích cực, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Hàng năm, Phòng CTSV-HTDN phối hợp Tỉnh Đoàn Long An tổ chức SV tham gia Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè, Chiến dịch Hoa Phượng Đỏ tại các vùng sâu, khó khăn trên địa bàn tỉnh Long An. Nhiều hoạt động ý nghĩa thiết thực đã được thực hiện thu hút đông đảo sự tham gia, hưởng ứng của học sinh, SV và người dân như thực hiện công trình Đường hoa Thanh niên, sân chơi “Mùa hè yêu thương” nâng cao kỹ năng tiếng Anh cho học sinh, SV Bên cạnh đó, Trường còn thường xuyên hưởng ứng và tham gia các chương trình nhân đạo khác do Công đoàn cấp trên phát động.

2.3.5. Hoạt động quan hệ hợp tác, đối tác

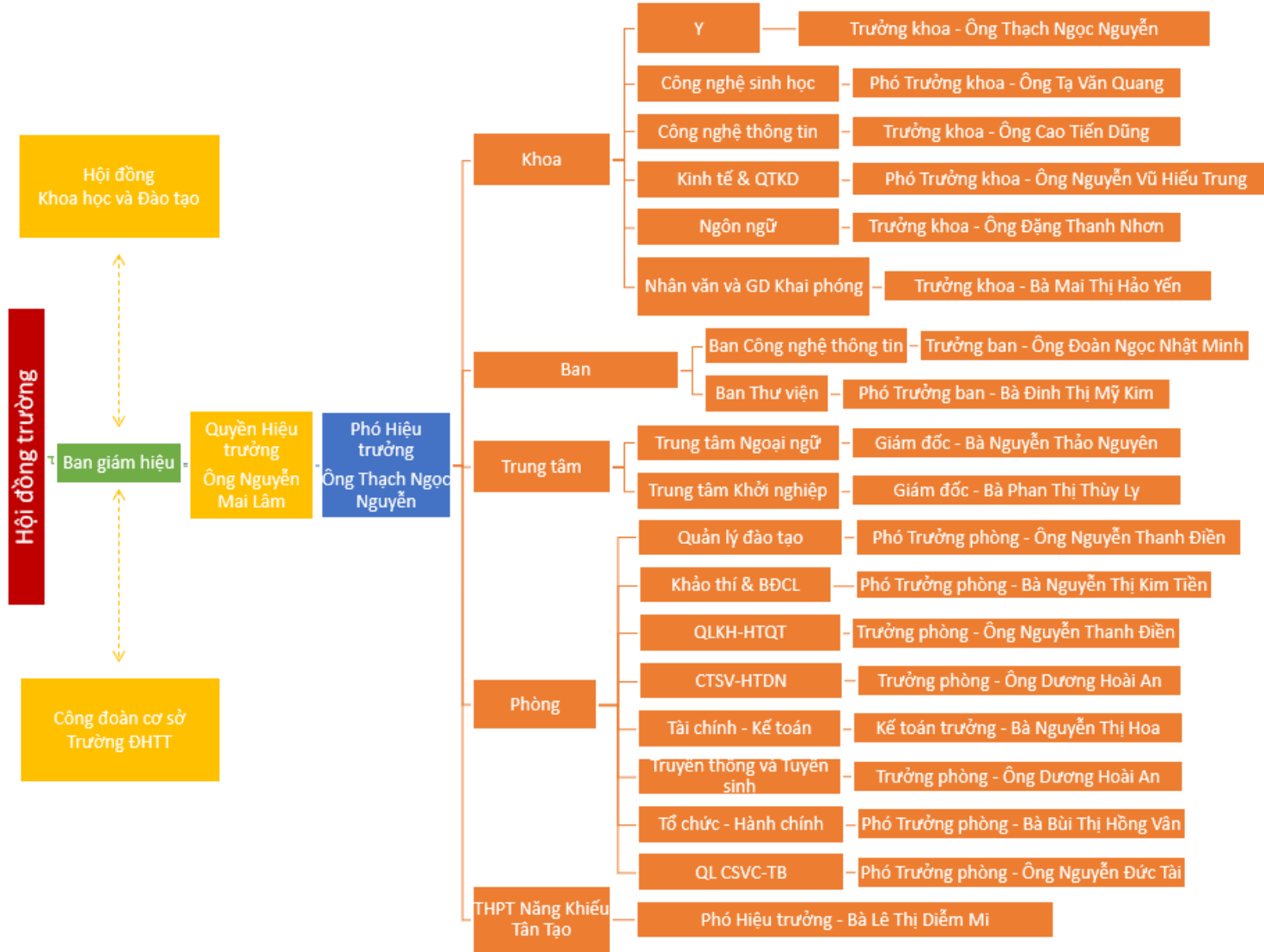
Trường ĐHTT luôn tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác là các công ty, DN trong và ngoài nước.

Trong quá trình thành lập và phát triển Trường, tập thể CBNV và các tổ chức đoàn thể, của Trường đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của Tỉnh Đoàn Long An, Huyện Đoàn Đức Hòa, Công Đoàn các khu công nghiệp tỉnh Long An.

2.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tân Tạo

2.4.1. Cơ cấu tổ chức của Trường

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG



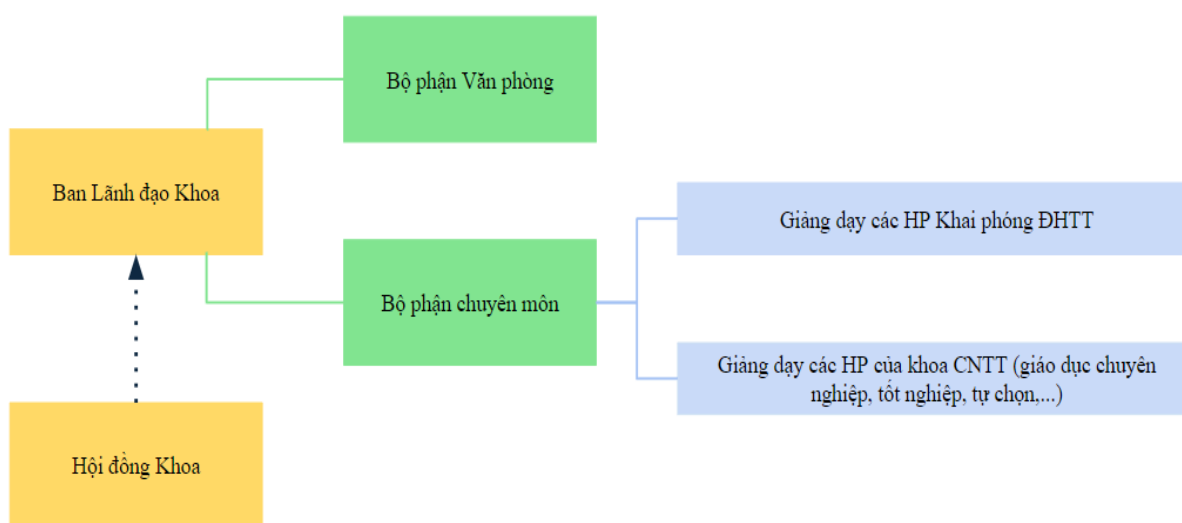
Hình 1.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Trường Đại học Tân Tạo

2.4.2. Giới thiệu về Khoa Công nghệ thông tin

Khoa Kỹ thuật (sau 01/06/2023 đổi tên thành Khoa CNTT) được thành lập theo Quyết định số 82/QĐ.TTU.12 ngày 04/01/2012 đào tạo ngành KHMT nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội và với định hướng phát triển mở rộng các ngành về CNTT. Năm 2023, Khoa Kỹ thuật đổi tên thành Khoa CNTT theo Quyết định số 70/QĐ-TTU.23 ngày 01/06/2023.

Đội ngũ GV phục vụ đào tạo của Khoa CNTT, gồm 06 người trong đó đội ngũ GV đều có trình độ TS.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Hình 1.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa CNTT

Chính sách chất lượng của Khoa Công nghệ Thông tin:

Khoa CNTT cam kết:

(1) Đào tạo đáp ứng CĐR, phương pháp dạy - học và QLĐT hướng đến tiếp cận với giáo dục khu vực và thế giới;

(2) Nâng cao năng lực của đội ngũ GV, thực hiện cải tiến PPGD, đánh giá theo hướng lấy NH làm trung tâm;

(3) Áp dụng ngoại ngữ, CNTT vào dạy - học, vào quản lý hướng tới yêu cầu của NH, người sử dụng lao động và xã hội;

(4) Cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về chuyên môn, có kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, ý thức trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và cộng đồng, có tư duy cầu tiến, giao tiếp và làm việc độc lập hoặc theo nhóm hiệu quả;

(5) Xây dựng môi trường làm việc công khai, minh bạch, luôn tạo cơ hội để mọi thành viên của Khoa có thể phát huy tối đa năng lực.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Khoa CNTT là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và là đơn vị top đầu QG về đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ liên quan đến lĩnh vực CNTT và Máy tính PVCD, CTĐT được KĐCL, hợp tác sâu rộng với các tổ chức trong và ngoài nước.

Sứ mệnh:

Khoa CNTT là đơn vị đào tạo và BD nguồn nhân lực ngành CNTT và Máy tính chất lượng cao ở trình độ ĐH; Nghiên cứu chuyên sâu và ứng dụng KHMT, CNTT và truyền thông vào các ngành nghề trong xã hội; Tiên phong tiếp cận chuẩn mực giáo dục ĐH khu vực và thế giới dựa trên mô hình giáo dục khai phóng và học tập suốt đời.

Chương trình đào tạo của ngành KHMT được xây dựng theo chương trình gốc của ĐH Duke, thuộc Hoa Kỳ là một trong những trường ĐH danh tiếng nhất Hoa Kỳ và đứng thứ 10 trong số các trường ĐH QG tại Hoa Kỳ theo U.S. News and World Report 2023 nên rất sát thực tế và cập nhật theo trình độ của thế giới.

Các GV tham gia giảng dạy đều được cập nhật về tài liệu, PPGD qua các khóa tập huấn nâng cao.

Người học tham gia học sẽ khai thác các tài liệu học tập do Trường ĐHTT cung cấp từ trang Course TTU và MS Teams trong quá trình học.

Giới thiệu về chương trình Khoa học Máy tính: Chương trình KHMT là chương trình mũi nhọn của Khoa CNTT. Đặc điểm nổi bật của ngành KHMT là chương trình được xây dựng theo chương trình gốc của ĐH Duke (Hoa Kỳ). Trong 05 năm gần đây ngành KHMT đã có 77 SV nhập học và đã có 06 NH tốt nghiệp (còn 04 NH đã học xong chương trình, đang chờ lấy bằng Tiếng Anh để tốt nghiệp). Hiện nay, chương trình có 62 SV đang theo học. Chương trình được giảng dạy bởi 9 GV, bao gồm 08 GV có trình độ TS và 01 GV có trình độ ThS (bao gồm GV cơ hữu và GV thỉnh giảng).

Vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành KHMT có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau, điển hình là các vị trí sau:

(i) Làm việc trong các công ty công nghệ: lập trình viên, kỹ sư trí tuệ nhân tạo, trưởng nhóm hoặc giám đốc dự án.

(ii) Kỹ sư dữ liệu/kỹ sư phân tích dữ liệu/nhà khoa học dữ liệu trong các công ty/tổ chức.

(iii) Nhà nghiên cứu/ tư vấn về đổi mới sáng tạo, chuyên đổi kinh tế số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại bộ phận nghiên cứu và phát triển của các công ty/tổ chức.

(iv) Nghiên cứu/ giảng dạy trong các trường ĐH/học viện tại Việt Nam và Quốc tế.

(v) Tiếp tục học ThS/ TS.

(vi) Khởi nghiệp.

Mục tiêu: Mục tiêu của CTĐT được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn – Sứ mệnh và triết lý giáo dục của Trường ĐHTT; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn – Sứ mệnh của Khoa CNTT, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển NCKH mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

Qua quá trình nghiên cứu bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, HĐ TĐG, Ban Thư ký và các nhóm công tác đã phân tích các tiêu chí, thu thập và xử lý MC, viết các phiếu đánh giá tiêu chí, dự thảo báo cáo TĐG, nghe ý kiến tư vấn của các chuyên gia, thảo luận và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo TĐG CTĐT ngành KHMT. Báo cáo TĐG CTĐT ngành KHMT đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, đưa ra kế hoạch hành động để tiếp tục duy trì mặt mạnh và các giải pháp khắc phục các mặt còn tồn tại của CTĐT ngành KHMT và TĐG mức độ đạt yêu cầu của các tiêu chí.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu và CDR của CTĐT có vai trò rất quan trọng đối với các cơ sở giáo dục bởi nó sẽ phản ánh sự gắn kết cơ sở đào tạo, ngành đào tạo với nhu cầu của XH. Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành KHMT được xây dựng dựa trên SM, TN, GTCL, TLGD, chiến lược dài hạn của Trường và Khoa, cùng mục tiêu chung của GDDH đã quy định tại Luật GDDH và nhu cầu của các BLQ. Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà NH phải đạt được sau khi ra Trường được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt; phản ánh được yêu cầu của các BLQ trong CDR này. Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình đào tạo ngành KHMT trình độ đại học của Trường ĐHTT được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo từ năm 2011 nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực về KHMT tại các công ty, DN từ trung ương đến địa phương [H1.01.01.01]. Trường ĐHTT và khoa CNTT đã thực hiện các đợt rà soát và cập nhật CTĐT ngành KHMT vào các năm 2019, 2021, 2022 với những lý do và mục tiêu cụ thể. Năm 2019 và 2021, theo chu kỳ 02 năm/lần Trường tiến hành rà soát và cập nhật CTĐT nhằm đảm bảo nội dung giảng dạy phù hợp với các yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của ngành KHMT [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Riêng năm 2022, Trường tiến hành đổi mới CTĐT sớm hơn chu kỳ thông thường để bám sát với TN, SM và chiến lược phát triển mới, đồng thời đồng bộ hóa với TLGD “Khai phóng – Học suốt đời” và GTCL. Những thay đổi này nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng tính hội nhập quốc tế và phát triển NH toàn diện, đáp ứng tốt sự thay đổi nhanh chóng của ngành KHMT [H1.01.01.04].

Trong giai đoạn 2019 - 2024, Trường xây dựng và ban hành các phiên bản CTĐT ngành KHMT, tất cả đều xác định rõ mục tiêu CTĐT [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Theo đó, mục tiêu của CTĐT ngành KHMT 2019 và 2021 được xác định [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Sau lần rà soát, điều chỉnh vào năm 2022, mục tiêu của CTĐT ngành KHMT được cập nhật lại để phù hợp với TN, SM của Trường và quy định pháp luật [H1.01.01.04]. Trên cơ sở mục tiêu chung của CTĐT, Khoa đã triển khai xây dựng những mục tiêu cụ thể nhằm mục đích xây dựng CDR đáp ứng nhu cầu xã hội và bám sát với nhu cầu tuyển dụng. So với các năm 2019 và 2021, mục tiêu CTĐT 2022 vẫn giữ những nội dung cốt lõi và bổ sung thêm các kỹ năng cần thiết như tư duy khởi nghiệp, kỹ năng quản lý, thảo luận, đàm phán [H1.01.01.05]. Chương trình đào tạo ngành

KHMT hiện hành được công khai trên cổng thông tin chính thức của Trường, của Khoa và cụ thể hóa thành các CDR của CTĐT, bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP và ma trận kỹ năng [H1.01.01.06].

Mục tiêu của CTĐT ngành KHMT được xác định phù hợp với TN, SM của Trường và Khoa CNTT khi hướng tới xây dựng đội ngũ nhân lực có chất lượng, có khả năng ngành nghề trong các lĩnh vực liên quan đến CNTT và KHMT [H1.01.01.07], (Bảng 1.1.1).

Bảng 1.1.1. Tính kết nối giữa TN, SM của Trường, TN, SM của Khoa CNTT và Mục tiêu đào tạo của ngành KHMT

	Trường Đại học Tân Tạo	Khoa Công nghệ Thông tin	Mục tiêu CTĐT ngành Khoa học Máy tính
Tâm nhìn	“Đến năm 2030, ĐHTT trở thành một trường ĐH nổi tiếng của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới.”	Đến năm 2030, Khoa CNTT là “cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và là đơn vị top đầu QG về đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ liên quan đến lĩnh vực CNTT và Máy tính PVCĐ, CTĐT được KĐCL, hợp tác sâu rộng với các tổ chức trong và ngoài nước.”	Đào tạo cử nhân ngành KHMT có: (i) Tư duy logic, năng lực sáng tạo tốt, suy nghĩ độc lập, khả năng phân tích và giải quyết các bài toán cụ thể từ nhiều lĩnh vực trong thực tế; (ii) Có khả năng phân tích, thiết kế, xây dựng và triển khai các ứng dụng phần mềm trên cơ sở các kiến thức về máy tính và bảo đảm toán học cho máy tính; (iii) Sử dụng thành thạo tiếng Anh; (iv) Có đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng để làm việc trong môi trường quốc tế; (v) Có phẩm chất chính trị, ý thức kỷ luật cao.
Sứ mạng	“Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình giáo dục ĐH của Mỹ, Trường ĐHTT khuyến khích suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng về ngôn ngữ. Trường ĐHTT sẽ đào tạo nên những con người có tính sáng tạo,	Khoa CNTT “là đơn vị đào tạo và BD nguồn nhân lực ngành CNTT và Máy tính chất lượng cao ở trình độ ĐH; Nghiên cứu chuyên sâu và ứng dụng KHMT, CNTT và truyền thông vào các ngành nghề trong xã hội; Tiên phong tiếp cận chuẩn mực giáo dục ĐH khu vực và thế giới dựa trên mô hình	

	Trường Đại học Tân Tạo	Khoa Công nghệ Thông tin	Mục tiêu CTĐT ngành Khoa học Máy tính
	tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo.”	giáo dục khai phóng và học tập suốt đời.”	

Bên cạnh đó, khi xây dựng MTĐT của CTĐT, Khoa luôn bám sát và phù hợp với mục tiêu của GDDH được quy định trong Luật GDDH năm 2012 sửa đổi bổ sung năm 2018; khung trình độ quốc gia Việt Nam tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ban hành ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT ngành KHMT với mục tiêu GDDH của Luật GDDH được thể hiện ở Bảng 1.1.2.

Bảng 1.1.2. Sự tương thích giữa MTĐT ngành KHMT với Luật GDDH

Luật Giáo dục đại học	MTĐT của ngành KHMT
“Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.”	Kiến thức giáo dục đại cương
	PO1. Những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, văn hoá.
	PO2. Vận dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong lĩnh vực kinh tế; có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, giao tiếp lưu loát với du khách, đối tác, đồng nghiệp sử dụng tiếng Anh đáp ứng vị trí công việc trong môi trường hội nhập quốc tế.
	Kiến thức về cơ sở ngành
	PO3. Trang bị kiến thức về các ngôn ngữ lập trình, thuật toán, cấu trúc dữ liệu, hệ điều hành, tổ chức của máy tính, xây dựng thuật toán và các mô hình toán học...
	Kiến thức về chuyên ngành
	PO4. Trang bị kiến thức về các chuyên ngành hẹp như: trí tuệ nhân tạo - học máy, khoa học dữ liệu và hệ thống phần mềm. PO5. Trang bị kiến thức về tư duy lập trình và phát triển phần mềm.
“Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện,	Kỹ năng cứng
	PO6. Có kỹ năng tự học và phát triển bản thân, có tư duy khởi nghiệp.

Luật Giáo dục đại học	MTĐT của ngành KHMT
<p>nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.”</p>	PO7. Có khả năng hình thành ý tưởng, tham gia phân tích, thiết kế, thực hiện các dự án phần mềm.
	PO8. Có khả năng áp dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề cả trong thực tế và trong nghiên cứu.
	PO9. Có kỹ năng nghề nghiệp và cá nhân, tính chuyên nghiệp, kỹ năng về quản lý, kiến thức về xã hội cũng như các cách tiếp cận và giải quyết vấn đề khác nhau phù hợp với các khía cạnh khác nhau của xã hội.
	Kỹ năng mềm
	PO10. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận, đàm phán, thuyết trình, làm việc nhóm, lập kế hoạch, khả năng lãnh đạo,...
	PO11. Đạt trình độ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.0 hoặc tương đương.
<p>“Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”</p>	Thái độ
	PO12. Có ý thức trách nhiệm và có hoài bão về nghề nghiệp được đào tạo.
	PO13. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
	Đạo đức nghề nghiệp
	PO14. Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ phục vụ tốt.
PO15. Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	

Quá trình rà soát, cập nhật CTĐT ngành KHMT dựa trên các căn cứ sau: i) Kế hoạch, hướng dẫn xây dựng và công bố CDR, các quy định liên quan đến xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ĐHTT [H1.01.01.08]; ii) Báo cáo nhân lực ngành CNTT để phân tích nhu cầu thị trường lao động và định hướng đầu ra cho CTĐT [H1.01.01.09]; iii) Tham khảo, đối sánh với mục tiêu CTĐT của các trường ĐH uy tín trong nước và quốc tế (ĐH Thăng Long (TLU), Trường ĐH Công Nghệ Thông Tin - HCM (UIT-HCM), Trường ĐH Duke – Hoa Kỳ, Trường ĐH Rice – Hoa Kỳ) [H1.01.01.10]; iv) Triển khai khảo sát ý kiến của các BLQ để hoàn thiện CTĐT và xây dựng định hướng đúng đắn cho quá trình dạy và học của Khoa CNTT qua các năm [H1.01.01.11]. Căn cứ các ý kiến đóng góp, mục tiêu

CTĐT đã được điều chỉnh. Về tổng thể, mục tiêu CTĐT được điều chỉnh theo hướng tăng cường khả năng tự học, nghiên cứu suốt đời cho NH, giúp NH có khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, đảm bảo sau khi ra trường có thể bắt tay ngay vào công việc. Như vậy, với mục tiêu đào tạo cử nhân ngành KHMT có trình độ chuyên sâu trong các lĩnh vực chuyên ngành, đáp ứng được yêu cầu xã hội, CTĐT đã cụ thể hóa được TN, SM của Trường ĐHTT; phù hợp với mục tiêu GDĐH quy định tại Luật GDĐH.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành KHMT được xây dựng rõ ràng, phù hợp với SM và TN của Trường ĐHTT đã được tuyên bố. Bên cạnh đó, mục tiêu CTĐT ngành KHMT còn phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH hiện hành và khung trình độ quốc gia Việt Nam. Đồng thời, mục tiêu của CTĐT được thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau và được rà soát, cải tiến trên cơ sở tham khảo ý kiến của các BLQ. Chương trình đào tạo được rà soát, chỉnh sửa theo kế hoạch chung của Trường 02 năm/1 lần.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT ngành KHMT chưa thể hiện rõ các yêu cầu về phát triển khả năng NCKH của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hội đồng khoa học khoa sẽ rà soát và điều chỉnh mục tiêu của CTĐT, trong đó cụ thể hóa các yêu cầu về phát triển khả năng NCKH của NH.	Khoa CNTT Phòng QLĐT	Năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì, đảm bảo mục tiêu CTĐT ngành KHMT một cách rõ ràng, phù hợp với TN, SM và GTCL của Trường, của Khoa, đồng thời phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định trong Luật GDĐH.	Khoa CNTT Phòng QLĐT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT														
	Kiến thức							Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
PO6								x	x					x	
PO7			x					x							
PO8						x		x							
PO9													x		
PO10										x		x			
PO11											x				
PO12													x		x
PO13										x		x			
PO14														x	
PO15														x	x

(Nguồn: Khoa CNTT, 09/2024)

Bảng 1.2.2. Ma trận kết nối giữa CDR CTĐT với Khung NLTĐQG

KTĐQG	CDR ngành KHMT														
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
KT1			x	x	x	x	x								
KT2	x	x													
KT3			x	x	x	x	x								
KT4					x	x	x	x							
KT5							x	x							
KN1								x	x	x		x			
KN2								x		x		x			
KN3								x	x	x		x			
KN4									x			x			

KTĐQG	CĐR ngành KHMT														
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
KN5								x		x		x			
KN6											x				
TCTN1													x	x	x
TCTN2														x	
TCTN3													x	x	
TCTN4													x		

(Nguồn: Khoa CNTT, 09/2024)

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Chuẩn đầu ra được thể hiện chi tiết và rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP thông qua ma trận giữa CĐR HP và CĐR CTĐT [H1.01.02.07]. Trong đó, mỗi CĐR của các HP được thiết kế phải đóng góp vào việc đạt được ít nhất một trong các CĐR của CTĐT. Ngoài những yêu cầu chung, CĐR cũng chi tiết đến những yêu cầu riêng biệt cho từng chuyên ngành, bao gồm: khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và học máy, hệ thống phần mềm. Đối với CĐR ngoại ngữ, NH phải bảo đảm đạt trình độ IELTS 5.0 hoặc tương đương [H1.01.02.08]. Nhờ việc cụ thể hóa CĐR và CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội, NH được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Điều này giúp NH có khả năng tìm kiếm việc làm, thích nghi tốt và cạnh tranh cao tại các công ty, DN, cũng như các trường ĐH trong và ngoài nước. Theo khảo sát sau 01 năm tốt nghiệp, NH tốt nghiệp ngành KHMT của Khoa CNTT đạt tỉ lệ việc làm phù hợp ngành đào tạo hoặc tiếp tục học nâng cao đạt tỷ lệ cao qua các năm [H1.01.02.09]. Chuẩn đầu ra được công bố công khai cho các BLQ trên website của Trường, của Khoa và được thông báo với NH trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H1.01.02.10].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa CNTT, của Trường ĐHTT; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của NH sau khi tốt nghiệp; được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Trường ĐHTT, Khoa CNTT khảo sát ý kiến của các BLQ về CĐR của CTĐT và tham khảo trong quá trình rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành KHMT.

3. Điểm tồn tại

Chuẩn đầu ra của CTĐT chưa thể hiện rõ được tinh thần khởi nghiệp do đòi hỏi cần có thời gian đào tạo chuyên sâu.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa triển khai rà soát, xây dựng CĐR của CTĐT ngành KHMT thể hiện rõ tinh thần khởi nghiệp.	Trưởng Khoa	Năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ, Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục rà soát CĐR của CTĐT ngành KHMT phản ánh được mục tiêu của CTĐT; xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp.	Khoa CNTT Các đơn vị liên quan	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình xây dựng CĐR của CTĐT ngành KHMT được Khoa thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHTT [H1.01.03.01]. Trong quá trình xây dựng, Khoa CNTT có tham khảo CĐR của một số trường đang đào tạo ngành KHMT như Trường ĐH Công Nghệ Thông Tin – HCM (UIT-HCM), Trường ĐH Thăng Long (TLU). Khi thực hiện báo cáo đối chiếu và đối sánh CĐR CTĐT của Nhà trường với CĐR của cơ sở đào tạo khác, tất cả các CĐR CTĐT ngành KHMT được xác định rõ ràng, cập nhật cụ thể, có thể đo lường được [H1.01.03.02]. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng với sự tham gia lấy ý kiến nhằm phản ánh đúng yêu cầu của các BLQ, được rà soát và điều chỉnh định kỳ ít nhất 02 năm một lần theo kế hoạch của Trường và được công bố công khai.

Trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT, Khoa CNTT phối hợp với phòng QLĐT lấy ý kiến của từ các BLQ (GV, NH, CNH và NTD) để đảm bảo CĐR phản ánh đúng yêu cầu thực tế. Đây cũng là sự cam kết của Khoa, Nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo đối với NH về các kiến thức chuyên môn, các kỹ năng gắn với yêu cầu của thị trường lao động. Phần lớn các ý kiến đề cao yêu cầu về kiến thức chuyên môn, các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thích ứng với nghề nghiệp, năng lực ngoại

ngữ,...[H1.01.03.03]. Kết quả đánh giá cho thấy 13/15 CĐR của bản dự thảo CTĐT năm 2022 được NH đánh giá có điểm trung bình trên mức 4 (thang Likert), ngoại trừ PLO6 và PLO12 được CNH đánh giá ở mức trung bình (3.9) cần tập trung cải thiện. Đối với GV, 15 CĐR đều được đánh giá phù hợp, với 12/15 CĐR tiệm cận mức 5, tuy nhiên cần ưu tiên cải thiện PLO12. Tương tự, các NTD đánh giá 15 CĐR đều phù hợp, trong đó PLO4 và PLO7 được đánh giá cao nhất, còn PLO12 có mức đánh giá thấp nhất. Những yêu cầu này đã được chuyển tải và cụ thể hóa vào các CĐR của CTĐT. Từ 2019 đến nay, CĐR của CTĐT đã được xây dựng, cập nhật, chỉnh sửa, hoàn thiện sau khi tiếp thu ý kiến của các BLQ, CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo cho NH sau khi hoàn thành CTĐT có khả năng thích ứng nhanh với công việc chuyên môn tại các công ty, DN [H1.01.03.04]. Chương trình đào tạo đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đạt được sau quá trình đào tạo, đồng thời phản ánh được yêu cầu của các BLQ thông qua các CĐR (về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học) và hệ thống mục tiêu của từng HP.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT được định kỳ rà soát, điều chỉnh nhằm đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, yêu cầu từ các BLQ và định hướng phát triển của Trường [H1.01.03.03]. So với CĐR trong giai đoạn trước, CĐR 2022 được bố cục rõ ràng, thể hiện rõ các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt; CĐR về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, mức tự chủ và trách nhiệm; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường. Cụ thể, CTĐT ngành KHMT 2022 gồm 07 CĐR về kiến thức; 05 CĐR về kỹ năng (kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm); 03 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm của NH [H1.01.03.04].

Bảng 1.3.1. So sánh CĐR của trình độ ĐH ngành KHMT qua các năm

Năm	2011, 2014, 2017	2019	2021	2022
Số lượng CĐR	Chưa có	15	15	15
Kiến thức	-	7	7	7
		Ít sử dụng động từ theo thang Bloom		Cập nhật các nội dung theo nhu cầu của xã hội (các BLQ) và sử dụng các động từ theo thang Bloom.
Kỹ năng	-	5	5	5

Năm	2011, 2014, 2017	2019	2021	2022
		Đạt trình độ tiếng Anh quốc tế với TOEFL PBT 600/ TOEFL iBT 100 hoặc IELTS 7.0 hoặc tương đương.		Có 2 CDR về ngoại ngữ tương đương CTĐT hệ Tiếng Anh và Tiếng Việt: - Đạt trình độ tiếng Anh quốc tế với TOEFL PBT 600/ TOEFL iBT 100 hoặc IELTS 7.0 hoặc tương đương. - Đạt trình độ tiếng Anh quốc tế với TOEFL iBT 61 hoặc IELTS 5.0 hoặc tương đương.
		-		Cập nhật các nội dung theo nhu cầu của xã hội (các BLQ) và sử dụng các động từ theo thang Bloom.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	-	3	3	3
	-	-		
Tổng thể	Chưa có ma trận	Có xây dựng ma trận tích hợp		
	-	Tương thích với TN, SM của Trường và mục tiêu GDDH, có đối sánh với đối sánh với khung trình độ quốc gia, phản ánh được yêu cầu của các BLQ.		

(Nguồn: Khoa CNTT, 09/2024)

Sau khi được xây dựng hoặc điều chỉnh, CDR của CTĐT ngành KHMT được công bố công khai trên các kênh chính thức như website của Khoa và Trường **[H1.01.03.05]**. Đồng thời, CDR được phổ biến trong các buổi sinh hoạt đầu khóa và tuần sinh hoạt công dân, giúp NH dễ dàng tiếp cận thông tin, hiểu rõ các yêu cầu của chương trình và lập kế hoạch học tập phù hợp **[H1.01.03.06]**. Chuẩn đầu ra cũng được thể hiện đầy đủ trong ma trận kỹ năng và ĐCCT HP đảm bảo minh bạch và thống nhất trong toàn bộ CTĐT. **[H1.01.03.07]**.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu

cầu của các BLQ do có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các NTD, NH, CNH và nhu cầu của thị trường lao động.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của Trường dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT được công bố công khai cho các BLQ trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong ĐCCT HP.

3. Điểm tồn tại

Quá trình xây dựng CDR chưa mở rộng lấy ý kiến được nhiều DN, NTD tham gia vào việc xây dựng CDR của CTĐT. Việc tổ chức lấy ý kiến các BLQ có thực hiện nhưng chưa thường xuyên.

Số lượng các NTD có thương hiệu trong ngành KHMT ký kết hợp tác với Khoa chưa nhiều do Trường chưa có nhiều kết nối với mạng lưới NTD.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường ĐHTT mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với DN, NTD trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Khoa CNTT tăng cường tìm kiếm và kết nối với các NTD có nhu cầu tuyển dụng NH ngành KHMT và tiến tới ký kết hợp tác với các NTD.	Khoa CNTT Các đơn vị liên quan	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ, Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục rà soát cập nhật CDR của CTĐT đáp ứng yêu cầu của các BLQ, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các NTD, NH, CNH và nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời công bố công khai cho các BLQ trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong ĐCCT HP.	Khoa CNTT Các đơn vị liên quan	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Mục tiêu của CTĐT ngành KHMT được xác định rõ ràng; phù hợp với SM và TN của Trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành KHMT tiếp thu ý kiến của các BLQ trong quá trình rà soát, điều chỉnh và thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT được xác định rõ ràng,

phản ánh được mục tiêu của CTĐT. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các BLQ, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các NTD, NH, CNH và nhu cầu của thị trường lao động. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của Trường và được công bố công khai cho các BLQ trên các phương tiện thông tin cũng như được thể hiện trong CTĐT, trong ĐCCT HP.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Số lượng NTD trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành KHMT chưa nhiều. Số lượng CNH, các NTD tham gia khảo sát về CDR của CTĐT ngành KHMT còn hạn chế. Số lượng các NTD có thương hiệu trong ngành KHMT ký kết hợp tác với Khoa CNTT chưa nhiều.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành KHMT được xây dựng trên cơ sở đảm bảo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường ĐHTT và của Khoa CNTT, gắn với nhu cầu của NH, nhu cầu XH. Bản mô tả CTĐT thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đào tạo trình độ ĐH, cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc môn học, CDR của chương trình và của từng HP cụ thể, bản tổng hợp các HP, tiêu chí tuyển sinh, ĐCCT HP cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, phương pháp KT&DG KQHT của NH. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP được cập nhật thường xuyên và công bố công khai cho các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành KHMT được xây dựng dựa trên cơ sở quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, quy định về xây dựng, cập nhật, phát triển CTĐT và quy chế đào tạo ĐH của Trường ĐHTT [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03].

Bản mô tả CTĐT năm 2022 của ngành KHMT được xây dựng rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin quan trọng, chính thống về CTĐT [H2.02.01.04]:

Phần 1: Thông tin chung về Chương trình đào tạo:

1. Giới thiệu về CTĐT.
2. Thông tin về CTĐT.
3. Sứ mệnh – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục.
4. Mục tiêu của CTĐT.

5. Chuẩn đầu ra CTĐT.
6. Vị trí việc làm.
7. Cơ hội học tập và nâng cao.
8. Cơ sở làm việc sau tốt nghiệp.
9. Khối lượng học tập.
10. Cấu trúc và nội dung của CTĐT.
11. Thông tin tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp.
12. Các CTĐT đã đối sánh.
13. Chiến lược, phương pháp giảng dạy – học tập và sự chuẩn bị của giảng viên.
14. Phương pháp kiểm tra, đánh giá.
15. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học.
16. Học phần tốt nghiệp.
17. Điều kiện tối thiểu thực hiện CTĐT.
18. Tóm tắt nội dung học phần.

Phần 2: Hướng dẫn sử dụng chương trình

1. Các học phần Đại cương
2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian học tập
3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc học phần.
4. Hướng dẫn công nhận tốt nghiệp.
5. Các chú ý khác.

Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung bao gồm tên CSGD, tên gọi của văn bằng, tên CTĐT, thời gian đào tạo, mục tiêu, CDR của CTĐT, tiêu chí tuyển sinh, cấu trúc CTDH, ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR), đề cương các môn học/học phần, thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT. Nội dung CTĐT là danh sách các HP mà NH cần phải đạt để tốt nghiệp gồm: khối kiến thức đại cương và khai phóng; khối kiến thức ngoại ngữ - Anh văn; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành bắt buộc; kiến thức ngành bắt buộc; kiến thức bắt buộc cho từng chuyên ngành); kiến thức tốt nghiệp (thực tập/khóa luận tốt nghiệp + DATN/tiểu luận/các HP thay thế); kiến thức tự chọn. Chương trình đào tạo cho thấy số HP tự chọn nhiều làm tăng khả năng nắm bắt công việc trong mọi trường hợp. Chương trình đào tạo và bản mô tả cho thấy tổng số TC CTĐT phân phối các HP trong từng HK dự kiến (8 HK). Mục này dùng làm cơ sở cho NH đăng ký HP (học theo đúng tiến trình; học lại, học vượt, học thêm HP khác theo quy định) tùy từng khả năng của mỗi người **[H2.02.01.04]**.

Các nội dung được cập nhật trong bản mô tả CTĐT ngành KHMT có tính kế thừa và là kết quả của việc thu thập, phân tích ý kiến phản hồi của các BLQ. Trường đã ban hành kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT, trong đó có xây dựng bản mô tả CTĐT và triển khai thực hiện **[H2.02.01.05]**. Sau khi tiếp nhận thông báo và kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT từ

phía Nhà trường, Khoa CNTT tổ chức cuộc họp để phổ biến kế hoạch và phân công tổ công tác rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT [H2.02.01.06]. Theo đó, Khoa tiến hành khảo sát và thu thập ý kiến các BLQ như: CNH, các chuyên gia và đơn vị sử dụng lao động và GV tham gia CTĐT về những nội dung của CTĐT [H2.02.01.07]. Bên cạnh đó, Khoa thực hiện đối sánh, tham khảo một số CTĐT cùng ngành của CSGD trong và ngoài nước: ĐH Thăng Long (TLU), ĐH Công Nghệ Thông Tin - HCM (UIT-HCM), ĐH Duke – Hoa Kỳ, ĐH Rice – Hoa Kỳ [H2.02.01.08]. Sau khi thực hiện rà soát và cập nhật CTĐT, các yếu tố trong bản mô tả CTĐT được cấu trúc hệ thống, logic; bổ sung ma trận liên kết HP và CDR, PPDH, rubric KTĐG. Tổng số tín chỉ tăng từ 126 (CTĐT 2021) lên 130 (CTĐT 2022), phản ánh sự cập nhật trong CDR, ma trận kỹ năng và các lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp với chuẩn thang Bloom, đối sánh với Bộ GD&ĐT và các CSGD trong, ngoài nước [H2.02.01.04], [H2.02.01.08].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành KHMT thể hiện đầy đủ nội dung và thông tin cần thiết theo quy định, được ban hành chính thức.

Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan theo kết quả rà soát định kỳ và ý kiến phản hồi của các BLQ một cách rõ ràng thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Tiến trình đào tạo được mô tả trong bản mô tả còn chưa linh hoạt, nhu cầu học vượt, học sớm của NH còn hạn chế, việc lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các BLQ chưa rộng.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường ĐHTT tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, Khoa CNTT tham khảo thêm Bản Mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản Mô tả CTĐT của Khoa.	Khoa CNTT Phòng QLĐT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục rà soát, cập nhật, ban hành Bản mô tả CTĐT ngành KHMT và thông báo đến các BLQ bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau.	Khoa CNTT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương chi tiết HP được xem là một yếu tố quan trọng cấu thành CĐR của CTĐT, do đó ĐCCT HP luôn được xây dựng, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CĐR CTĐT. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT và CTĐT đã được phê duyệt, Khoa tổ chức xây dựng ĐCCT HP. Trong quá trình biên soạn, rà soát, điều chỉnh ĐCCT HP, Khoa CNTT luôn bám sát các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường nhằm đảm bảo tính nhất quán, đảm bảo các hoạt động dạy - học và phương pháp KTĐG gắn liền, phù hợp với việc đạt được CĐR [H2.02.02.01].

100% đề cương chi tiết HP có đầy đủ thông tin, bao gồm: Thông tin chung HP; thông tin GV giảng dạy; mô tả học phần; mục tiêu, CĐR HP; ma trận liên kết CĐR HP với CĐR CTĐT; tài liệu, giáo trình giảng dạy; phương pháp KTĐG; Nội dung, hình thức dạy học; quy định, yêu cầu của HP. Đề cương chi tiết HP đã bảo đảm thể hiện được sự tương thích giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được mục tiêu của học phần, PPDH để có thể đạt được mục tiêu đã nêu và phương pháp KTĐG qua đó lượng giá được hiệu quả giảng dạy nhằm đạt được CĐR của HP [H2.02.02.02].

Thêm vào đó, 100% đề cương chi tiết HP của CTĐT ngành KHMT do GV biên soạn và được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường [H2.02.02.03], [H2.02.02.04]. Mỗi ĐCCT HP có chỉnh sửa hoặc được xây dựng mới đều được lên kế hoạch, phân công biên soạn [H2.02.02.04]. Dựa trên kế hoạch và phân công, các thành viên tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật ĐCCT HP [H2.02.02.05]. Trong quy trình xây dựng, rà soát ĐCCT HP, Khoa và Nhà trường rất chú ý đến việc lấy ý kiến của các chuyên gia, GV về các nội dung để điều chỉnh phù hợp. Theo đó, ĐCCT HP ban hành năm 2022 được nhóm GV phụ trách HP xây dựng dựa trên sự đóng góp lấy ý kiến của NH, CNH và NTD, được thông qua khảo sát ý kiến của các BLQ về CTĐT [H2.02.02.06]. Trong chu kỳ đánh giá, ĐCCT HP của CTĐT ngành KHMT được rà soát, điều chỉnh 02 lần. So với ĐCCT HP 2019 và 2021, thì ĐCCT HP năm 2022 tập trung thực hiện đối với CĐR và điều chỉnh, cập nhật các thông tin như: Thông tin HP, GV phụ trách HP, Mô tả tóm tắt nội dung HP, Mục tiêu và chuẩn đầu ra HP, Tài liệu sử dụng cho HP, Đánh giá kết quả HP, Thang điểm đánh giá, Nội dung HP và PPGD. Thông tin được rà soát và cập nhật chi tiết: thay đổi mã môn, tên môn tiếng Việt, thêm ma trận tích hợp giữa mục tiêu HP, CĐR HP và CĐR của CTĐT, tích hợp nội dung và PPGD, phân hướng dẫn tự học; điều chỉnh biểu mẫu đề cương theo quy định của Trường ĐHTT; xác định rõ HP tiên quyết, học trước, học song hành cho từng HP; điều chỉnh nguồn học liệu (tài liệu chính, tài liệu tham khảo); làm rõ, cụ thể hơn về cách thức KTĐG HP (hình thức kiểm tra; rubric đánh giá; tỷ trọng điểm,...) [H2.02.02.02]. Sự thay đổi này mang lại lợi ích cho cả GV và NH. Cụ thể, ma trận tích hợp giữa mục tiêu HP, CĐR HP và CĐR của CTĐT giúp GV xác định được liên

kết của CĐR HP và CĐR của CTĐT. Phần hướng dẫn tự học giúp định hướng cho NH nội dung, phương pháp, tài liệu giảng dạy; đồng thời nâng cao tinh thần chủ động thực hiện hoạt động tự học của NH. Ngoài ra, tại mỗi học kỳ mở lớp, 100% đề cương chi tiết của học kỳ được rà soát và bổ sung kiến thức mới nhằm phù hợp với sự phát triển của xã hội, đáp ứng được yêu cầu của các BLQ.

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ ĐCCT HP ngành KHMT và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. Trường đã ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCT HP ngành KHMT được rà soát, điều chỉnh định kỳ ít nhất 02 năm/ 1 lần.

Đề cương chi tiết HP có đầy đủ các thông tin được yêu cầu, trong đó thể hiện rõ CĐR HP gắn kết với CĐR của CTĐT. Các đề cương chi tiết HP được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các HP, danh mục tài liệu tham khảo, đáp ứng xu thế hiện nay về lĩnh vực ngành KHMT. Mọi thông tin liên quan đến HP, cấu trúc, nội dung, phương pháp KTĐG của HP đều được cung cấp đầy đủ để NH đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng HK, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Một số ĐCCT HP chưa kịp thời cập nhật các tài liệu tham khảo được xuất bản hoặc tái bản trong khoảng 05 năm gần nhất.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa CNTT tổ chức rà soát các ĐCCT chưa viết đầy đủ các thông tin điều chỉnh qua từng năm để cập nhật bổ sung đầy đủ hơn.	Khoa CNTT Phòng QLĐT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ, Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục rà soát, ban hành hành đầy đủ ĐCCT HP ngành KHMT và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định.	Khoa CNTT Phòng QLĐT	Từ năm học 2025- 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP đến các BLQ luôn được Nhà trường xác định có vai trò quan trọng đối với việc đảm bảo chất lượng CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành KHMT và 100% ĐCCT HP sau khi ban hành đều được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, bao gồm 03 hình thức chủ yếu: (1) phổ biến trực tiếp cho NH vào tuần sinh hoạt công dân và buổi học đầu tiên của HP; (2) lưu hành trong thư viện Nhà trường như tài liệu tham khảo cho NH; (3) đăng tải trên website đào tạo của Nhà trường và Khoa với quyền truy cập mở cho các đối tượng **[H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04]**. Đối với NH tiềm năng là học sinh lớp 12 chuẩn bị tham dự kỳ thi tuyển sinh đại học, có thể nắm bắt được thông tin cơ bản về CTĐT qua trang thông tin tuyển sinh của Nhà trường/Khoa, thông qua chương trình tư vấn tuyển sinh hoặc qua các tờ rơi tuyển sinh **[H2.02.03.05]**.

Việc công bố bản mô tả CTĐT và các ĐCCT HP bằng nhiều hình thức như trên giúp cho các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp... có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Người học nắm được các HP có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học; giúp cho GV có cơ sở xây dựng ĐCCT HP và đối soát khả năng đóng góp của các HP cho CDR của CTĐT, chuẩn bị kế hoạch giảng dạy cũng như nắm được nội dung giảng dạy của các HP liên quan để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các HP, giữa các năm học; giúp cho các nhà quản lý, NTD nắm được các thông tin bao quát về CTĐT, đánh giá được khả năng đáp ứng của CTĐT với nhu cầu xã hội. Các bộ phận liên quan như Phòng QLĐT, Khoa CNTT đều có bản in toàn văn mô tả CTĐT của ngành học để nắm rõ thông tin về CTĐT, về các HP, cũng như thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện CTĐT của GV và NH. Thông qua các hình thức công khai nêu trên, NH sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm được nội dung chi tiết của bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP và CDR của các HP đó. Đối với NH, ngay khi nhập học, tuần sinh hoạt đầu khóa, NH đã được Lãnh đạo Khoa và CVHT của lớp phổ biến bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP, định hướng nghề nghiệp cho NH.

Hàng năm Trường ĐHTT, Khoa CNTT triển khai khảo sát ý kiến của GV, NH về CTĐT, ý kiến NH về hoạt động giảng dạy hàng năm cho thấy, 100% GV được hỏi đồng ý với nhận định “Bản mô tả CTĐT phổ biến công khai cho các BLQ”; 100% NH được hỏi đều đồng ý với nhận định “giảng viên giới thiệu đề cương môn học và KQHT mong đợi ngay từ buổi học đầu tiên” **[H2.02.03.06]**. Nhà trường cũng ghi nhận tiếp thu các góp ý mang tính xây dựng, tích cực từ NH thông qua các buổi gặp gỡ Lãnh đạo khoa đầu kỳ, diễn đàn đối thoại giữa BGH Nhà trường và NH mỗi đầu năm học **[H2.02.03.07]**.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHTT, Khoa CNTT xây dựng và ban hành Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành KHMT với đầy đủ các thông tin theo đúng quy định được ban hành và được công

bố, công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt được thông báo trực tiếp đến NH giúp NH nắm được thông tin các HP để xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

Trường khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ thể hiện các BLQ dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành KHMT đến các BLQ. Chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phòng KT-BĐCL phối hợp với Khoa CNTT đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành KHMT đến các BLQ.	Khoa CNTT Phòng KT-BĐCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục rà soát Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành KHMT và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.	Khoa CNTT Các đơn vị liên quan	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP ngành KHMT đầy đủ thông tin, rõ ràng và được điều chỉnh, cập nhật định kỳ. Đề cương chi tiết các HP được thiết kế và chuẩn hóa đúng quy định, liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển của xã hội. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP đều được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật dựa vào sự đóng góp của HĐ khoa học cấp trường, cấp khoa, các GV, CNH, các đơn vị tuyển dụng và của các nhà chuyên môn.

Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành KHMT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các BLQ có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Bản mô tả CTĐT chưa được cập nhật thường xuyên trong việc lấy ý kiến khảo sát của GV và NH. Việc lấy ý kiến của CNH, NTD còn ít và chưa đa dạng.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Hiện nay, ngành KHMT là một trong những ngành học được chú trọng trong hệ thống đào tạo của Trường ĐHTT. Nó được xem là ngành đào tạo mũi nhọn hướng đến sự phát triển của công nghệ và khoa học kỹ thuật trong thời đại số hóa ngày nay. Với nhận thức cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo, Khoa CNTT, Trường ĐHTT đã thực hiện xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật CTDH định kỳ. Chương trình dạy học ngành KHMT là một hệ thống HP được cấu trúc hợp lý, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục đích, chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực hoạt động nghề nghiệp và đáp ứng nhu cầu nhân lực ngành KHMT ngày nay. Các phương pháp dạy và học, KTĐG NH được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTDH và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng HP. Chủ đề và nội dung các HP được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH.

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo quy chế đào tạo đại học của Bộ GD&ĐT và quy chế đào tạo của Trường ĐHTT [H3.03.01.01]. Theo đó, CTDH ngành KHMT bao gồm các nội dung: mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể; CĐR của mỗi HP; cấu trúc khối kiến thức, danh sách và nội dung các HP, tiến trình, chiến lược dạy học – PPDH và phương pháp KTĐG [H3.03.01.02]. Chương trình dạy học được xây dựng nhằm giúp NH đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm sau khi tốt nghiệp ngành KHMT. Tương ứng với từng yêu cầu của CĐR, CTDH được phân bổ thành các khối kiến thức cụ thể: kiến thức đại cương và khai phóng, kiến thức về ngoại ngữ - Anh văn, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, kiến thức ngành bắt buộc và kiến thức bắt buộc cho từng chuyên ngành), kiến thức tốt nghiệp, kiến thức tự chọn. Các HP được sắp xếp theo trình tự gồm HP tiên quyết, HP học trước, HP song hành vì vậy thể hiện được sự tương thích với nội dung và thể hiện sự đóng góp của HP trong CTDH nhằm đạt được CĐR.

Chương trình có tính hệ thống, nội dung được tích hợp kiến thức với kỹ năng hướng đến sự sáng tạo, NH đạt cấp bậc tư duy theo thang Bloom từ trung bình tới cao. Quy trình thiết kế CTDH ngành KHMT phát triển dựa trên: Chương trình khung của Bộ GD&ĐT, đạt các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Do vậy

100% các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể cho mỗi HP nhằm đạt được CĐR [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Khoa đã xác lập ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT; ma trận liên kết giữa CĐR của CTĐT với CĐR của HP để thiết kế CTDH được thể hiện ở Bảng 3.1.1.

Bảng 3.1.1. Ma trận liên kết giữa CĐR và các khối kiến thức

Khối kiến thức		Kiến thức đại cương và khai phóng	Kiến thức ngoại ngữ - Anh văn	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			Kiến thức tốt nghiệp	Kiến thức tự chọn	
				Cơ sở ngành bắt buộc	Ngành bắt buộc	Bắt buộc cho từng chuyên ngành			
CĐR	Kiến thức	PLO1	x		x	x	x		x
		PLO2	x	x					x
		PLO3	x		x	x	x	x	x
		PLO4	x		x	x	x	x	x
		PLO5	x		x	x	x	x	x
		PLO6	x		x	x	x	x	x
		PLO7	x		x	x	x	x	x
	Kỹ năng	PLO8	x		x	x	x	x	x
		PLO9	x		x	x	x	x	x
		PLO10	x	x	x	x	x	x	x
		PLO11		x				x	x
		PLO12	x		x	x	x	x	x
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	PLO13	x		x	x	x	x	x
		PLO14	x	x	x	x	x	x	x
		PLO15	x		x	x	x	x	x

(Nguồn: Khoa CNTT, 09/2024)

Chương trình dạy học đã sắp xếp các HP theo trình tự một cách hợp lý từ các HP thuộc khối kiến thức đại cương và khai phóng đến cơ sở ngành và chuyên ngành một cách logic, do vậy cấu trúc của CTĐT có sự gắn kết và liền mạch. Tỷ lệ các khối kiến thức được cân đối trên cơ sở CĐR (Bảng 3.1.2). Chương trình dạy học cũng bổ sung các HP tự chọn nhằm thể hiện được tính linh động của CTĐT với tỷ lệ phù hợp giúp NH thể hiện được tính tự chủ và nhằm phát triển bản thân theo định hướng và sở thích cá nhân với 19 TC tự

chọn. Theo đó, CTDH ngành KHMT gồm 130 TC (*không bao gồm 19 TC Giáo dục Thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và Anh văn Tăng cường*)

Bảng 3.1.2. Phân bổ kiến thức CTĐT năm 2022

TT	Khối kiến thức	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn	Tổng	Tỷ lệ* (%)
1	Kiến thức khai phóng và đại cương	36	27	63	24,41
1.1	Kiến thức khai phóng	21	27	48	18,60
1.2	Kiến thức đại cương	15	0	15	5,81
	- Giáo dục thể chất - Quốc phòng An ninh	11*	0	11*	0
2	Kiến thức Ngoại ngữ - Anh văn	12	8*	12	4,65
2.1	Anh văn	12	0	12	4,65
2.2	Anh văn tăng cường	0	8*	8*	0
3	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	51	30	81	31,40
3.1	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	18	0	18	6,98
3.2	Kiến thức ngành bắt buộc	18	0	18	6,98
3.3	Kiến thức bắt buộc cho từng chuyên ngành	15	30	45	17,44
4	Kiến thức tốt nghiệp	12	18	30	11,63
4.1	Thực tập/Khóa luận tốt nghiệp và Đồ án/Tiểu luận/Các HP thay thế (HP tự chọn)	12	18	30	11,63
5	Kiến thức tự chọn	19	53	72	27,91
	Tổng	130	136	258	100

(Nguồn: Khoa CNTT, 09/2024)

Ghi chú: “*” Không tính 19 TC Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng An ninh, và các TC Anh văn tăng cường.

Trong quá trình rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT, CTDH trình độ ĐH chính quy; Trường đã có các văn bản hướng dẫn để xác định các PPGD, học tập, phương pháp kiểm

tra và đánh giá KQHT của NH phù hợp và góp phần đạt CĐR [H3.03.01.01]. Trường hướng dẫn và xác định rõ tổ hợp phương pháp dạy và học, hình thức và nội dung KTĐG phù hợp với CĐR. Cụ thể, khi xây dựng ĐCCT HP của từng HP trong CTDH thì nội dung và CĐR HP này phải đạt được yêu cầu CĐR CTĐT. Bên cạnh đó, GV thiết kế hoạt động dạy và học chi tiết đối với từng HP, từng chương phải đáp ứng CĐR HP và CĐR CTĐT. Các PPGD, KTĐG KQHT của NH đối với từng HP của GV phụ trách được xác định trong ĐCCT HP, thể hiện rõ trong CTDH năm 2022. Chương trình dạy học ngành KHMT sử dụng đa dạng các PPDH như thuyết trình, bài tập thực hành, thực hiện dự án, chú trọng phát triển kỹ năng và năng lực NH. Việc kiểm tra, đánh giá KQHT của NH được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT [H3.03.01.03], [H3.03.01.05], [H3.03.01.06].

Trong quá trình rà soát, CTDH được góp ý từ tổ công tác rà soát, điều chỉnh là những chuyên gia, những người làm về công tác đào tạo, kiểm định, GV có uy tín, kinh nghiệm trong giảng dạy, quản lý và được thẩm định bởi Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường [H3.03.01.07]. Ngoài ra, Khoa còn lấy ý kiến phản hồi của các BLQ gồm các GV trong Khoa, ý kiến của NH, CNH [H3.03.01.07]. Hoạt động này giúp điều chỉnh, cập nhật các HP cho phù hợp hơn, nhằm đáp ứng CĐR của HP và CĐR của CTĐT. Tổng hợp các ý kiến các BLQ đều cho thấy CTDH có nội dung liên quan mật thiết đến CĐR.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học ngành KHMT được thiết kế đảm bảo 100% yêu cầu với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức đại cương và khai phóng, kiến thức về ngoại ngữ - Anh văn, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức tốt nghiệp, kiến thức tự chọn đảm bảo đáp ứng các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTDH đều được xác định rõ mức độ 100% đạt CĐR. Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của NH cũng được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của NH.

3. Điểm tồn tại

Các phương pháp dạy học tích hợp giữa trực tiếp và trực tuyến chưa được thực hiện đồng đều ở đội ngũ giảng viên, nhất là các giảng viên thỉnh giảng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn	Khoa CNTT tổ chức các buổi hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và phương pháp dạy học tích hợp cho GV, bao gồm GV thỉnh giảng, đồng thời tiếp tục thiết kế	Khoa CNTT Phòng KT-	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
	tại	PPGD và học tập, kiểm tra/đánh giá kết quả người học của các học phần phù hợp với CTDH.	BĐCL Phòng QLĐT		
2	Phát huy điểm mạnh	Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Bộ GD&ĐT. Chương trình dạy học ngành KHMT được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.	Khoa CNTT Phòng QLĐT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Bộ GD&ĐT. Chương trình dạy học ngành KHMT được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

Bảng 3.2.1. Tỷ trọng các học phần đáp ứng CĐR

Khối kiến thức	CĐR	Số lượng HP	Tỷ trọng (%) (tính trên tổng số lượng HP là 82)
Kiến thức	PLO1	15	18,30
	PLO2	29	35,40
	PLO3	28	34,10
	PLO4	29	35,40
	PLO5	29	35,40
	PLO6	36	43,90
	PLO7	35	42,70
Kỹ năng	PLO8	36	43,90
	PLO9	27	32,90
	PLO10	48	58,50
	PLO11	34	41,50
	PLO12	64	78,00
	PLO13	10	12,20

Khối kiến thức	CĐR	Số lượng HP	Tỷ trọng (%) (tính trên tổng số lượng HP là 82)
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	PLO14	68	82,90
	PLO15	18	22,00

(Nguồn: Khoa CNTT, 09/2024)

Bên cạnh đó, 100% các HP trong CTĐT đều xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR (Bảng 3.2.2). Để thực hiện lựa chọn PPDH và phương pháp KTĐG phù hợp, Khoa đã căn cứ vào “Hướng dẫn lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá và phân tích kết quả học tập của người học nhằm đạt chuẩn đầu ra” của Trường đã ban hành [H3.03.02.04].

Bảng 3.2.2. Mối liên hệ giữa CĐR và phương pháp dạy - học, phương pháp đánh giá

Chiến lược - phương pháp	Chuẩn đầu ra (PLOs)																
	Kiến thức							Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7			PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
							a	b	c								
Phương pháp giảng dạy – học tập																	
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X
Giải thích cụ thể	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X					X
Tham luận		X								X			X				X
Câu hỏi gợi mở	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	X
Bài tập thực hành	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X		X
Sinh viên thuyết trình			X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		

Chiến lược - phương pháp	Chuẩn đầu ra (PLOs)																	
	Kiến thức							Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm					
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7			PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	
							a	b	c									
Nghiên cứu độc lập					X	X				X	X	X			X			
Thực hiện dự án			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X			
Trợ giảng và hỗ trợ học thuật	X		X	X								X						
Thực tập tại doanh nghiệp										X	X	X		X	X	X	X	
Bài tập về nhà	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X			
Phương pháp kiểm tra, đánh giá																		
Đánh giá chuyên cần	X	X	X	X	X	X	X	X	X								X	X
Đánh giá bài tập cá nhân/nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X			X	X
Đánh giá thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X

Chiến lược - phương pháp	Chuẩn đầu ra (PLOs)																
	Kiến thức									Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7			PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
							a	b	c								
Kiểm tra viết/ tự luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X			
Kiểm tra trắc nghiệm và trắc nghiệm kết hợp tự luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X			
Viết báo cáo				X	X	X	X	X	X	X	X			X			
Thuyết trình			X	X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	
Thực hành		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X						
Báo cáo thực tập/ khóa luận tốt nghiệp/ đồ án tốt nghiệp										X	X	X		X			

(Nguồn: Khoa CNTT, 09/2024)

Trong quá trình xây dựng, cập nhật nội dung HP để đạt CDR, Khoa CNTT đã tiến hành khảo sát tiếp thu ý kiến của các BLQ [H3.03.02.05]. Cụ thể, các khảo sát NH trước tốt nghiệp được thực hiện với những tiêu chí như “CTĐT đáp ứng yêu cầu của người học và phù hợp với nhu cầu xã hội, với thị trường lao động”, “Tỷ lệ phân bổ hợp lý giữa lý

thuyết và thực hành trong các môn học và có sự tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra”, “Nội dung các môn học có tính định hướng nghề nghiệp rõ ràng” luôn nhận được sự nhất trí cao [H3.03.02.06]. Đồng thời, hoạt động giảng dạy của GV cũng được đánh giá hàng kỳ để cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua hoạt động khảo sát ý kiến NH cuối mỗi HK. Nội dung khảo sát, đánh giá các nội dung như: việc thực giảng dạy theo các nội dung của ĐCCT HP, PPGD của GV, việc sử dụng tài liệu và phương tiện phục vụ giảng dạy của GV, việc sử dụng tài liệu và phương tiện phục vụ giảng dạy của GV, tác phong sư phạm của GV; việc tuân thủ các quy định của Nhà trường về công tác giảng dạy của GV [H3.03.02.07]. Sau khi tiếp nhận ý kiến của các BLQ, Khoa đã họp để thống nhất phương án điều chỉnh nội dung ĐCCT HP nhằm đạt được CĐR và trình HĐ KH&ĐT của Trường thẩm định trước khi ban hành chính thức [H3.03.02.08], [H3.03.02.09].

2. Điểm mạnh

Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. Đề cương chi tiết của mỗi HP trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và phương pháp KTĐG để đạt được CĐR.

Các HP trong CTĐT ngành KHMT được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, CNH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các HP còn hạn chế về số lượng.

Việc lấy ý kiến các BLQ được thực hiện, tuy nhiên, nội dung khảo sát còn hạn chế. Do đó, Khoa sẽ chủ động rà soát để xây dựng và bổ sung hoàn thiện bộ câu hỏi với đầy đủ nội dung yêu cầu, phù hợp với sự phát triển của xã hội thông qua sự tư vấn hỗ trợ của đơn vị làm BĐCL.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa CNTT tổ chức hội nghị, hội thảo và tăng cường số lượng các BLQ tại các hội nghị, hội thảo nhằm tăng cường lấy ý kiến góp ý của NTD và CNH về CTĐT ngành KHMT.	Khoa CNTT Các đơn vị liên quan	Từ năm học 2025- 2026	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục rà soát CTĐT, trong đó bảo đảm tất cả ĐCCT HP trong CTĐT ngành KHMT xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.	Khoa CNTT Phòng QLĐT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các HP trong CTĐT được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP như là HP Khai phóng ĐHTT, cơ sở ngành và chuyên ngành,... đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Qua đó, cấu trúc CTĐT ngành KHMT được thiết kế cân đối với sự phân bổ phù hợp giữa các khối kiến thức để NH được trang bị đầy đủ những kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho công việc trong lĩnh vực CNTT. Hình 3.3.1 thể hiện rõ CTĐT ngành KHMT được xây dựng và có sự phân bổ các khối kiến thức: kiến thức đại cương và khai phóng, kiến thức về ngoại ngữ - Anh văn, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức tốt nghiệp, kiến thức tự chọn và gắn kết chặt chẽ với nhau theo trình tự logic [H3.03.03.01].



Hình 3.3.1. Mối liên kết giữa các khối kiến thức

Tất cả các HP trong CTĐT được bố trí hợp lý (Học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện, ...) nhằm đảm bảo NH tiếp thu kiến thức từ năm đầu tiên đến năm cuối (cụ thể được mô tả ở hình 3.3.2). Theo lộ trình dạy học, trong năm học đầu tiên, NH phải có kiến thức cơ bản nhất định như kiến thức đại cương và khai phóng, kiến thức cơ sở ngành bắt buộc. Những năm học tiếp theo, NH tiếp tục tích lũy dần các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành bắt buộc và dần dần đến các kiến thức

chuyên sâu. Đồng thời, các HP có tín chỉ thực hành cũng được sắp xếp sau khi NH đã có được nền tảng kiến thức chuyên môn về lý thuyết trên giảng đường. Học kỳ cuối cùng sẽ là thời gian để NH thực tập tại các cơ sở, các DN (hoặc làm khóa luận tốt nghiệp) và làm đồ án (tiểu luận hoặc học các HP thay thế). Người học có thể rút ngắn lộ trình học tập nhưng phải đảm bảo thực hiện đúng thời lượng của từng HP và yêu cầu tiên quyết hoặc HP học trước. Thông qua đó, kết quả đánh giá NH được phản ánh trung thực và thể hiện được năng lực nghề nghiệp của NH qua quá trình tích lũy kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các công việc về lĩnh vực CNTT trong tương lai. Chương trình dạy học có 130 TC, được chia thành 08 HK, thực hiện theo trình tự từ cơ bản đến phát triển nâng cao kiến thức và kỹ năng cho NH. Cụ thể: CTĐT thể hiện HP được sắp xếp theo trình tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và tiếp theo là kiến thức chuyên ngành. Các HP ở HK trước là nền tảng cho các HP ở HK tiếp theo **[H3.03.03.02]**. Các HP thuộc khối kiến thức đại cương và khai phóng, khối Ngoại ngữ - Anh văn được giảng dạy ở các HK của ba năm học đầu tiên (từ HK1 đến HK6). Về kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, các HP cơ sở ngành bắt buộc được bố trí ở các HK của năm nhất để thiết lập nền tảng kiến thức cho NH, ví dụ: như HP Nhập môn KHMT và Lập trình Python được giảng dạy ở HK2 của CTĐT để NH tiếp cận tổng quan về ngành học. Từ năm học thứ hai (HK3 đến HK8), NH tập trung học các HP thuộc kiến thức ngành bắt buộc, chuyên ngành và HP tự chọn để rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và tiến hành thực tập tại DN, thực hiện các đề tài khóa luận tốt nghiệp vào HK cuối của CTĐT. Qua đó, NH có thể tích lũy được kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng được CDR theo mức độ đóng góp của các HP. Bên cạnh đó, CTĐT có thiết kế các môn học tự chọn để đảm bảo tính linh hoạt của quá trình dạy học. Theo đó, NH có thể lựa chọn các HP phù hợp với năng lực cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp như: Dự án phần mềm, Học máy nâng cao, Kinh tế học quốc tế, Hệ thống thông tin trong kinh doanh, Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu.... Ngoài ra, ở HK cuối của CTĐT, NH có thể lựa chọn Thực tập tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp (*nếu đủ điều kiện*) và làm Đồ án/Tiểu luận hoặc các HP thay thế như Xử lý ngôn ngữ tự nhiên, Học máy nâng cao, Phát triển ứng dụng Mobile.... Các HP này được lựa chọn tùy thuộc vào định hướng nghề nghiệp trong tương lai của NH. Tỷ lệ các HP tự chọn được thiết kế hợp lý trong tổng số TC của CTĐT chiếm 26,15%. Nhờ vậy, NH có thể đáp ứng được yêu cầu của từng vị trí công việc khác nhau **[H3.03.03.01]**.

Học kỳ 1 - 16 TC	Triết học Mác Lênin MACL108 (3 TC)	Pháp luật đại cương LAW102 (2 TC)	Anh văn 1 ESL101 (3 TC)	Anh văn tăng cường 1 ESL101 (2* TC)	Giáo dục thể chất 1 MACL1051 (1* TC)	Tin học đại cương INF102 (2 TC)	Toán đại cương 1 MATH101V (3 TC)	Chọn 1 HP thuộc Nhóm Văn minh nhân loại - 3 TC Lịch sử văn minh thế giới - HIS101V (3 TC) Thời hiện đại - HIS102V (3 TC)	
Học kỳ 2 - 19 TC	Kinh tế chính trị Mác Lênin MACL109 (2 TC)	Chủ nghĩa xã hội khoa học MACL110 (2 TC)	Anh văn 2 ESL102 (3 TC)	Anh văn tăng cường 2 ESL102 (2* TC)	Giáo dục thể chất 2 MACL1052 (1* TC)	Đại số tuyến tính MATH10V (3 TC)	Nhập môn khoa học máy tính và lập trình Python CS111V (3 TC)	Nhập môn cơ học PHYS101V (3 TC)	Chọn 1 HP thuộc Nhóm Văn hóa, văn học và nghệ thuật - 3 TC Văn hóa và văn học - HUM102V (3 TC) Nhập môn Văn hóa học - ENGL108V (3 TC) Nghệ thuật đương đại - ART101 (3 TC) Văn hóa Việt Nam và một số nền văn hóa thế giới tiêu biểu - CUL101 (3 TC)
Học kỳ phụ Năm 1 - 8* TC	Giáo dục Quốc phòng - An ninh MACL106 (8* TC)								
Học kỳ 3 - 20 TC	Tư tưởng Hồ Chí Minh MACL104 (2 TC)	Anh văn 3 ESL103 (3 TC)	Anh văn tăng cường 3 ESL103 (2* TC)	Giáo dục thể chất 3 MACL1053 (1* TC)	Toán đại cương 2 MATH201V (3 TC)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật CS201V (3 TC)	Toán rời rạc CS202V (3 TC)	Nhập môn điện - từ PHYS110V (3 TC)	Chọn 1 HP thuộc Nhóm Tư duy và giao tiếp - 3 TC Viết và ý tưởng - HUM101V (3 TC) Lãnh đạo và giao tiếp - MGT102 (3 TC) Ngôn ngữ và tiếng Việt - VNL101 (3 TC)
Học kỳ 4 - 17 TC	Anh văn 4 ESL104 (3 TC)	Anh văn tăng cường 4 ESL104 (2* TC)	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam MACL111 (2 TC)	Tổ chức của máy tính CS203V (3 TC)	Hệ điều hành CS205V (3 TC)	Lập trình hướng đối tượng CS206V (3 TC)	Chọn 1 HP thuộc Nhóm Con người và trái đất - 3 TC Con người và môi trường - ENV101 (3 TC) Biến đổi khí hậu - ENV102 (3 TC)		
Học kỳ 5 - 18 TC	Nhập môn khoa học dữ liệu với Python DSP101 (3 TC)	Phân tích và thiết kế thuật toán CS204V (3 TC)	Xác suất thống kê STA206V (3 TC)	Học phần hướng chuyên sâu 1 (3 TC)	Học phần hướng chuyên sâu 2 (3 TC)	Tự chọn 1 (3 TC)			
Học kỳ 6 - 15 TC	Học phần hướng chuyên sâu 3 (3 TC)	Học phần hướng chuyên sâu 4 (3 TC)	Tự chọn 2 (3 TC)	Tự chọn 3 (3 TC)	Chọn 1 HP thuộc Nhóm Kinh tế và quản trị học - 3 TC Khởi nghiệp sáng tạo - ENTR01 (3 TC) Quan lý tài chính cá nhân PRFN01 (3 TC)				
Học kỳ 7 - 13 TC	Học phần hướng chuyên sâu 5 (3 TC)	Tự chọn 4 (3 TC)	Tự chọn 5 (3 TC)	Tự chọn 6 (4 TC)					
Học kỳ 8 - 12 TC	Lựa chọn 1 Thực tập 1 - CS481 (4 TC) Đồ án/Tiểu luận/ học phần thay thế (Tổng 8 TC)	Lựa chọn 2 Khóa luận tốt nghiệp - CS480 (8 TC) Đồ án/Tiểu luận/ học phần thay thế (Tổng 4 TC)							

Ghi chú:
 * Không tính trong 130 TC
 Kiến thức đại cương và khai phóng
 Kiến thức về ngoại ngữ - Anh văn
 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
 Kiến thức bổ trợ
 Kiến thức tự chọn

Hình 3.3.2. Sơ đồ tiến trình đào tạo ngành KHMT

Trong quá trình đào tạo, Trường luôn có sự rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH theo kế hoạch và quy trình hướng dẫn ít nhất 02 năm 01 lần [H3.03.03.03]. Từ năm 2019 đến nay, CTĐT ngành KHMT đã trải qua lần thay đổi lớn vào năm 2022 được HĐ KH&ĐT Khoa CNTT và HĐ KH&ĐT của Trường phê duyệt để triển khai chính thức. Theo đó, để tạo điều kiện cho các BLQ có thể tiếp cận CTĐT thuận tiện, CDTH ngành KHMT được công bố thông qua các tài liệu quảng bá như tài liệu tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa và trên trang thông tin điện tử của Khoa, Trường [H3.03.03.04]. Bên cạnh đó, dựa trên kết quả phản hồi của các BLQ như NH, GV và NTD, CTĐT đã được điều chỉnh để phù hợp với những biến đổi về kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động [H3.03.03.05].

Chương trình dạy học ngành KHMT khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện CTDH, Khoa CNTT đã tiến hành phân tích, đối sánh với CTDH trong CTĐT cùng ngành của một số CSGD uy tín khác trong nước như Trường ĐH Thăng Long (TLU), ĐH Công Nghệ Thông Tin - HCM (UIT-HCM). Điều này giúp đảm bảo CTĐT ngành KHMT của Trường ĐHTT phù hợp với trình độ chung của nguồn nhân lực ngành KHMT ở Việt Nam hiện nay. Chương trình dạy học ngành KHMT cũng được đối sánh với các trường quốc tế như ĐH Duke – Hoa Kỳ, ĐH Rice – Hoa Kỳ (Bảng 3.3.1) [H3.03.03.06].

Bảng 3.3.1. Bảng đối sánh các khối kiến thức trong CTDH ngành KHMT của một số trường ĐH trong và trường ĐH ngoài Việt Nam

Nội dung	Trường Đại học Tân Tạo	Trường Đại học CNTT	Trường Đại học Thăng Long	Trường Đại học Duke	Trường Đại học Rice
Tổng số TC	130	138	149	120	120-130 (tùy chương trình và hướng chuyên sâu)
1. Kiến thức khai phóng và đại cương	48	51	55	27	21
2. Kiến thức chuyên nghiệp	82	87	88	40->50	45

Nội dung	Trường Đại học Tân Tạo	Trường Đại học CNTT	Trường Đại học Thăng Long	Trường Đại học Duke	Trường Đại học Rice
				(chưa tính chuyên ngành hẹp)	(chưa tính chuyên ngành hẹp)
3. Thời gian đào tạo	8 HK, 4 năm	8 HK, 4 năm	8 HK, 4 năm	3 -> 4 năm	3,5 -> 4 năm

(Nguồn: Khoa CNTT, 09/2024)

2. Điểm mạnh

Các HP trong CTĐT ngành KHMT được thiết kế có 05 khối kiến thức: kiến thức đại cương và khai phóng, kiến thức về ngoại ngữ - Anh văn, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức tốt nghiệp, kiến thức tự chọn đảm bảo sự gắn kết và liên mạch tạo thành một khối thống nhất.

Chương trình dạy học được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 02 năm/1 lần. CTĐT khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Số lượng chương trình dạy học cùng ngành của nước ngoài được đối sánh còn ít do thông tin tiếp cận còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường và khoa đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các trường ĐH uy tín trên thế giới, từ đó có cơ sở lựa chọn các CTĐT cùng ngành để đối sánh nhằm cải tiến chương trình dạy học cho phù hợp với xu hướng phát triển của ngành KHMT trên thế giới cũng như trong thị trường lao động.	Khoa CNTT	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm	Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục rà soát CTĐT ngành KHMT đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức,	Khoa CNTT	Từ năm học 2025-	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
	mạnh	đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, trong đó tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTĐT đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.		2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường ĐHTT và Khoa CNTT đã chú trọng xây dựng CTĐT một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo CTĐT của các trường ĐH có uy tín trong và ngoài nước, khảo sát các BLQ nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội. Ngành KHMT được tổ chức đào tạo theo TC và có mục tiêu rõ ràng, CTĐT có cấu trúc logic và chặt chẽ. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là đáp ứng nhu cầu của xã hội do có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các DN sử dụng NH của Trường sau khi tốt nghiệp.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, CNH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các HP còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT. Chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về sự tương thích giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng HP để đạt CĐR của CTĐT.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3:

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Triết lý giáo dục của Trường sẽ quyết định phương thức dạy và học. Từ đó, xác định mục đích giáo dục, vai trò của GV, NH cũng như nội dung và phương pháp giảng dạy. Tổ chức hoạt động dạy và học là một khâu quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo. Như nhiều khoa khác trong Trường, Khoa CNTT chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học, ngoại khóa và NCKH nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT; sử dụng các PPDH đa dạng nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho NH. Để thực hiện điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những

môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học phải cùng hướng đến CDR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CDR của chương trình đã được mỗi GV và NH hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình nhằm đạt được CDR.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã xây dựng và ban hành TLGD với nội dung: “Khai phóng - Học suốt đời” giúp định hướng hoạt động giáo dục đào tạo của Trường [H4.04.01.01]. Triết lý giáo dục của Trường hướng đến đào tạo nguồn nhân lực có tính sáng tạo, tư duy logic, có tinh thần học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo. Trong đào tạo, Trường hướng đến đảm bảo chất lượng giáo dục và CTĐT, đào tạo dựa trên năng lực và CDR. Triết lý giáo dục của Nhà trường được chuyển tải vào các chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động nhằm đề cao sự sáng tạo, tư duy phản biện từ đó tạo ra nguồn nhân lực có năng lực tư duy, sáng tạo, có khả năng tự học, tự thích nghi và hoàn thiện bản thân trong môi trường mới, có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và ra quyết định dựa trên cơ sở phân tích các bằng chứng và dữ liệu [H4.04.01.02], [H4.04.01.03].

Triết lý “Khai phóng” hướng tới xây dựng cho NH một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định. Triết lý này được thể hiện trong CTĐT thông qua các HP Khai phóng được NH tự do lựa chọn và đăng ký mỗi kỳ một HP trong suốt 6 kỳ học về 6 nhóm chủ đề khác nhau (6 nhóm gồm: 1. Văn minh nhân loại, 2. Văn hóa, văn học và nghệ thuật, 3. Tư duy và giao tiếp, 4. Con người và trái đất, 5. Khoa học tự nhiên và công nghệ và 6. Kinh tế và quản lý). Một ví dụ điển hình là HP con người và môi trường trong Nhóm chủ đề Con người và trái đất, thể hiện các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong môi trường và có mối liên hệ đến dân số. Bên cạnh là những sự biến đổi của khí hậu có sự tác động đến môi trường sống và sức khỏe của con người. Học phần truyền tải thông điệp về bảo vệ môi trường, trên tinh thần tự do tư duy - tự do suy nghĩ để tự do lựa chọn, giúp rèn luyện NH khả năng tự học, tự thích nghi và hoàn thiện bản thân trong môi trường cạnh tranh và đổi mới liên tục [H4.04.01.04]. Triết lý “Học suốt đời” phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp và kỹ năng hoàn thiện bản thân để làm việc suốt đời, đặc biệt việc học suốt đời gắn liền với tính chất học tập và hoạt động nghề nghiệp của ngành KHMT, là thước đo về nhân cách, về đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn. Người học được rèn luyện tính tự giác và khả năng thích nghi với việc học tập không ngừng, chủ động xây dựng mục tiêu học tập, mục tiêu cuộc đời, áp dụng kiến thức và kỹ năng một cách linh hoạt, hội nhập những kiến thức mới với bản sắc riêng, thể hiện sự cam kết duy trì nỗ lực liên tục để thành công trong sự nghiệp.

Triết lý giáo dục được truyền tải, phổ biến đến các GV, NH để hiểu rõ và thực hiện. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Trường luôn yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc chú trọng phổ biến đến toàn thể CBNV, GV, NH biết và hiểu về TLGD của Trường [H4.04.01.05]. Ngoài ra, TLGD được công bố công khai trên website của Trường, poster đặt ở sảnh chính của các tòa nhà để GV, NH và các BLQ có thể tiếp cận một cách thuận lợi, dễ dàng, hiểu và thực hiện [H4.04.01.06], [H4.04.01.07]. Đối với NH, ngay từ khi nhập học, TLGD được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H4.04.01.08]. Mỗi GV khi bắt đầu dạy môn học của mình, đều dành thời gian để giới thiệu HP trong CTĐT, giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, CDR của môn học và tiêu chí đánh giá. Các GV là CVHT thường xuyên trao đổi với NH, giúp NH hiểu rõ lịch trình và MTĐT, giúp các em có chiến lược học tập phù hợp. Về cơ bản, TLGD được chuyển tải vào mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành KHMT thể hiện qua mục tiêu “Tự học suốt đời”. Mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm của NH được tuyên bố trong CTĐT và được cụ thể hóa trong từng ĐCCT HP và được phổ biến và công bố trên website của Khoa để GV, NH, CNH và nhà sử dụng lao động dễ dàng tiếp cận [H4.04.01.09], [H4.04.01.10].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của Trường được thảo luận, thống nhất để phù hợp và đặc trưng với môi trường, GV, NH của trường, và được công bố công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức. Trường tuyên bố TLGD “Khai phóng - Học suốt đời” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các BLQ bên trong và bên ngoài Trường. Triết lý giáo dục được CBNV, GV, NH của Trường và Khoa hiểu rõ và triển khai thực hiện. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các BLQ về hoạt động của Trường và Khoa có khảo sát về TLGD của Trường.

3. Điểm tồn tại

Còn một vài GV thỉnh giảng chưa chú trọng việc truyền tải triết lý giáo dục vào trong các hoạt động dạy học cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bắt đầu từ năm học 2025-2026, khi mời GV thỉnh giảng, Khoa gửi kèm triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường, Khoa kèm theo ĐCCT học phần; trong buổi họp đầu học kỳ, Trưởng Khoa mời GV thỉnh	Khoa CNTT, Phòng KT-BĐCL	Từ năm học 2025-2026	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
		giảng tham dự và nhắc lại triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường, Khoa.			
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục tuyên bố TLGD “Khai phóng - Học suốt đời” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các BLQ bên trong và bên ngoài Trường.	Khoa CNTT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Trong CTĐT ngành KHMT, các môn học lý thuyết kết hợp thực hành thí nghiệm, thực hành máy tính chiếm tỷ lệ lớn nên PPDH tích cực, được sử dụng nhiều giúp NH phát huy tính tự học và tư duy [H4.04.02.01]. Để đạt được CĐR, Trường đã ban hành hướng dẫn lựa chọn PPDH làm căn cứ lựa chọn, thiết kế hoạt động dạy học cho phù hợp với CĐR [H4.04.02.02]. Trên cơ sở hướng dẫn này, các GV tham gia giảng dạy tiến hành xây dựng tổ hợp các PPDH đa dạng nhằm giúp NH tích lũy kiến thức, phát triển năng lực tư duy logic, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, có kỹ năng thực hành, năng động sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập.

Trong mỗi ĐCCT HP, ma trận liên kết giữa CĐR HP và CĐR CTĐT được đánh giá, thể hiện tầm quan trọng của từng khối kiến thức trong việc đóng góp đạt được CĐR CTĐT, từ đó định hướng cho việc lựa chọn chiến lược, PPGD và PPĐG phù hợp. Ma trận kỹ năng của CTĐT (mối liên hệ giữa các kỹ năng của CTĐT) cho thấy sự phát triển tư duy của NH qua các kiến thức và kỹ năng được tích lũy vào trong từng HP truyền tải từ HK1 đến HK8 cho đến sự tập trung đỉnh cao là khóa luận/đồ án tốt nghiệp (8 TC). Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm và là chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy NH phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập. Cụ thể, có bốn chiến lược giảng dạy (với các PPGD tương ứng) đã được đưa vào CTĐT của ngành KHMT: Giảng dạy trực tiếp (Thuyết giảng sử dụng bảng và máy chiếu (slide), giải thích cụ thể các nội dung bài học, tham luận được thực hiện bởi người diễn giả đến từ các đơn vị bên ngoài như đơn vị sử dụng lao động, câu hỏi gợi mở để NH tự tư duy, bài tập thực hành, và thuyết trình bởi NH tự tìm hiểu và thực hiện); Giảng dạy theo nghiên cứu (gồm có nghiên cứu độc lập, thực hiện dự án, trợ giảng và hỗ trợ học thuật); Giảng dạy dựa vào hoạt động trải nghiệm (thực tập tại DN) và tự học (bằng cách giao bài tập về nhà theo nhóm

hoặc cá nhân thực hiện). Phương pháp giảng dạy được mô tả rõ ràng trong ĐCCT HP. Với mỗi ĐCCT HP đều thể hiện rõ số giờ TC đối với lý thuyết, thực hành và tự học phù hợp với điều kiện thực tế của Trường và Khoa **[H4.04.02.03]**.

Giảng viên luôn linh hoạt trong việc giảng dạy nhằm đáp ứng CĐR của HP và CTĐT. Theo đó, để thực hiện việc giảng dạy một HP bất kỳ của CTĐT, GV phải áp dụng nhiều PPGD và kỹ thuật dạy học khác nhau nhằm phát huy mặt mạnh cũng như khắc phục mặt hạn chế của từng PPGD. Lời nói chuẩn mực, chính xác của GV luôn luôn cần thiết để giúp NH hiểu rõ nội dung kiến thức và cách thức làm việc, được thể hiện trong phương pháp thuyết giảng, giải thích các nội dung trong bài học, kỹ thuật hướng dẫn, kỹ thuật đặt câu hỏi. Trong đó, GV kết hợp các câu hỏi gợi mở, các tình huống mô phỏng và các yêu cầu tham luận để tăng tính chủ động trong tư duy và phản biện của NH. Ngoài ra, để NH có thể tự do khám phá và tìm hiểu điểm mấu chốt, GV có thể chia NH thành từng nhóm nhỏ để tranh luận, thảo luận, NH sẽ phát triển kỹ năng làm việc nhóm và khả năng giao tiếp hiệu quả hoặc NH có thể hoạt động với một số trò chơi mang tính thử thách của GV mang kích thích nhằm tăng cường sự hứng thú trong học tập. Bên cạnh đó, trong mỗi HP, GV tổ chức nhiều hoạt động giảng dạy và học tập khác nhau bao gồm bài giảng trên lớp, giảng dạy online, thuyết trình,...kết hợp với việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật công nghệ để hỗ trợ như máy chiếu, video,... nhằm phát huy ưu điểm và khắc phục nhược điểm của từng PPDH riêng lẻ, tạo ra môi trường lý thú, giúp thay đổi cách thức hoạt động tư duy của NH, thay đổi sự tác động vào các giác quan giúp cho NH tiếp thu bài tốt hơn **[H4.04.02.04]**. Trong thời gian diễn biến dịch COVID-19 phức tạp, để đảm bảo tiến trình đào tạo, đáp ứng được CĐR HP, Trường và Khoa CNTT đã chuyển đổi hình thức giảng dạy các HP lý thuyết theo hình thức dạy học online phù hợp với từng giai đoạn **[H4.04.02.05]**. Trường đã tổ chức hướng dẫn cho GV sử dụng phần mềm Zoom, Microsoft Teams; ban hành Quy định về đào tạo trực tuyến để làm căn cứ giúp Khoa chuyển đổi hình thức đào tạo linh hoạt hơn **[H4.04.02.06]**.

Bên cạnh đó, đội ngũ CVHT, GV và thư ký Khoa luôn sẵn sàng hỗ trợ NH về tài liệu học tập, phương pháp học tập và các vấn đề liên quan đến CTĐT. Mặt khác, bên cạnh vai trò chủ đạo của GV trong việc thực hiện các PPGD và kỹ thuật nói trên, vai trò chủ động, tích cực và tự lực của NH trong quá trình học tập được thể hiện ở mục tự học trong ĐCCT HP **[H4.04.02.03]**. Theo đó, tạo điều kiện để NH chủ động chuẩn bị bài cho giờ học (ôn kiến thức cũ có liên quan, tìm thông tin, đọc tài liệu,...) là cơ sở cho việc chủ động tiếp thu kiến thức và học tập có hiệu quả. Ngoài ra, ngay sau khi nhập học, NH được tham gia tuần sinh hoạt công dân và tham gia các buổi họp lớp nhằm trang bị các kiến thức về chương trình giảng dạy, kế hoạch học tập và đặc biệt là phương pháp dạy/học ĐH **[H4.04.02.07]**.

Trường ĐHTT và Khoa CNTT đã xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng đào tạo. Hằng năm, Trường tổ chức những

hội nghị tập huấn về đổi mới PPGD với sự tham gia của lãnh đạo các bộ môn, khoa, các GV, NV phòng ban trong toàn trường. Hướng dẫn GV xác định và lựa chọn hoạt động dạy học cũng như PPGD phù hợp, đa dạng để đạt được các CĐR. Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm và là chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy NH phát huy - chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; các PPGD bao gồm: thuyết trình, tham luận, thực hiện dự án, thực tập... Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên tổ chức các buổi họp kết hợp họp khoa để cập nhật các PPDH mới, tận dụng được tính ưu việt của CNTT, tăng cường các hoạt động học tập như seminar để NH tăng tính chủ động, tăng cường khả năng hội nhập và tự tin khi tốt nghiệp **[H4.04.02.08]**.

Để đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường và Khoa CNTT tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy, tổ chức dự giờ giảng của GV trong khoa. Cụ thể, hằng năm, Khoa CNTT tổ chức dự giờ giảng của GV nhằm góp ý về PPGD, phương thức truyền đạt kiến thức cho NH nhằm kịp thời điều chỉnh, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng CĐR **[H4.04.02.09]**. Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của NH về chất lượng HP, về công tác giảng dạy của GV, công tác KTĐG KQHT, nhận được sự hài lòng và đánh giá với mức điểm trung bình các tiêu chí khá cao từ NH **[H4.04.02.10]**. Ngoài ra, Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp thu ý kiến của NH về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong CTĐT thông qua diễn đàn đối thoại giữa BGH với NH hằng năm và tại các buổi sinh hoạt lớp **[H4.04.02.11]**.

2. Điểm mạnh

Giảng viên Khoa CNTT xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành KHMT và thể hiện trong ĐCCT HP.

Trường tạo điều kiện để GV Khoa tham dự các khóa tập huấn về đổi mới PPDH và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR.

Giảng viên Khoa tích cực hướng dẫn NH sử dụng các công cụ học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Giảng viên, NH Khoa hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành KHMT.

3. Điểm tồn tại

Số lượng tài liệu tham khảo trên E-learning của một số HP do GVTG phụ trách chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa CNTT yêu cầu GV cung cấp đầy đủ bài giảng, đề cương chi tiết và tài liệu tham khảo trên môi trường học trực tuyến.	Khoa CNTT	Năm học 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục tạo điều kiện để GV Khoa tham dự các khóa tập huấn về đổi mới PPDH và chính sách khuyến khích GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR.	Khoa CNTT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhận thức vai trò quan trọng của việc rèn luyện các kỹ năng và học tập suốt đời, hoạt động dạy học của Khoa luôn hướng đến trang bị cho NH hệ thống các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập. Cụ thể, các hoạt động từ dạy và học lý thuyết đến thực hành, hoạt động NCKH, bài tập nhóm, thảo luận, thực tập tại DN đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu và đặc biệt có khả năng học tập suốt đời cho NH.

Đề cương chi tiết HP là nơi hiện thực hóa nội dung CTĐT để đạt CĐR, cũng là nơi cung cấp cho NH nội dung, hình thức và định hướng phương pháp học tập [H4.04.03.01]. Trong ĐCCT HP của các môn học đều nêu rõ các nội dung, hình thức học tập, hình thức KTĐG, cơ cấu điểm thành phần và điểm thi kết thúc HP. Tùy vào nội dung của các bài học, ĐCCT HP có cách tổ chức giờ học và PPDH khác nhau. Các PPDH, các nhiệm vụ của NH (thảo luận, báo cáo, thuyết trình, thực hành...) được thể hiện trong phần “phương pháp giảng dạy” cùng với các nhiệm vụ cụ thể trong phần ‘hướng dẫn sinh viên tự học’ và ‘yêu cầu sinh viên chuẩn bị’ trong “nội dung và hình thức tổ chức dạy học”. Những nhiệm vụ của NH được mô tả trong các ĐCCT HP nói trên thể hiện việc rèn luyện các kỹ năng cứng liên quan đến CNTT và những kỹ năng mềm (hợp tác, tự học, học suốt đời,...). Bên cạnh đó, các phương pháp thảo luận nhóm giúp cho NH hiểu sâu sắc hơn kiến thức, đồng thời

rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình; các bài tập cá nhân, tự học có tác dụng phát triển năng lực của NH về nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng; thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác **[H4.04.03.01]**.

Ngoài ra, sự đa dạng trong các hình thức KTĐG đòi hỏi NH phải thực sự chủ động, linh hoạt nắm bắt kiến thức, thành thạo kỹ năng. Vì thế, NH phải luôn rèn luyện tư duy khoa học: khả năng nhận diện vấn đề, khả năng phân tích và tổng hợp, tư duy phản biện,... rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và các kỹ năng mềm khác: kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ứng xử, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng khai thác tài liệu, tìm kiếm thông tin,... Những yêu cầu này hình thành cho NH thói quen tự giác, tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu, tạo tiền đề cho khả năng học tập suốt đời. 100% ĐCCT HP đều mô tả rõ việc sử dụng các hoạt động dạy và học thúc đẩy và rèn luyện các kỹ năng tiếp nhận và xử lý thông tin. Đặc biệt trong các lần điều chỉnh ĐCCT HP đều nêu rất rõ những mục tiêu cần đạt được trong các HP đó tập trung vào 02 mục tiêu chính là mục tiêu kiến thức và mục tiêu kỹ năng **[H4.04.03.01]**.

Các HP giảng dạy trong CTĐT ngành KHMT quy định rõ thời gian tự học của NH và các hoạt động NH cần thực hiện, điều kiện tiên quyết đối với HP giúp NH hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Các hoạt động của NH cũng được yêu cầu rõ: tự đọc tài liệu trước (nêu rõ nội dung, tài liệu tham khảo), chuẩn bị những ý kiến thắc mắc để GV giải đáp khi lên lớp. Trong các ĐCCT HP, các mục “quy định đối với sinh viên”, “hướng dẫn sinh viên tự học”, yêu cầu sinh viên chuẩn bị” và “rubric đánh giá kết quả học tập” giống nhau ở chỗ NH phải chủ động thực hiện giờ tự học **[H4.04.03.01]**. Tuy nhiên, các nhiệm vụ này mang nét đặc thù của từng HP, liên quan đến việc học trong giờ chính khóa như: chuẩn bị, thuyết trình và nộp các bài thuyết trình, sưu tầm thông tin, viết báo cáo... Khi thực hiện các nhiệm vụ tự học đó, NH phải tự tìm, đọc, nghiên cứu tài liệu từ những nguồn khác nhau, trao đổi với bạn bè, xin tư vấn từ người khác để có những thông tin liên quan, từ đó tổng hợp, rút kinh nghiệm nhằm hoàn thành sản phẩm ở mức độ cao hơn. Như vậy, thông qua các hoạt động tự học được yêu cầu trong các HP của CTĐT, NH được rèn luyện nhiều kỹ năng (tìm kiếm, xử lý thông tin, hợp tác,...) qua đó hình thành và phát triển năng lực tự học, làm cơ sở cho việc học tập suốt đời. Mặt khác, để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập của NH, trong nội dung CDR CTĐT ngành KHMT luôn nêu rõ về khả năng tiếp tục học tập lên những bậc học cao hơn nhằm tạo động lực để NH học tập suốt đời và đạt CDR **[H4.04.03.02]**. Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT tập trung nhấn mạnh hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH **[H4.04.03.03]**. Ngoài ra, Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHTT cũng quy định rõ thời lượng NH phải sử dụng cho việc tự học, tự nghiên cứu, ôn tập, củng cố và chuẩn bị bài (tính theo giờ TC cụ thể: 1 giờ TC lên lớp bằng 1 tiết lên lớp

và 2 tiết tự học, 1 giờ TC thực hành bằng 2 tiết thực hành trên lớp và 1 tiết tự học,...) **[H4.04.03.04]**.

Để tăng cường tính chủ động học tập của NH, Trường triển khai cổng thông tin đào tạo trực tuyến Elearning (CourseTTU). Ngoài ra, Trường thành lập câu lạc bộ học thuật như: Câu lạc bộ tiếng Anh, Câu lạc bộ SV NCKH... nhằm động viên, khuyến khích NH rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cũng như tích cực học tập nhằm đạt được CĐR. Hằng năm, Trường tổ chức chuyên đề, hội nghị, hội thảo NCKH nhằm tạo điều kiện để NH có cơ hội thực hiện và báo cáo kết quả sản phẩm NCKH, đồng thời khuyến khích khả năng tự học, tự nghiên cứu của NH **[H4.04.03.05]**.

Trong quá trình dạy học, GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giáo dục lấy NH làm trung tâm, dạy NH tự học, tự nghiên cứu ĐCCT, tài liệu học tập và sử dụng các PPGD như: thuyết giảng, tham luận, đặt câu hỏi gợi mở ... đối với HP lý thuyết; làm bài tập nhóm, làm dự án, thuyết trình... để rèn luyện các kỹ năng cho các HP thực hành; kết hợp sử dụng phần mềm học tập trực tuyến để nâng cao KQHT tại nhà. Ngoài ra, GV Khoa sử dụng đa dạng các nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học **[H4.04.03.06]**. Trong suốt khóa học, NH được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi GV, CVHT về đăng ký HP, NCKH; tư vấn cho NH tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức TC giúp NH chủ động trong quá trình học tập **[H4.04.03.07]**. Trong giai đoạn 2019 - 2024, Trường ĐHTT và Khoa CNTT đã hợp tác với các cơ quan, DN nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH trong việc thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan, DN phù hợp với ngành nghề đào tạo, cụ thể Công ty TNHH Simpson Strong-Tie Việt Nam, Công ty TMA Solutions, Công ty CP ePlatform và Công ty Inbox4us **[H4.04.03.08]**. Người học năm 03 và năm cuối được tiếp cận trực tiếp với DN thông qua các hoạt động tham quan, tham gia các workshop do DN tổ chức, thực tập ngắn hạn tại các công ty nói trên. Trường và Khoa cũng hướng tới kết hợp tác với các trường ĐH nước ngoài để NH có cơ hội trao đổi học tập trong môi trường quốc tế. Trong giai đoạn đánh giá, NH của Khoa CNTT tham gia học tập và nghiên cứu tại các QG như: Phần Lan, Thái Lan,... **[H4.04.03.09]**. Đặc biệt trong năm học 2023-2024, sinh viên Khoa CNTT đã có cơ hội được thực tập vị trí Trợ lý nghiên cứu trong vòng 3 tháng tại Đại học Aalto, Phần Lan (sinh viên năm cuối - Vương Thảo Nguyên) để tham gia các dự án nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo với chủ đề Machine Learning Service Orchestration. Cũng trong năm học này, nhóm 3 sinh viên năm 3 của khoa CNTT đã xuất sắc giành top 3 tại cuộc thi Việt Nam Rust Hackathon – một trong những cuộc thi công nghệ uy tín tại Việt Nam, chiến thắng này đã mang đến cơ hội học tập kéo dài 2 tuần tại Chiang Mai, Thái Lan, từ ngày 19/10/2024 đến 02/11/2024 **[H4.04.03.10]**.

Trường định kỳ tiến hành khảo sát ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của GV với những tiêu chí cụ thể: PPGD của kích thích tư duy phê phán, sáng tạo của NH; khuyến

khích NH phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, vận dụng kiến thức và làm việc theo nhóm. Kết quả nhận được cho thấy, phần lớn GV Khoa sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.11].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho NH ngành KHMT mô tả rõ việc sử dụng các PPGD và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của NH. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PPGD đang áp dụng.

Tất cả ĐCCT HP ngành KHMT mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

Giảng viên Khoa sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CDR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại DN,...

Trường tăng cường tìm kiếm cơ hội và ký kết hợp tác với các đối tác trong, ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Kết quả khảo sát ý kiến của GV, NH thể hiện GV Khoa sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chưa thích nghi với các hoạt động dạy và học ở môi trường đại học, do đó chưa chú trọng trong việc tự học, tự nghiên cứu và tự tìm tòi tài liệu trong các bài học.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Năm học 2024-2025, Khoa CNTT yêu cầu GV hướng dẫn và lồng ghép nội dung tự học vào các bài tập kiểm tra để NH có ý thức tự học cao hơn.	Khoa CNTT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục rà soát ĐCCT HP bảo đảm mô tả rõ việc sử dụng các PPGD và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH, đồng thời tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ	Khoa CNTT Phòng CTSV- HTDN	Hằng năm	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
		năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Những điểm mạnh nổi bật:

Giảng viên Khoa CNTT xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành KHMT và thể hiện trong ĐCCT HP. Trường tạo điều kiện để GV Khoa tham dự các khóa tập huấn về đổi mới PPDH và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. Giảng viên Khoa tích cực hướng dẫn NH sử dụng các công cụ học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Giảng viên, NH Khoa hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành KHMT.

Tất cả ĐCCT HP ngành mô tả rõ việc sử dụng các PPGD và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH, đồng thời mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Giảng viên Khoa sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: Dự án, thực tập DN,... Trường tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, NH thể hiện GV Khoa sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Những tồn tại cơ bản:

Trường chưa khảo sát mức độ hiểu biết của các NTD về TLGD của Trường; Vẫn còn trường hợp NH năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc ĐH. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học chưa được chú trọng nhiều. Khoa ký kết hợp tác với các DN còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4:

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá KQHT của NH là khâu quan trọng trong hoạt động đào tạo và được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình NH tham gia học tập tại Khoa CNTT, Trường ĐHTT. Kết quả đánh giá sẽ cung cấp cho Trường, Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả

giảng dạy, các dịch vụ hỗ trợ NH và giúp NH nắm rõ được tình hình học tập của mình để có những hoạch định đúng đắn, kịp thời trong tương lai. Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành KHMT, chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Cùng với đó, NH được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH theo CTĐT ngành KHMT được công bố công khai đối với NH và các bên liên quan trước khi bắt đầu CTĐT.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTT có các quy trình, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá KQHT của NH. Việc đánh giá KQHT NH ngành KHMT được thực hiện liên tục trong suốt khoá học. Để có căn cứ đánh giá KQHT của NH, từ quy định đánh giá quá trình học tập theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định về quy trình thi, KTĐG KQHT của NH, quy định liên quan đến kiểm tra, đánh giá đầu vào, đánh giá kết thúc HP và chấm khoá luận/ đề án tốt nghiệp để NH đạt CDR của CTĐT [H5.05.01.01]. Trên cơ sở quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó quy định rõ ràng phương thức tuyển sinh, các tiêu chí đối với NH để được tuyển thẳng hay xét tuyển vào học ngành KHMT. Ngoài ra, với yêu cầu CDR của CTĐT là NH đạt năng lực tiếng Anh quốc tế với TOEFL iBT 61 hoặc IELTS 5.0 hoặc tương đương, để đảm bảo yêu cầu học tập, sau khi NH trúng tuyển, Nhà trường tổ chức đánh giá năng lực tiếng Anh theo format đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh IELTS để phân loại năng lực của NH đầu vào, trên cơ sở đó, phân lớp và tổ chức đào tạo riêng [H5.05.01.02]. Từ năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid19, Nhà trường kịp thời điều chỉnh quy định KTĐG trực tuyến để phù hợp với tình hình mới [H5.05.01.03].

Các hình thức kiểm tra, đánh giá KQHT của NH được Trường phổ biến và công khai thông qua ĐCCT HP. Hình thức thi phù hợp đặc thù của các HP với các hình thức chủ yếu: tự luận, thực hành, trắc nghiệm và trình bày báo cáo... nhằm đánh giá hết khả năng, kỹ năng mềm của NH như trình bày nói, trình bày viết, phân tích thông tin...100% ĐCCT HP của CTĐT KHMT có quy định rõ ràng về cách thức KTĐG, nội dung, tỷ trọng điểm và được thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế, được mô tả chi tiết cụ thể trong ĐCCT HP [H5.05.01.04]. Các quy định, hướng dẫn được GV thông tin đến NH trong buổi học đầu tiên của mỗi HP, từ đó giúp NH điều chỉnh phương pháp học tập của mình một cách phù hợp trong quá trình học và đạt kết quả như mong đợi [H5.05.01.05].

Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế logic, khoa học dựa trên CĐR của CTĐT phân nhiệm cho từng HP, mục tiêu CTĐT, ma trận thang đo năng lực; đề thi KTHP đều có ma trận đề thi nhằm bảo đảm phương pháp KTĐG phù hợp lượng kiến thức và kỹ năng mà CĐR từng HP đề ra. Cụ thể, tùy theo phương pháp dạy – học, nội dung dạy học, chủ đề học tập mà GV thực hiện các PPĐG khác nhau trong suốt quá trình dạy học, xây dựng các tiêu chí và nội dung đánh giá phù hợp với từng CĐR, cách thức phản hồi KQHT đến NH. Từ mục tiêu và CĐR của môn học, GV xác định các nội dung cần KTĐG, các cách thức KTĐG và những yêu cầu cụ thể việc KTĐG phù hợp với môn học. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: chuyên cần, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, thực hành... với các tiêu chí, rubric đánh giá rõ ràng để đo lường được mức độ đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ, mức độ tự chủ tự chịu trách nhiệm của NH. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số và nội dung liên quan gồm đánh giá tiến trình và đánh giá định kỳ (giữa kỳ và cuối kỳ) được thể hiện rõ tại ĐCCT HP [H5.05.01.04]. Trong đó, nội dung KTĐG KQHT là các mức độ kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm khác nhau trên cơ sở CĐR của CTĐT đã cụ thể hóa ở CĐR HP. Tiêu chí về KTĐG ý thức học tập, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc HP đều có tiêu chí đánh giá cụ thể cho từng HP với bộ tiêu chuẩn cụ thể (rubric). Tổ hợp các phương pháp KTĐG của Trường và Khoa gồm đánh giá quá trình như là đánh giá chuyên cần, bài tập cá nhân/nhóm, bài thuyết trình,... Các HP đều phải được đánh giá bởi ít nhất 02 loại điểm: điểm thường xuyên và điểm thi kết thúc HP hoặc điểm dự án-thuyết trình môn học. Các hoạt động KTĐG KQHT của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt được CĐR về cả kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H5.05.01.06].

Tính kết nối giữa phương pháp KTĐG để đạt được CĐR CTĐT thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP. Cách thức đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá:

(i) Đối với các CĐR kiến thức: bao gồm kiến thức chung (lý luận chính trị, thể dục thể thao, quốc phòng an ninh,...), kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành,... việc kiểm tra mức độ đạt được các CĐR kiến thức này được thông qua bài thi kết thúc HP, điểm thường xuyên, điểm chuyên cần,... để tính điểm thành phần.

(ii) Đối với các CĐR kỹ năng: đánh giá thông qua việc vận dụng, nhận định, lựa chọn và đề xuất giải pháp, công nghệ phù hợp để xây dựng ứng dụng phần mềm hoạt động hiệu quả trên các môi trường khác nhau (ví dụ: mobile, IoT – Internet vạn vật, phân tán); tìm kiếm, đánh giá và sử dụng hiệu quả các tài liệu chuyên môn bao gồm: sách báo, tạp chí, chương trình mã nguồn mở; giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống; có kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch, khả năng phân công, giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhóm; sử dụng hiệu quả các công cụ làm việc nhóm,

(iii) Đối với các CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm: đánh giá được thực hiện thông qua các nhiệm vụ NH được giao trong quá trình học tập một HP, trách nhiệm trong quá trình làm việc nhóm, trách nhiệm trong việc hoàn thành các nhiệm vụ được phân công,...

Phòng KT-BĐCL là đơn vị chuyên trách về thực hiện các hoạt động KTĐG, có nhiệm vụ giám sát trong suốt quá trình đánh giá NH từ khâu in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi cho đến công bố kết quả. Đề thi kết thúc HP đề được lãnh đạo khoa phê duyệt trên cơ sở xem xét khả năng mức độ đáp ứng của đề thi đối với sự bao phủ của nội dung HP đồng thời phối hợp cùng với các Khoa thực hiện việc tổ chức các kỳ thi kết thúc HP để bảo đảm việc đánh giá KQHT của NH là khách quan, chính xác và công bằng.

2. Điểm mạnh

Trường có quy trình rõ ràng về việc đánh giá KQHT của NH. Các hoạt động/phương pháp KTĐG KQHT của NH ngành KHMT được thiết kế phù hợp với tính chất đặc thù của ngành đào tạo và phù hợp để đo lường mức độ đạt CĐR.

Hoạt động đánh giá KQHT của NH bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐCCT HP ngành KHMT và GV Khoa thông báo cho NH ngay trong buổi học đầu tiên.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các phương pháp KTĐG chưa đa dạng và phong phú.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2025 - 2026, Trường ĐHTT và Khoa CNTT triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG để bổ sung các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CĐR.	Khoa CNTT Phòng KT- BĐCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG HP phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR, đồng thời rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP hệ chính quy đào tạo theo hệ thống TC của Trường phù hợp với quy định hiện hành.	Khoa CNTT Phòng KT- BĐCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá KQHT là một nội dung quan trọng trong quy trình đào tạo, thể hiện sự cam kết của trường đại học, cũng như của mỗi GV về chất lượng đào tạo, nhằm cung ứng cho xã hội nguồn lực có chất lượng cao. Nhận thức sâu sắc vấn đề này, căn cứ vào Thông tư 08/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, Nhà trường đã tiến hành cập nhật và ban hành quy chế đào tạo của Trường ĐHTT năm 2021 [H5.05.02.01]. Nội dung quy chế đào tạo của Trường quy định chi tiết về phương thức đào tạo, kế hoạch tổ chức giảng dạy và học tập, đánh giá tính điểm HP, đánh giá xử lý KQHT, cũng như chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy định về tổ chức thi, KTĐG kết thúc HP. Trong đó, các PPĐG kết quả của NH cần bảo đảm sự đa dạng, bảo đảm độ giá trị và độ tin cậy, bảo đảm sự công bằng (cho NH và các thành viên có liên quan) [H5.05.02.02]. Đồng thời, các phương pháp, tiêu chí, trọng số, rubric đánh giá KQHT, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá được thể hiện rất rõ trong ĐCCT của mỗi HP. Về đánh giá chuyên cần trong mỗi HP thường chiếm trọng số từ 5%-10%, trong đó NH được đánh giá thông qua các tiêu chí về tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học; thời gian tham dự buổi học bắt buộc; vào lớp học đúng giờ với 04 mức đánh giá bao gồm không đạt, đạt, khá, tốt, thang điểm đánh giá từ 0-10 [H5.05.02.03].

Người học có thể nắm rõ các quy định về KTĐG KQHT thông qua các GV giảng dạy HP, vào đầu mỗi HP GV thông báo đến NH về nội dung môn học, mục tiêu, CDR, PPĐG, đảm bảo 100% NH hiểu và nắm rõ các quy định về KTĐG KQHT của NH. Ngoài ra, nội dung này còn thể hiện trong Sổ tay SV (phần KTĐG). Trong nội dung sinh hoạt tuần công dân đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng QLĐT, Khoa, CVHT phổ biến, lưu ý NH thực hiện các nội dung của Quy định về việc tổ chức thi kết thúc của Trường [H5.05.02.04]. Theo Quy chế đào tạo của Trường, với các HP chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: tùy theo tính chất của HP, điểm tổng hợp đánh giá HP được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm các thành phần như: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận và làm bài tập nhóm; điểm bài tập cá nhân; điểm đánh giá phần thực hành (nếu có), điểm chuyên cần; điểm thi giữa HP; điểm tiểu luận, trình bày dự án; điểm thi kết thúc HP, trong đó điểm thi kết thúc HP là không bắt buộc cho mọi trường hợp (tùy vào yêu cầu của HP) và nếu có phải chiếm trọng số lớn nhất; đối với các HP thực hành, NH phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong HK được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của HP thực hành; cách tính điểm tổng hợp

đánh giá HP do GV đề xuất, được Trường Khoa phê duyệt và phải được quy định trong ĐCCT HP. Ngoài ra, việc chọn các hình thức đánh giá bộ phận, phương pháp thi, KTĐG HP được thể hiện trong ĐCCT HP được thông qua Lãnh đạo Khoa, HĐ KH&ĐT và được Hiệu trưởng phê duyệt **[H5.05.02.01]**.

Giảng viên giảng dạy có trách nhiệm công bố kết quả chấm điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi giữa HP lý thuyết cho NH chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày thi HP, CB chấm thi phải hoàn thành công tác chấm thi và nhập điểm kết thúc HP và gửi lại phiếu chấm điểm cho Thư ký Khoa, lãnh đạo Khoa có trách nhiệm quản lý và rà soát việc nhập điểm và công bố kết quả thi đến NH các lớp HP do Khoa quản lý. Bên cạnh đó, Phòng KT-BĐCL là đơn vị tổ chức thi, chấm thi và quản lý kết quả chấm thi, bài thi theo quy định. Các Khoa cử CB coi thi, chấm thi, sau đó gửi kết quả về Phòng QLĐT nhập điểm lên hệ thống phần mềm QLĐT đúng theo thời gian quy định **[H5.05.02.01]**. Phòng QLĐT chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, đánh giá KQHT của NH trên hệ thống phần mềm QLĐT.

Tất cả thông tin về việc đánh giá đều được thông tin đến NH. Trong quá trình giảng dạy, GV thường xuyên nhắc nhở NH quy định kiểm tra/ đánh giá KQHT, đồng thời các quy định này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường **[H5.05.02.05]**. Với các hình thức công khai, thông tin đa dạng để NH hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT NH. Kết thúc tuần sinh hoạt công dân SV, 100% SV đều cam kết không vi phạm quy định, quy chế của Trường, Nhà trường cũng tiến hành khảo sát lấy ý kiến của NH về hoạt động đánh giá theo từng HK. Kết quả cho thấy, đa số NH đánh giá tốt về hoạt động đánh giá KQHT **[H5.05.02.06]**. Việc đánh giá KQHT cũng được NH phản hồi qua hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, thể hiện qua mức độ hài lòng được miêu tả chi tiết từng nội dung trong báo cáo kết quả khảo sát dành cho từng GV và từng môn học **[H5.05.02.06]**.

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP hệ chính quy đào tạo theo hệ thống TC, trong đó xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của NH.

Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CDR và yêu cầu Khoa triển khai thực hiện.

Trường, Khoa áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến NH Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP hệ chính quy đào tạo theo hệ thống TC do Trường ban hành.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa đánh giá mức độ hiểu biết của NH các văn bản quy định về KTĐG KQHT của NH.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2025-2026, Khoa triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của NH của Khoa đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của NH.	Khoa CNTT Phòng KT-BĐCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Phòng KT-BĐCL phối hợp các khoa tiến hành rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP hệ chính quy đào tạo theo hệ thống TC do Trường ban hành và phổ biến đến NH bằng nhiều hình thức.	Khoa CNTT Phòng KT-BĐCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp và quy trình KTĐG KQHT được xác định cụ thể trong Quy chế đào tạo và Quy định tổ chức thi kết thúc HP [H5.05.03.01], [H5.05.03.02]. Trong đó, phương pháp KTĐG của CTĐT được GV thực hiện tương đối đa dạng đảm bảo đo lường được CDR; việc đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá. Mỗi HP đều phải có tối thiểu 2 cột điểm, điểm quá trình và điểm kết thúc HP. Một số HP được đánh giá cả lý thuyết và thực hành. Các PPĐG đa dạng phù hợp với loại HP, bao gồm: i) đánh giá lý thuyết - thi tự luận, thi trắc nghiệm, kết hợp cả 2 trong 1 đề thi, thuyết trình, viết báo cáo, vấn đáp; ii) đánh giá thực hành (bao gồm cả thực hành cá nhân và nhóm) - demo và thuyết trình về chương trình, sản phẩm, làm slide trình chiếu. Ngoài ra, các bảng tiêu chí đánh giá (đặc biệt với các hình thức đánh giá như: thuyết trình, viết báo cáo, vấn đáp, demo chương trình hoặc sản phẩm) và thang điểm tương thích với từng loại HP và PPĐG được sử dụng cũng góp phần đảm bảo tính tin cậy và công bằng trong đánh giá KQHT [H5.05.03.03].

Phương pháp đánh giá KQHT đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Kiểm tra đánh giá KQHT đảm bảo bao quát toàn bộ nội dung môn học cũng như toàn bộ CTĐT về các mặt: kiến thức (lý thuyết, thực hành, vận dụng), kỹ năng (ứng xử, thái độ với nghề nghiệp, ...). Việc đánh giá KQHT được duy trì thường xuyên, kết hợp điểm quá trình và thi kết thúc môn học. Công tác đánh giá KQHT của NH thể hiện ở: đề thi, đề kiểm tra luôn đảm bảo bao quát chương trình, phản ánh đúng trình độ của NH và đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị và độ phân biệt. Trong một kỳ thi, mỗi HP có 02 đề thi đối với hình thức thi tự luận, hình thức

thi trắc nghiệm có 02 đề thi khác nhau về nội dung tối thiểu 30%, mỗi đề thi phải có mã và đáp án kèm theo (mỗi đề thi trắc nghiệm cần có 02 mã đề). Khi ra đề thi, Lãnh đạo khoa chịu trách nhiệm phân công GV ra đề, đề thi và đáp án cuối kì được GV phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá và ký niêm phong trước khi nộp về Phòng KT-BĐCL. Mỗi GV ra đề thi phải chịu trách nhiệm cá nhân về nội dung, đảm bảo bí mật, an toàn của đề thi. Trưởng phòng KT-BĐCL chịu trách nhiệm toàn diện về bảo quản và bảo mật đề thi. Bên cạnh đó, quy trình ra đề thi và quy trình tổ chức thi được thiết kế chi tiết nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong việc kiểm tra, đánh giá. Phòng KT-BĐCL là đơn vị tổ chức thi HP lý thuyết và thực hiện chấm bài thi trắc nghiệm; đánh mã và rọc phách với bài thi tự luận [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.04]. Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn, có quy định và yêu cầu cụ thể về nội dung, hình thức, quy trình làm khóa luận/ đồ án tốt nghiệp. Khi chấm khóa luận, đồ án tốt nghiệp, Trường đều thành lập HĐ và có các tiêu chí chấm điểm cụ thể về hình thức; nội dung (bao gồm tính cấp thiết của đề tài, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận, kiến nghị phù hợp với nội dung nghiên cứu) và việc trả lời câu hỏi của NH; Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị và công bằng trong đánh giá luận văn. Điểm chấm khóa luận/ đồ án tốt nghiệp được các HĐ xem xét, đánh giá công bằng và khách quan [H5.05.03.05].

Ngoài ra, công tác KTĐG KQHT còn được tổ chức lấy ý phản hồi của NH nhằm đánh giá tính khách quan, công bằng, nâng cao hiệu quả thông qua hoạt động khảo sát do Phòng QLĐT thực hiện. Kết quả phản hồi của NH về hoạt động đánh giá KQHT của GV cho thấy, 78% đều hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng của phương pháp, quy trình và kết quả đánh giá thể hiện ở việc NH đánh giá các HP từ mức tốt trở lên. Trong giai đoạn đánh giá, không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của NH về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các PPĐG KQHT, nội dung được hỏi cho thấy NH khá hài lòng với phương pháp KTĐG và kết quả đánh giá từ GV; quá trình KTĐG được thực hiện chính xác, khách quan, công bằng; Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực và trình độ của NH; NH hài lòng về các cách thức công bố, phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá; Kết quả kiểm tra, đánh giá được phản hồi kịp thời, giúp NH cải thiện KQHT. Qua kết quả khảo sát, các BLQ đều đánh giá sự hài lòng về PPĐG ở mức trung bình 4,6 (thang đánh giá 5 mức độ) [H5.05.03.06].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống TC của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG NH, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. GV Khoa sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của NH.

Kết thúc mỗi HK, Trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các HP cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của NH.

Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 2 CB coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH.

3. Điểm tồn tại

Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các HP của ngành KHMT.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2025-2026, Trường chỉ đạo các khoa tăng cường xây dựng ngân hàng đề thi cho các HP trong CTĐT, đồng thời chỉ đạo Phòng KT-BĐCL phối hợp Khoa tiến hành triển khai nghiệm thu ngân hàng đề thi cho các HP.	Khoa CNTT, Phòng KT-BĐCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của NH.	Khoa CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định rõ ràng về thời gian công khai kết quả đánh giá NH, thành phần và trọng số điểm HP, công thức tính điểm HP với các HP lý thuyết, thực hành, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp trong Quy chế đào tạo tín chỉ, Quy chế tổ chức thi; Quy định tốt nghiệp [H5.05.04.01], [H5.05.04.02]. Cụ thể, mỗi Khoa phải hoàn thành việc chấm thi, ghi điểm vào bảng điểm thi kết thúc HP trong vòng 10 ngày làm việc, sau đó, các khoa bàn giao bảng điểm HP cho phòng QLĐT [H5.05.04.01]. Và cuối cùng phòng QLĐT công bố điểm trên hệ thống phần mềm QLĐT của trường. Điểm kiểm tra thường xuyên, thi giữa HP lý thuyết được GV công khai trên lớp và giải đáp thắc mắc, hướng dẫn NH cách làm bài. Kết quả đánh giá kiểm tra hoặc thi cuối kỳ bằng hình thức thực hành được GV công bố công khai cho NH ngay sau buổi kiểm tra, thi. Kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất 5 tuần kể từ ngày nộp khóa luận. Với môn thi lý thuyết, căn cứ số lượng bài thi NH biết kết quả thi chậm nhất 2 tuần sau khi thi. Sau khi kết thúc chương trình giảng

dạy của HP, GV phải hoàn thiện bảng điểm thành phần, danh sách NH đủ điều kiện thi có sự phê duyệt của Trưởng khoa/bộ môn.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường, trong sổ tay SV [H5.05.04.03], [H5.05.04.04]. Trường cũng phổ biến các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá với NH ngay đầu khóa học hoặc đầu năm học mới thông qua “Tuần sinh hoạt công dân sinh viên” để người học hiểu rõ [H5.05.04.05], [H5.05.04.06]. Ngoài ra, GV trước khi giảng dạy mỗi HP phổ biến nội dung HP và quy định KTĐG theo quy định của nhà trường. Kết quả đánh giá NH được cập nhật trên phần mềm QLĐT. Người học sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập và xem điểm kiểm tra, đánh giá một cách dễ dàng [H5.05.04.07]. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời giúp NH có thể rút kinh nghiệm và cải thiện KQHT của mình.

Trước khi bắt đầu thi kết thúc HP 02 tuần, GV công bố điểm thi giữa HP cho NH để NH kịp cải thiện trước khi kết thúc HP và trước khi GV gửi điểm về Khoa. Sau khi thi kết thúc HP Phòng KT-BĐCL sẽ gửi kết quả thi về cho Khoa, Khoa sẽ gửi bảng điểm tổng hợp về Phòng QLĐT nhập điểm lên hệ thống. Sớm nhất là 10 ngày thi kết thúc HP, NH sẽ được biết KQHT qua trang cá nhân [H5.05.04.07]. Khi nghỉ ngơi về KQHT, NH có quyền nộp đơn phúc khảo bài thi về Phòng KT-BĐCL. Thời gian nộp đơn phúc khảo là trong 02 tuần tính từ ngày công bố kết quả thi. Đây là một khoảng thời gian hợp lý cho NH nhìn lại bài thi của mình và đưa ra lựa chọn phúc khảo. Phòng KT-BĐCL tổng hợp danh sách NH phúc khảo bài thi và gửi bài thi chấm phúc khảo đến Khoa chuyên môn để Lãnh đạo Khoa phân công CB chấm phúc khảo bài thi theo quy định của Nhà trường [H5.05.04.08]. Nếu có sự sai lệch điểm thi thì Phòng KT-BĐCL dựa vào biên bản và bài thi đã chấm phúc khảo để điều chỉnh điểm trên phần mềm quản lý hệ thống để NH được biết và lập kế hoạch học tập phù hợp hơn. Sau đó, Phòng QLĐT tiến hành xét học vụ và công bố KQHT của NH hệ thống trên trang thông tin của Trường [H5.05.04.09]. Kết quả học tập của NH được nhập chính xác, lưu trữ đầy đủ đúng quy trình tại Phòng KT-BĐCL, Phòng QLĐT và các Khoa chuyên môn bằng bản giấy và trên phần mềm quản lý hệ thống. Bảng điểm lưu giữ KQHT của NH theo từng HK được Phòng QLĐT, Khoa CNTT quản lý và được bảo đảm an toàn theo quy trình xác định, thuận lợi cho việc tra cứu điểm khi cần thiết.

Với hệ thống quản lý đo lường đánh giá được nhà trường xây dựng một cách chặt chẽ, khoa học, khách quan, chính xác, công bằng đã giúp việc phản hồi tới NH được thực hiện một cách kịp thời để nâng cao chất lượng đào tạo, giúp NH cải thiện việc học tập của mình. Dựa vào KQHT và điểm rèn luyện của từng kỳ; căn cứ vào quyết định cảnh báo học vụ hằng kỳ để NH lập phương án học tập thích hợp, tránh được tình trạng bị buộc thôi học [H5.05.04.09]. Với cách thức thông báo điểm thi trên phần mềm hệ thống và NH tự kiểm tra theo tài khoản cá nhân nên luôn được NH phản hồi hài lòng về hình thức thực hiện. Bên cạnh đó, GV cũng sử dụng các hình thức phản hồi đa dạng khác như nhận xét bằng lời nói

hoặc viết, gặp trực tiếp NH, tổ chức hoạt động phản hồi theo nhóm...nhằm hướng tới việc tạo tác động tích cực của KTĐG đến việc học của NH, giúp NH có đầy đủ thông tin để cải thiện việc học tập của mình. Từ kết quả khảo sát, đánh giá môn học và đánh giá chất lượng khóa học của Nhà trường cho thấy đa số NH hài lòng với việc thông báo điểm thi kịp thời và cách thức GV cung cấp thông tin phản hồi về bài làm của NH giúp họ điều chỉnh kịp thời các hoạt động học tập để cải thiện chất lượng [H5.05.04.10].

2. Điểm mạnh

Trong Quy chế về đào tạo trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống TC và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống TC do Trường ban hành có các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Trường thông báo, phổ biến đến NH quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau. Trong giai đoạn 2019 - 2024, không có NH ngành KHMT đề nghị phúc khảo kết quả đánh giá các HP. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được GV, CVHT thông báo đến NH sử dụng để cải thiện việc học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa đánh giá mức độ NH sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	hi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2025-2026, Khoa phối hợp với Phòng KT-BĐCL khảo sát đánh giá mức độ NH sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.	Khoa CNTT, Phòng KT-BĐCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục triển khai hiệu quả hơn việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, nhằm góp phần cải thiện việc học tập của NH.	Khoa CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện tốt Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy trình khiếu nại về KQHT của NH được Nhà trường xây dựng và quy định cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc HP, Quy định đánh giá KQHT của NH và được công bố công khai [H5.05.05.01]. Kết quả học tập của NH được GV phụ trách HP thông báo và điểm được

đưa lên phần mềm quản lý hệ thống đào tạo của Trường, NH có thể tiếp cận để xem điểm của từng HP của mình một cách dễ dàng **[H5.05.05.02]**. Khi xem điểm trên hệ thống này, nếu phát hiện ra bất kỳ sai sót nào, NH có thể khiếu nại về KQHT. Trong quá trình học tập, NH được quyền khiếu nại, phúc khảo KQHT. Cụ thể:

i. Đối với điểm quá trình, NH khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy HP đó khi GV công bố KQHT, GV giảng dạy HP trực tiếp giải quyết các ý kiến của NH.

ii. Đối với kết quả điểm thi KTHP, sau khi NH được thông báo kết quả điểm thi và thấy điểm thi không chính xác thì gửi đơn phúc khảo lên Phòng KT-BĐCL đề nghị xem xét lại chậm nhất 02 tuần sau khi công bố điểm thi. Phòng KT-BĐCL có nhiệm vụ tiếp nhận các khiếu nại về kết quả thi của NH. Đơn phúc khảo được lấy theo mẫu tại Văn phòng Khoa, Phòng KT-BĐCL **[H5.05.05.03]**. Phòng tổng hợp danh sách NH phúc khảo bài thi và gửi biên bản cùng bài thi chấm phúc khảo đến Khoa chuyên môn **[H5.05.05.03]**. Trường khoa lập danh sách phân công CB chấm phúc khảo bài thi theo quy định của Nhà trường. Việc chấm phúc khảo sẽ do Trường khoa phân công hai GV khác với GV chấm lần 01 để quy trình đánh giá lại được hoàn toàn khách quan. Kết quả cuối cùng phải do Trường khoa ký xác nhận mới được công bố. Điểm sau phúc khảo là kết quả cuối cùng của HP. Nếu có sự sai lệch điểm thi thì Phòng KT-BĐCL dựa vào biên bản và bài thi đã chấm phúc khảo để điều chỉnh điểm trên bảng điểm tổng kết HP. Sau khi cập nhật điểm phúc khảo trên bảng điểm tổng kết HP, Phòng KT-BĐCL công bố kết quả phúc khảo bài thi qua địa chỉ hộp thư điện tử của NH **[H5.05.05.04]**. Phòng KT-BĐCL luôn có sổ theo dõi khiếu nại, trả lời kết quả khiếu nại hàng năm **[H5.05.05.05]**.

Việc khiếu nại của NH về KQHT cũng được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ. Thông qua sổ theo dõi của Phòng KT-BĐCL về việc khiếu nại KQHT của NH từ năm 2021 đến nay cho thấy các trường hợp NH làm đơn xin phúc khảo điểm đánh giá kết thúc HP hàng năm đều rất ít (dưới 10 trường hợp/năm). Đồng thời, tỉ lệ bài phúc khảo được giữ nguyên điểm chiếm 100%, không có bài có sai sót về điểm được điều chỉnh **[H5.05.05.03]**, **[H5.05.05.05]**. Như vậy, có thể nói quá trình tổ chức công tác phúc khảo và chấm phúc khảo được diễn ra công khai, minh bạch, đảm bảo tính khách quan, trung thực. Từ đó, tạo động lực để NH không ngừng phấn đấu, không ngừng rèn luyện trong học tập. Thực tế cho thấy, trong các năm qua với rất nhiều kỳ thi được tổ chức, từ tự luận, thực hành của rất nhiều HP, nhưng số lượng bài thi có đơn đề nghị phúc khảo rất ít, điều này cho thấy công tác chấm thi của Khoa và trường đã bảo đảm được sự công bằng, chính xác, khách quan đối với tất cả các bài thi, KTĐG NH **[H5.05.05.03]**. Kết quả theo dõi cho thấy 100% đề nghị phúc khảo điểm của NH được Nhà trường tổ chức xác minh, trả lời kịp thời và thỏa đáng được NH đánh giá cao. Trong giai đoạn 2019-2024, Trường đã cải tiến việc công bố KQHT các điểm thành phần sớm hơn để NH nắm bắt thông tin nhanh và thực hiện khiếu nại nếu có.

2. Điểm mạnh

Trường, Khoa, CVHT phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến NH thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Trường luôn quan tâm và yêu cầu các đơn vị giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của NH.

Trong giai đoạn 2019 - 2024, Khoa CNTT không có trường hợp khiếu nại về KQHT.

3. Điểm tồn tại

Quy định về việc khiếu nại KQHT của NH còn chưa phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2025 - 2026, Khoa CNTT có kế hoạch giám sát, kiểm tra nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường.	Khoa CNTT, Phòng KT- BDCL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến NH thông qua nhiều hình thức khác nhau; giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của NH.	Khoa CNTT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Những điểm mạnh nổi bật:

Trường đã ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến NH ngay từ đầu HK thông qua ĐCCT các HP. Giảng viên được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về các phương pháp KTĐG. Triển khai các quy chế, quy định về KTĐG KQHT của NH, cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi của NH và các nội dung liên quan khác một cách đầy đủ, rõ ràng. Tất cả các quy chế, quy định về KTĐG đều được GV, Khoa, Trường công bố công khai tới NH vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo NH hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này. Các phương pháp và hình thức KTĐG KQHT NH của Khoa

được sử dụng đa dạng và thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định và theo ĐCCT HP được duyệt. Tiêu chí KTĐG KQHT của NH được xác định rõ và có phân định mức độ qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời một đề thi chung sẽ xác định điểm đánh giá cuối kỳ của các NH tham dự cùng HP, tham gia kiểm tra cùng thời điểm. Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 02 CB coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH. Ban hành Quy chế đào tạo, các quy trình liên quan đến các công tác đào tạo, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp NH biết để cải thiện việc học tập của mình. Người học hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT. Có đầy đủ các quy định, khiếu nại về KQHT và được công bố công khai để NH dễ dàng tiếp cận. Người học được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT trước khi bắt đầu HK. Trong giai đoạn 2019 - 2024, không có trường hợp NH ngành KHMT khiếu nại về việc đánh giá KQHT.

Những tồn tại cơ bản:

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG chưa đa dạng và phong phú. Khoa chưa đánh giá mức độ hiểu biết của NH về các văn bản quy định về KTĐG KQHT của NH. Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các HP của ngành KHMT. Khoa chưa đánh giá mức độ NH sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Quy định về việc khiếu nại KQHT của NH còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5:

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Khoa CNTT có một đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, với trình độ 100% là TS. Đội ngũ GV trong khoa năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, trau dồi kiến thức, đam mê NCKH, có thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy và NCKH. Đội ngũ GV được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Đội ngũ GV của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau. Việc tuyển dụng, đề bạt CB được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo

động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCD.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa có kế hoạch phát triển đội ngũ GV, thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Từ khi thành lập đến nay lãnh đạo Trường luôn xác định việc quy hoạch và phát triển đội ngũ GV, CBNV là nhiệm vụ trọng tâm của Trường. Căn cứ đề án “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Trường giai đoạn 2011 - 2020” và “Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2026, định hướng đến năm 2030” (Quyết định số 124/QĐ-HĐTr.21 ngày 19/11/2021), “Chiến lược phát triển Khoa giai đoạn 2021 - 2026, định hướng đến 2030” [H6.06.01.01], và bản mô tả công việc cá nhân, quy định về chỉ tiêu, số lượng, chất lượng và tiêu chuẩn nghề nghiệp cụ thể của đội ngũ GV, đáp ứng về nhu cầu đào tạo; Trường ĐHTT và Khoa CNTT đã cụ thể hóa thành Kế hoạch phát triển nhân sự của Khoa định kỳ hàng năm [H6.06.01.02].

Đến tháng 08/2024, Khoa CNTT có 06 GV với 100% trình độ TS. 100% GV của Khoa đều có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, các GV của Khoa đều được đào tạo ở nước ngoài, có khả năng tham gia giảng dạy bằng ngoại ngữ tốt. GV của Khoa được bố trí theo chuyên ngành phù hợp nhằm phát huy hiệu quả năng lực của GV; Trường cũng có kế hoạch nâng cao năng lực tiếng Anh của đội ngũ GV, NV, định kỳ đánh giá năng lực tiếng Anh của đội ngũ GV và có kế hoạch hỗ trợ, đào tạo [H6.06.01.03]. Định kỳ nhà trường tổ chức các hoạt động học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ và nghiệp vụ chuyên môn cho GV [H6.06.01.04]. Hoạt động này được thực hiện theo Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV [H6.06.01.05].

Bảng 6.1.1. Bảng thống kê số lượng GV Khoa CNTT theo trình độ trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		Độ tuổi			GS	PGS	TS	ThS	KS/CN
		Nam	Nữ	< 35	35-45	>45					
2019-2020	8	8	0	0	7	1	0	0	7	1	0
2020-2021	7	7	0	0	7	0	0	0	7	0	0
2021-2022	6	6	0	0	5	1	0	0	6	0	0
2022-2023	4	4	0	0	3	1	0	0	4	0	0
2023-2024	6	6	0	1	4	1	0	0	6	0	0

(Nguồn: Phòng TCHC, 09/2024)

Bảng 6.1.2. Bảng thống kê số lượng GV của ngành KHMT theo trình độ trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		Độ tuổi			GS	PGS	TS	ThS	KS/CN
		Nam	Nữ	< 35	35-45	>45					
2019-2020	8	8	0	0	7	1	0	0	7	1	0
2020-2021	7	7	0	0	7	0	0	0	7	0	0
2021-2022	6	6	0	0	5	1	0	0	6	0	0
2022-2023	4	4	0	0	3	1	0	0	4	0	0
2023-2024	6	6	0	1	4	1	0	0	6	0	0

(Nguồn: Phòng TCHC, 09/2024)

Việc quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khoa chú trọng quy hoạch đội ngũ GV từ khâu tuyển dụng: Khoa có kế hoạch tuyển dụng được thực hiện dựa trên quy định tuyển dụng nhân sự công khai với các tiêu chí rõ ràng về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ và kinh nghiệm giảng dạy, làm việc cho từng vị trí một cách phù hợp; GV được lựa chọn và phân công giảng dạy phù hợp với từng chuyên ngành cụ thể [H6.06.01.06]. Khoa CNTT từ năm 2019-2024, đào tạo 01 ngành là ngành KHMT. Giảng viên được bố trí phù hợp với chuyên ngành cho từng bộ môn [H6.06.01.07]. Bên cạnh đó, Khoa cũng chú trọng bổ sung đội ngũ GV đến từ cơ quan, tổ chức các ngành nghề có liên quan đến kinh tế, kỹ thuật và công nghệ theo định hướng phát triển đào tạo SV có khả năng ứng dụng, thực hành của Khoa [H6.06.01.08]. Khoa có chính sách hợp lý để thu hút những GV có trình độ TS, có khả năng NCKH và tham gia các hoạt động cộng đồng. Trong các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, Khoa cũng chú trọng đến việc GV có kết quả NCKH đáp ứng tiêu chuẩn của GV theo năm học [H6.06.01.08], [H6.06.01.09]. Ngoài những kinh nghiệm thực tiễn, khả năng phục vụ cộng đồng của GV được thể hiện cụ thể qua việc phối hợp với GV thực hiện các phần việc theo đúng chuyên môn và theo kế hoạch của Khoa và hỗ trợ các hoạt động của Khoa.

Hiện nay, tại Trường việc tuyển dụng, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động và cho nghỉ hưu đối với GV đều có qui định rõ ràng thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động và quy định cụ thể của Trường [H6.06.01.10].

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và có thông báo, phổ biến đến toàn thể GV để biết và thực hiện.

Trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV trên tinh thần công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH, PVCD.

Đội ngũ GV hiện tại của Khoa CNTT có trình độ chuyên môn cao, bảo đảm năng lực đáp ứng các yêu cầu về giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ GV còn hạn chế về số lượng.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trong năm học 2024-2025, Khoa CNTT tạo điều kiện cho các giảng viên TS nộp hồ sơ PGS, đồng thời sẽ xây dựng chính sách thu hút nguồn lực giỏi trong đó có các tiêu chí đặc thù riêng của ngành.	Khoa CNTT Phòng TCHC	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và PVCĐ.	Khoa CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, dựa trên Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường, Khoa CNTT đã xây dựng lộ trình phát triển CB dài hạn, chú trọng đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi, dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng CB sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu. Tỷ lệ GV/SV của ngành KHMT đảm bảo duy trì được chất lượng đào tạo và phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT hiện nay. Tỷ lệ GV/SV của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tổng số GV của Khoa là 6 người, gồm 6 TS (chiếm tỷ lệ 100% so với tổng số GV của Khoa), 2019 - 2020 là 1,3 ; 2020 - 2021 là 0,93; 2021 - 2022 là 0,6; 2022 - 2023 là 0,2; 2023 - 2024 là 0,2 đảm bảo với tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT. Người học được đảm bảo khả năng tương tác, học tập kiến thức khoa học và thực tiễn từ GV, đảm bảo chất lượng đào tạo theo mục tiêu của Khoa theo tỷ lệ bảng 6.2.1.

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ GV/NH của Khoa CNTT qua từng năm học

Năm học	Tổng số của GV quy đổi	Tổng số NH	Tỷ lệ GV/NH
2019-2020	15	11	1,3
2020-2021	14	15	0,93
2021-2022	12	20	0,6

Năm học	Tổng số của GV quy đổi	Tổng số NH	Tỉ lệ GV/NH
2022-2023	8	39	0,2
2023-2024	12	49	0,2

(Nguồn: Phòng TCHC, 09/2024)

Tiêu chuẩn của GV đáp ứng theo quy định của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế tại đơn vị. Khoa có 03 GV thỉnh giảng đến từ cơ quan, tổ chức, công ty DN lĩnh vực kỹ thuật tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đánh giá KQHT của SV [H6.06.02.01], [H6.06.02.02]. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Trường ban hành văn bản quy định chi tiết về khối lượng công việc của đội ngũ GV, bao gồm: các hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác khác như phụ trách CVHT, coi thi, chấm bài, tuyển sinh,... Qua đó, GV có nghĩa vụ thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác theo định mức cụ thể mỗi năm: GV là TS sẽ giảng dạy: 270 giờ; NCKH: 180 giờ; Công tác khác (CVHT, coi thi kết thúc HP, tham gia hoạt động tuyển sinh...) theo Quy định chế độ làm việc của GV hiện hành (Quyết định số 136/QĐ-ĐHTT.2022 ngày 24/08/2022). Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, CBNV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Kết thúc mỗi HK, Khoa tiến hành họp để tổng kết khối lượng giảng dạy, NCKH trên cơ sở đối chiếu với kết quả thống kê khối lượng giảng dạy của các Phòng QLĐT, Phòng QLKH-HTQT và xác nhận từ GV. Qua đó, xác định được tỷ lệ vượt giờ của GV và có kế hoạch phân công khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và công tác khác (coi thi, CVHT, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận,...) công việc cụ thể cho GV ở HK tiếp theo. Quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành để xác định nghĩa vụ và quyền lợi được hưởng của các đối tượng liên quan, trong đó có GV, CBNV (Quyết định số 0909/QĐ-TTU.20 ngày 09/09/2020). Ngoài ra, Khoa đã tham gia vào các hoạt động cộng đồng khác như: các hoạt động giao lưu, hỗ trợ cho cộng đồng, tư vấn hướng dẫn về kỹ thuật,... Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV trong phạm vi toàn trường [H6.06.02.03], [H6.06.02.04], [H6.06.02.05].

Việc đánh giá GV được thực hiện định kỳ qua thông qua bảng TĐG kết quả xếp loại chất lượng công việc dựa trên bản mô tả công việc của GV [H6.06.02.06], [H6.06.02.02]. Sau khi GV TĐG thì Trưởng Khoa sẽ đánh giá lại, xác nhận vào Phiếu đánh giá xếp loại kết loại kết quả lao động. Kết quả đánh giá được chuyển về Phòng TCHC để xếp loại thi đua khen thưởng cho GV. Cuối mỗi năm học, HĐ thi đua khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cho các cá nhân và tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ mục tiêu của năm.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ NH/GV học của CTĐT ngành KHMT đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác

định chỉ tiêu đào tạo trình độ ĐH hiện hành.

Quy định chế độ làm việc của GV được Trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát cụ thể làm căn cứ để có kế hoạch phân công, giám sát và kiểm tra chuyên môn định kỳ nhằm cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Việc đánh giá GV có tiêu chí rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện để GV có những điều chỉnh phù hợp và tạo được động lực phát triển cho GV.

Giảng viên Khoa luôn tích cực hưởng ứng và tham gia đầy đủ các hoạt động PVCĐ do Trường, Phòng CTSV-HTDN cũng như các cơ quan đoàn thể phát động và tổ chức.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại, tỉ lệ GV/NH đáp ứng nhu cầu đào tạo. Tuy nhiên, với định hướng phát của Trường nói chung và Khoa nói riêng, đội ngũ GV của Khoa phải không ngừng bổ sung về số lượng, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chất lượng đào tạo. Trong giai đoạn sắp đến Trường, Khoa, Bộ môn cần đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển đội ngũ GV trình độ cao.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa. Khoa tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ PVCĐ và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV.	Khoa CNTT Phòng TCHC	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường ĐHTT và Khoa CNTT tiếp tục triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.	Khoa CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại

ngữ trong giảng dạy và NCKH. Quy chế tuyển dụng Trường đã quy định rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn GV. Quy trình bổ nhiệm chặt chẽ, đúng quy trình quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức **[H6.06.03.01]**.

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa; gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí và website nội bộ Trường khi có các đợt tuyển dụng tập trung **[H6.06.03.02]**. Bên cạnh đó, Trường cũng có những chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với nhân lực có trình độ cao cho ngành KHMT **[H6.06.03.03]**. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước. Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập HĐ tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần HĐ luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Ngoài ra, Trường còn có chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng. Căn cứ chiến lược phát triển của Trường, Khoa, kế hoạch ĐTBĐ hằng năm, Khoa có đề xuất nhân sự để phát triển đội ngũ GV **[H6.06.03.04]**. Căn cứ quy mô TS hằng năm, các HP trong CTĐT ngành KHMT, nhu cầu ĐTBĐ đội ngũ, Khoa CNTT có kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch ĐTBĐ một số vị trí nhân sự của Khoa trình BGH phê duyệt và thông báo rộng rãi **[H6.06.03.05]**. Trong các thông báo KH tuyển dụng hằng năm từ 2019 - 2024 của Trường đã ghi chi tiết về tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của HĐ sát hạch. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng và tiến hành giảng thử tại Khoa rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 01 năm tập sự, Khoa sẽ cử 01 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự **[H6.06.03.06]**, **[H6.06.03.07]**.

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của CTĐT ngành KHMT được thực hiện theo Quy định nêu trên. Việc bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch CB đã được phê duyệt cho từng giai đoạn **[H6.06.03.08]**.

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển.

Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển

dụng, sử dụng và quản lý CB, GV.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TCHC.

3. Điểm tồn tại

Hàng năm, thông báo tuyển dụng được phổ biến, công khai bằng nhiều hình thức đa dạng nhằm đảm bảo toàn thể CB, GV có đủ thông tin, nhận thức về các quy định, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vẫn còn hạn chế, nhất là nguồn nhân lực có trình độ cao của ngành KHMT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao. Khoa đã rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.	Khoa CNTT Các đơn vị liên quan	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa rà soát văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Trường để bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo quy định, về tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBNV.	Khoa CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Giảng viên là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển CTĐT ngành KHMT, việc đầu tư, tăng cường đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ GV được quy định trong Quy định đánh giá đội ngũ, bao gồm các năng lực thực hiện các nhiệm vụ của GV: Năng lực NCKH; năng lực phát triển CTĐT; năng lực giảng dạy; năng lực giám sát và TĐG chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu

và đóng góp cho cộng đồng...[H6.06.04.01]. Ngoài ra, Trường tập trung xây dựng các văn bản quy định về năng lực của từng vị trí công tác với các yêu cầu về trình độ, kiến thức, kỹ năng cần thiết, quy định về tuyển dụng nhân sự và quy định về hoạt động NCKH [H6.06.04.02], [H6.06.04.03], [H6.06.04.04].

Năng lực NCKH được xác định thông qua việc viết báo cáo khoa học, giáo trình, sách; công bố các kết quả NC, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; khả năng hướng dẫn NH thực tập, hoàn thành luận văn tốt nghiệp. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc. Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH, được Trường xác định rõ trong Quy định chế độ làm việc của GV Trường ĐHTT, đây là cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm học của GV. Các hoạt động đào tạo của GV sẽ được quy đổi bằng giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và giờ phục vụ hành chính. Giảng viên chỉ cần hoàn thành hết các giờ chuẩn đã được Quy định thì GV đã đạt được chỉ tiêu. Nếu GV làm việc dư ra hơn so với giờ tiêu chuẩn sẽ được thanh toán giờ vượt trội [H6.06.04.05].

Trường ĐHTT là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Tân Tạo nên công tác đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân sẽ thực hiện theo quy định của Tập đoàn Tân Tạo [H6.06.04.06]. Hàng năm, Trường ĐHTT thực hiện tổng kết đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV dựa trên các biên bản họp đánh giá, phân loại GV và NV của các đơn vị và đề xuất khen thưởng đối với những cá nhân vượt trội trình Tập đoàn xem xét [H6.06.04.07]. Đến năm 2022, Trường ban hành Quy định thi đua - khen thưởng áp dụng cho GV, NV [H6.06.04.08]. Khoa tổ chức cuộc họp để bình xét đánh giá năng lực và chất lượng làm việc của đội ngũ GV theo thông báo của Phòng TCHC. Sau khi phân loại đội ngũ GV, Khoa gửi Phòng TCHC để tổng hợp lại tất cả thông tin đánh giá và xét duyệt tất cả thông tin đánh giá thông qua cuộc họp của HĐ Thi đua - Khen thưởng [H6.06.04.07], [H6.06.04.09]. Sau cuộc họp, HĐ thi đua - khen thưởng đưa ra kết quả khen thưởng năm học. Ngoài công tác giảng dạy, Trường có hoạt động khen thưởng thành tích NCKH đối với GV hoàn thành xuất sắc [H6.06.04.10].

Bên cạnh đó, Trường còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV, trên cơ sở báo cáo khảo sát, Khoa CNTT đã có những phản hồi giúp GV điều chỉnh lại phương pháp giảng dạy của mình cho phù hợp [H6.06.04.11].

Như vậy, các hoạt động đánh giá không chỉ giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ và giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa nhằm định hướng chiến lược phát triển phù hợp.

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV. Trường tổ chức giám sát và đánh giá năng lực của

đội ngũ GV, GV Khoa CNTT được đánh giá hàng năm và được NH phản hồi về hoạt động giảng dạy hằng kỳ.

Các GV tích cực tham gia NCKH làm các đề tài, viết bài báo đăng các tạp chí trong và ngoài nước; tích cực hướng dẫn NH NCKH và làm KLTN. Đặc biệt, các GV tham gia giảng dạy CTĐT ngành KHMT có trình độ chuyên môn và NCKH tốt đáp ứng tốt các yêu cầu cho giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH hiện chủ yếu tập trung vào một số GV, chưa thu hút được sự tham gia rộng rãi từ tất cả GV trong Khoa. Chưa phát huy tối đa vai trò của GV trong công tác PVCĐ, hình thức thực hiện chưa đa dạng và chưa có cơ chế đánh giá cụ thể về hiệu quả hoạt động này.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đẩy mạnh khuyến khích, hỗ trợ và phân công nhiệm vụ hợp lý để thu hút sự tham gia rộng rãi của GV vào hoạt động NCKH. Tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động PVCĐ. Thông qua đó, có thể xác định và đánh giá năng lực GV hiệu quả và toàn diện hơn.	Khoa CNTT Phòng TCHC	Từ năm học 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện bộ công cụ đánh giá năng lực. Tiếp tục đăng kí đề tài NCKH các cấp, viết bài báo khoa học đăng các tạp chí quốc tế trong danh mục ISI, Scopus, SCIE; duy trì việc hướng dẫn NH NCKH và làm KLTN.	Khoa CNTT Phòng TCHC	Từ năm học 2025 - 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng (ĐTBD) và phát triển đội ngũ CB, GV, NV nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Qua các buổi họp tổng kết năm, Khoa đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch ĐTBD và phát triển chuyên môn cho GV, đồng thời triển khai các giải pháp cụ thể, giúp đội ngũ GV nâng cao năng lực để đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng

đồng. Kế hoạch ĐTBD của đội ngũ CB, GV, NV gắn với Chiến lược phát triển Khoa đến năm 2026, tầm nhìn 2030 đã đưa ra các giải pháp cụ thể để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cho GV trong giai đoạn phát triển mới **[H6.06.05.01]**.

Hoạt động ĐTBD phát triển đội ngũ GV của Khoa luôn bám sát quy định về ĐTBD CB, GV của Trường. Hằng năm, Khoa tiến hành họp/tổng kết, thực hiện khảo sát/đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, đánh giá năng lực GV, căn cứ vào kế hoạch ĐTBD; tiêu chí về trình độ, năng lực đội ngũ, GV tự nguyện đăng ký nhu cầu ĐTBD, hoặc Khoa chỉ định CB, GV phải đi ĐTBD đáp ứng yêu cầu CTĐT, NCKH; sau đó, Khoa lập kế hoạch ĐTBD của đơn vị chuyển cho Phòng TCHC tổng hợp thành Kế hoạch ĐTBD chung của Trường. Tổng hợp giai đoạn 2019 - 2024, có ít nhất 75% GV của ngành KHMT có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; văn bằng; GV được ĐTBD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường và kinh phí dành cho ĐTBD mỗi năm theo quy chế hiện hành và thực tế của Trường. **[H6.06.05.02], [H6.06.05.03], [H6.06.05.04]**.

Trường và Khoa có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn trong nước và quốc tế. Các chương trình học bổng quốc tế được công khai thông báo để tạo cơ hội cho giảng viên trẻ tham gia ứng tuyển. Khoa cũng khuyến khích giảng viên hợp tác nghiên cứu với các giảng viên từ các trường đại học uy tín quốc tế nhằm nâng cao trình độ giảng dạy và nghiên cứu **[H6.06.05.05], [H6.06.05.06]**.

Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTBD và phát triển chuyên môn của giảng viên được giám sát và đánh giá hằng năm. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên, đồng thời được sử dụng để xét thi đua khen thưởng **[H6.06.05.07]**.

2. Điểm mạnh

Trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐTBD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường xây dựng và triển khai kế hoạch về ĐTBD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT.

Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTBD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CBNV, GV.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo tuy có thực hiện nhưng chưa có chiều sâu, chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trong năm học 2024 - 2025, Trường ĐHTT và Khoa CNTT tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành đào tạo. Khoa tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.	Khoa CNTT Phòng KT-BĐCL Phòng QLĐT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV.	Khoa CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa CNTT xây dựng kế hoạch công tác hằng năm đối với từng giảng viên, xác định rõ các công việc cụ thể trong giảng dạy, NCKH và các công việc liên quan. Mỗi giảng viên phải đáp ứng các tiêu chí công việc tối thiểu theo quy định của Trường và bảng mô tả công việc của giảng viên. Khoa phân công công việc cho giảng viên theo từng năm học để đảm bảo sự rõ ràng và hiệu quả trong công việc. **[H6.06.06.01].**

Trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc. Theo Quy chế thi đua khen thưởng của Trường **[H6.06.06.02]**, việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên (bao gồm khen thưởng và công nhận) được thực hiện nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho công tác đào tạo. Định kỳ, Khoa tổ chức họp và đưa ra các định hướng hoạt động phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mệnh và Triết lý giáo dục của Trường, đồng thời đánh giá mức độ hoàn thành công việc của giảng viên và đề xuất khen thưởng cho các cá nhân xuất sắc **[H6.06.06.03]**, **[H6.06.06.04]**. Kết quả công việc của GV được triển khai để tạo động lực

hỗ trợ NCKH: Khối lượng giờ dạy, NCKH và công tác khác mỗi HK của GV được thống kê. Qua đó, Khoa CNTT tiến hành đánh giá năng lực GV thông qua hoạt động dự giờ, kiểm tra chuyên môn định kỳ và theo dõi phản hồi của người học liên quan đến phương pháp giảng dạy của GV **[H6.06.06.05]**. Hằng năm, Khoa tổ chức họp toàn thể giảng viên để thống nhất ý kiến và đánh giá thi đua theo đúng quy định của Trường. Bên cạnh đó, việc đánh giá chuyên môn, phương pháp sư phạm của GV qua các hoạt động dự giờ, khảo sát ý kiến sinh viên, kiểm tra chuyên môn định kỳ cũng góp phần thúc đẩy GV nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Đối với GV có tham gia các hoạt động cộng đồng sẽ được Khoa và Trường hỗ trợ kinh phí, khen thưởng khuyến khích **[H6.06.06.06]**, **[H6.06.06.07]**.

Khi xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc, Trường và Khoa đều lấy ý kiến đóng góp của GV để việc đánh giá được khách quan, dân chủ và phản ánh đúng năng lực, hiệu quả công việc của GV. Việc phản hồi, đóng góp ý kiến được thực hiện thông qua các cuộc họp trực tiếp và phản hồi thông báo qua email của Trường. Do đó, các GV hài lòng về kết quả đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV đang được triển khai tại Trường và Khoa giúp tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ **[H6.06.06.08]**. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về công tác quản lý, chế độ, chính sách và các hoạt động phục vụ đào tạo của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV về việc quản trị theo kết quả công việc thể hiện GV hài lòng về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường **[H6.06.06.09]**.

2. Điểm mạnh

Trường có ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc. Và hằng năm, GV Khoa thực hiện tốt công tác đăng ký thi đua vào đầu năm học.

Trường phân công Phòng TCHC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH trong công tác triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV, là đầu mối liên hệ giữa các đơn vị trong thực hiện công tác.

Giảng viên Khoa luôn được lấy ý kiến và khảo sát về sự hài lòng đối với kết quả đánh giá.

Trong giai đoạn 2019 - 2024, đội ngũ GV của Trường và của Khoa đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV, NCV nhận được hình thức khen thưởng các cấp cao còn chưa nhiều. Trường chưa có đội ngũ NCV chuyên trách, hiện tại còn nhiều vị trí kiêm nhiệm.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trong năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động PVCD. Cần có chính sách về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các GV của Khoa. Trường, Phòng TCHC, Khoa tăng cường động viên, khuyến khích GV tham gia các hình thức khen thưởng các cấp.	Khoa CNTT Phòng TCHC	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn thể CBNV, GV. Nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo động lực cho GV hoàn thành khối lượng công việc theo quy định.	Khoa CNTT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về các loại hình NCKH và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu được xác lập rõ ràng trong Quy định Quản lý hoạt động KH&CN của Trường và Quy định chế độ làm việc của GV [H6.06.07.01]. Quy định quản lý hoạt động KH&CN đã xác định các hoạt động NCKH tại Trường, bao gồm: tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp, viết bài báo xuất bản trong nước và quốc tế, tham gia báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, tham gia biên soạn sách - giáo trình tài liệu, hướng dẫn SV NCKH. Quy định chế độ làm việc của GV quy định mỗi GV với chức danh-học vị khác nhau phải hoàn thành tối thiểu 120 giờ NCKH, cụ thể như sau:

Bảng 6.7.1. Giờ chuẩn quy định trong giảng dạy và NCKH

Chức danh – Học vị	Giảng dạy	NCKH
Giảng viên - ThS	330 giờ chuẩn	120 giờ chuẩn
Giảng viên - TS	270 giờ chuẩn	180 giờ chuẩn
Giảng viên chính - ThS	300 giờ chuẩn	150 giờ chuẩn

Chức danh – Học vị	Giảng dạy	NCKH
Giảng viên chính - TS	240 giờ chuẩn	210 giờ chuẩn
Giảng viên cao cấp - PGS	210 giờ chuẩn	240 giờ chuẩn
Giảng viên cao cấp - GS	180 giờ chuẩn	270 giờ chuẩn

(Nguồn: P.QLKH - HTQT, 09/2024)

Số giờ làm việc của GV được tính dựa trên các hoạt động NCKH đã được quy định và thông báo công khai vào đầu năm học. GV sẽ đăng ký số giờ giảng dạy và NCKH của mình khi năm học bắt đầu. Dựa trên những thông tin này, Trường sẽ đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV.

Dựa trên kế hoạch hoạt động NCKH hàng năm, Phòng QLKH-HTQT sẽ hướng dẫn GV các Khoa đăng ký loại hình và số lượng hoạt động NCKH vào đầu năm học [H6.06.07.02]. Với nhiều lựa chọn về hình thức nghiên cứu, GV có thể linh hoạt chọn những hoạt động phù hợp với khối lượng công việc của mình trong năm. Ngoài ra, Trường cũng đã ban hành quy định hướng dẫn thực hiện các đề tài NCKH cấp trường [H6.06.07.03]. Mỗi đề tài NCKH được quy đổi thành số giờ chuẩn NCKH cho GV.

Hàng năm, Phòng QLKH-HTQT báo cáo tổng kết về các hoạt động NCKH đã thực hiện trong năm học cũ và lên phương hướng hoạt động NCKH cho năm tiếp theo. Điều này giúp cho Trường có cái nhìn tổng quan về các hoạt động NCKH mà các GV đang thực hiện và định hướng hỗ trợ cho các NCKH trọng tâm để có thể mang đến kết quả tốt nhất. Đồng thời dựa trên các bản báo cáo này mà Trường có thể đưa ra kế hoạch cải tiến công tác NCKH theo chu kỳ 2 năm. Ngoài ra, Trường ban hành sổ tay NCKH để hướng dẫn các chính sách cho GV có thể căn cứ theo các quy định để bắt đầu các hoạt động NCKH. Điều này sẽ giúp GV có thể dễ dàng hơn tiếp cận với các gói hỗ trợ mà Trường đưa ra cho các hoạt động NCKH.

Số lượng công bố khoa học được đăng tải trên các tạp chí trong nước và tạp chí quốc tế của Trường trong giai đoạn 2019 - 2024 là 131 bài báo. Mỗi năm Trường duy trì công bố từ 19 bài trở lên. Đặc biệt, hơn 77,1% bài báo được đăng trong các tạp chí uy tín quốc tế (tạp chí hạng cao với hệ số tác động lớn). Trong đó cao nhất vào năm 2022 với 30 bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học. Trong giai đoạn 2019 - 2024, Khoa CNTT công bố 13 bài báo khoa học chiếm hơn 9,9% tổng số bài báo của Trường. Hàng năm, Khoa CNTT duy trì công bố ít nhất 01 bài báo. Trong đó, số lượng công bố cao nhất là 5 bài vào năm 2019. Đặc biệt trong năm học 2023-2024 Khoa CNTT có 01 quyển sách được đăng trên tạp chí Springer. Trong giai đoạn 2019 - 2024, Khoa CNTT đã thực hiện và nghiệm thu thành công 01 đề tài từ NAFOSTED (Quỹ Phát triển KH&CN QG). Trong đó, nhiều công trình NCKH được đăng tải trên các tạp chí danh tiếng như Information and Communication Technology, RSC Advances, Journal of Reliable Intelligent

Environments, Journal of Systems Architecture, Annual Computer Security, The Journal Of Geometric Analysis, và nhiều tạp chí khác.

Kết thúc năm học, Trường tổ chức đánh giá, xếp loại GV để đảm bảo GV hoàn thành nhiệm vụ nói chung và nhiệm vụ NCKH nói riêng. Từ kết quả đánh giá, Trường sẽ vinh danh các GV có thành tích NCKH xuất sắc và được ưu tiên đánh giá thi đua khen thưởng [H6.06.07.04]. Dựa trên kết quả đánh giá các hoạt động NCKH, lãnh đạo Khoa tiến hành họp đánh giá phân loại GV hằng năm với mục tiêu nâng cao chất lượng và số lượng các loại hình hoạt động khoa học hướng tới nâng cao chất lượng giảng dạy; Khoa CNTT đã chú trọng rà soát, đối sánh và điều chỉnh các hoạt động khoa học năm học mới sao cho phù hợp với thực tiễn, từ đó nâng cao chất lượng NCKH của Khoa.

2. Điểm mạnh

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV Khoa được cải tiến hàng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường có chính sách để thu hút GV tiếp tục tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay Khoa chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố do GV tham gia các hoạt động giảng dạy, NCKH, công tác theo phân công và học tập nâng cao trình độ đã chiếm phần lớn thời gian.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường có chính sách động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp thành phố và tương đương, đồng thời tăng cường các đề tài NCKH từ các cấp với sự tham gia thực hiện của SV, và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.	Khoa CNTT Phòng QLKH- HTQT Phòng TCKT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của	Khoa CNTT Phòng QLKH-	Hằng năm	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
		GV.	HTQT		

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Những điểm mạnh nổi bật

Công tác quy hoạch đội ngũ được thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa. Trường đã xây dựng đầy đủ kế hoạch phát triển nhân sự của Trường và của Khoa qua các giai đoạn. Các kế hoạch tuyển dụng được xây dựng, căn cứ vào báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị để đáp ứng tốt các yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Có chính sách nhân sự trong đó thể hiện rõ các quyền lợi về thu nhập, cơ hội thăng tiến và phúc lợi khác cho GV. Tỷ lệ GV/NH của CTĐT đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ ĐH theo quy định. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV được hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện. Có quy định xác định năng lực của GV thông qua các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác bên cạnh yêu cầu về khối lượng công việc, có quy định về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV hướng tới việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ và định kỳ hằng năm đều có đánh giá. Có đầy đủ quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Các quy định này được lấy ý kiến của toàn thể CBNV, GV và được thông báo công khai. Đội ngũ GV tích cực tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng do Trường triển khai và cũng chủ động tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Có hệ thống quy định, quy trình để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của GV. Các quy định này được bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CBNV, GV trong toàn Trường. Công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV, CBNV triển khai rất nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trong giai đoạn 2019 - 2024, GV Khoa được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của NH ngành KHMT hài lòng về hoạt động giảng dạy và đánh giá của GV.

Trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐTBĐ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch về ĐTBĐ và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm, trong đó gần 100% GV của Trường được ĐTBĐ và phát triển chuyên môn. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học.

Những tồn tại cơ bản

Số lượng GV của Khoa còn ít. Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Trường

chưa tuyển được nhiều GV có học hàm, học vị cao. Các hình thức khen các cấp của GV Khoa chưa nhiều. Khoa chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6:

Có 7/7 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 7/7; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ NV giữ vị trí và vai trò quan trọng trong nhiều hoạt động của Trường và Khoa. Đội ngũ NV của Khoa bao gồm: thư ký và NV các phòng ban liên quan như thư viện, hệ thống CNTT, các dịch vụ hỗ trợ khác; đội ngũ này có nhiệm vụ góp phần hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV và SV. Nhận thức được điều đó, Trường luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách về tuyển dụng, lựa chọn và quy hoạch đội ngũ NV của Trường và Khoa. Hằng năm, chất lượng đội ngũ NV của Trường không ngừng được nâng cao thông qua các chương trình, kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng và thông qua việc tổ chức thường xuyên những hoạt động đánh giá khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ nhằm kịp thời điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đạt được chất lượng hỗ trợ tốt nhất. Ngoài ra, Trường cũng ban hành nhiều chính sách khen thưởng và công nhận những tập thể và cá nhân hoàn thành tốt công việc được giao nhằm tạo động lực cho đội ngũ NV làm việc tích cực, hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có chiến lược phát triển trong giai đoạn 2021 – 2026 và định hướng đến năm 2030. Đây là cơ sở để phát triển và đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H7.07.01.01].

Hằng năm, Trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH, PVCĐ cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Trường để làm tốt công tác quy hoạch [H7.07.01.02]. Công tác tuyển dụng được cụ thể hóa trong Quy chế tuyển dụng [H7.07.01.03]. Mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Bản mô tả vị trí công việc của NV, khung năng lực; quy định trong danh mục vị trí việc làm [H7.07.01.04].

Khoa đã xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm hỗ trợ gồm các công tác như: đội ngũ CVHT, phong trào thanh niên và SV, phụ trách công tác giáo vụ Khoa. Bên cạnh đội ngũ cán bộ hỗ trợ, các GV giảng dạy của Khoa và NH còn được hỗ trợ về tài liệu, thông tin về các lĩnh vực cũng như chuyên môn thông qua đội ngũ NV kỹ thuật của Trung tâm thông tin Thư viện, NV hỗ trợ từ các phòng ban khác như: Phòng CTSV-HTDN, Phòng QLKH-

HTQT, Phòng KT-BĐCL, trung tâm Ngoại ngữ, trung tâm Khởi nghiệp. Các phòng ban và trung tâm được bố trí đủ số lượng cán bộ, đáp ứng được nhu cầu về năng lực và phẩm chất công tác trong các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu (02 NV CNTT, 11 NC hành chính ở các phòng ban, 02 NV hỗ trợ NH). Trong đó, có 12 NV có trình độ thạc sĩ, 01 NV có trình độ ĐH. Số lượng NV Thư viện của Trường là 02 người. Đội ngũ NV thư viện của Trường có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Thư viện trường ĐHTT được bố trí tại tầng 5 tòa nhà hành chính, tổng diện tích 800m² gồm 2 khu phòng đọc, 04 phòng học nhóm, 03 phòng lưu trữ xử lý tài liệu, 01 khu truy cập internet,... nhằm cung cấp sách báo và tài liệu hỗ trợ cho việc học tập, nghiên cứu, đồng thời khuyến khích tích cực, chủ động và sáng tạo trong quá trình học tập của NH [H7.07.01.05]. Các đơn vị phòng ban hỗ trợ trong Trường có đội ngũ cán bộ đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có sự phân công công việc cho từng chuyên viên/NV một cách rõ ràng và chi tiết theo chuyên môn và nghiệp vụ của từng chuyên viên/NV. Đội ngũ NV hỗ trợ của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng [H7.07.01.06].

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, hằng năm, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, NV từ GV và NH. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Kết quả khảo sát NH và GV về các dịch vụ hỗ trợ từ NV đều đạt tỷ lệ hài lòng từ 60% trở lên: NV làm việc tại thư viện (GV: 69%, NH 60,6%), NV làm việc tại PTN (GV: 75%, NH: 63,9%), NV CNTT (GV: 73%, NH: 63,1%) [H7.07.01.07].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ NV của Trường có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV luôn được quan tâm, giám sát, đánh giá và không ngừng được hoàn thiện nhờ công tác tập huấn, ĐTBĐ thường xuyên. Việc giải đáp thắc mắc của NH được thực hiện tích cực bởi đội ngũ NV như hình chính, cơ sở vật chất, thư viện, đào tạo,... điều này giúp NH luôn được bảo đảm điều kiện môi trường học tập và rèn luyện tốt.

3. Điểm tồn tại

Trong một số trường hợp, do điều kiện khách quan tác động dẫn đến việc truyền đạt thông tin và phối hợp giữa các nhân viên của các bộ phận khác nhau còn gặp khó khăn. Điều này ảnh hưởng đến tính hiệu quả và đồng nhất của công việc.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường tiếp tục xây dựng môi trường giao tiếp mở và thuận lợi giữa các NV và các bộ phận khác nhau thông qua các buổi gặp gỡ giữa BGH, NLD được tổ chức định kỳ, các hoạt động xây dựng đội nhóm, tăng cường sự hiểu biết và tin tưởng, tạo ra một môi trường làm việc tích cực và hỗ trợ. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công cụ và nền tảng truyền thông, chuyển đổi số vào giao tiếp và phối hợp công việc. Quản lý hiệu quả công việc, thời gian.	Khoa CNTT Các đơn vị liên quan	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tiếp tục đẩy mạnh chính sách thu hút và công tác đào tạo và phát triển đội ngũ CB thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT ngành.	Khoa CNTT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Nhằm đảm bảo chất lượng của công tác tuyển dụng, Trường ban hành nhiều văn bản cụ thể, chi tiết quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV. Theo đó, đội ngũ NV của Trường phải đáp ứng được các tiêu chí về phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhiệm công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Cụ thể, mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Bản mô tả vị trí công việc của NV, khung năng lực. Trường quy định những tiêu chí tuyển dụng riêng nhằm đảm bảo tuyển dụng nguồn nhân lực phù hợp với chuyên môn và yêu cầu của vị trí, công việc. Ngoài ra, quy trình tuyển dụng cũng được thể hiện cụ thể trong danh mục vị trí việc làm [H7.07.02.01]. Hằng năm, Trường có kế hoạch tuyển dụng nhân sự, trong đó có đội ngũ NV hỗ trợ, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH, PVCĐ theo đề xuất của các Khoa và đơn vị. Trường gửi thông báo kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị liên quan và công khai trên website của Trường. Nội dung thông báo nêu đầy đủ kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng cho từng

vị trí việc làm được xác định theo quy định tuyển dụng đã được. Đội ngũ NV được Phòng TCHC tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo tiêu chí và trình tự, thủ tục được thể hiện trong những quy định đã được ban hành [H7.07.02.02], [H7.07.02.03]. Theo đó, NV Khoa đáp ứng các tiêu chí trong văn bản Quy định tuyển dụng nói trên và được tuyển dụng theo quy trình chặt chẽ (quy trình tuyển dụng gồm 3 vòng như sau: gặp gỡ phòng Đào tạo, tiếp xúc khoa chuyên môn, làm việc với Phòng TCHC). Trường đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình về công tác CB của Trường ĐHTT nhằm giúp NV nắm rõ được các quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV, trách nhiệm và quyền lợi của mình, để từ đó hoàn thành tốt công việc hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCD. Qua đó, đội ngũ NV của Trường và Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển theo đúng các kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của Trường với quy trình chặt chẽ, đảm bảo chất lượng và đảm bảo phù hợp với vị trí công việc và pháp luật [H7.07.02.04], [H7.07.02.05].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ. Đối với từng nhóm NV, các tiêu chí tuyển dụng được quy định cụ thể trong bản mô tả công việc:

(i) *Chức danh thuộc Khối CB quản lý cao cấp (trừ chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng), Khối CB quản lý học vụ, đào tạo, Khối GV:* Có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn phù hợp nhu cầu từng vị trí (có giới hạn về độ tuổi), có trình độ tiếng Anh, vì tính, sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc.

(ii) *Chức danh cán bộ, NV các phòng, ban khác thuộc khối hành chính:* có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn phù hợp với vị trí công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc, kinh nghiệm quản lý, thái độ tích cực và cầu tiến ...

(iii) *Chức danh NV hỗ trợ của Khoa:* Có trình độ từ ĐH trở lên, có kiến thức, siêng năng cần cù, vui vẻ hòa nhã, biết lắng nghe, có lập trường về chính trị, thái độ tích cực và cầu tiến...

(iv) *Chức danh NV hỗ trợ phòng thực hành nghề của Khoa:* Có trình độ từ ĐH trở lên, có kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về lĩnh vực Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Quản lý công nghiệp và Kinh doanh, có kỹ năng ứng dụng CNTT.

Việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm NV được thực hiện theo đúng Nội quy lao động của Trường phù hợp với quy định pháp luật [H7.07.02.05], được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa nhằm đảm bảo quyền lợi cho NV. Đến tháng 08/2024, số lượng NV của trường là 62. Ngoài ra, nhằm hỗ trợ cho công tác tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng Trường, căn cứ vào Chiến lược phát triển của Trường và Khoa, các tiêu chí tuyển dụng còn được phổ biến công khai ở quy mô lớn trên trang thông tin điện

từ của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của phòng TCHC và Khoa.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, được công bố và phổ biến rộng rãi. Các tiêu chí tuyển dụng NV được điều chỉnh kịp thời, cập nhật thường xuyên để phù hợp với nhu cầu thực tế.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, nhưng chưa cụ thể hoá về số lượng. Hoạt động đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển có thực hiện nhưng chưa được thường xuyên để kịp thời điều chỉnh.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường cần tập trung vào những giải pháp: (1) Trong các văn bản quy định về công tác CB được điều chuyển nên được lượng hóa cụ thể hơn và thường xuyên đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển; (2) Công khai những quy định về đào tạo đối với CB trong quy hoạch để những CB còn lại có hướng tiếp cận và đào tạo bản thân phù hợp với yêu cầu luân chuyển, bổ nhiệm	Khoa CNTT Phòng TCHC	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến công khai các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển rộng rãi trên các kênh thông tin đại chúng và thời gian đăng tuyển dài hơn.	Khoa CNTT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực đội ngũ NV có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Trường nói chung và của ngành đào tạo KHMT nói riêng. Đội ngũ NV cho công tác đào tạo của Khoa CNTT đồng thời cũng là đội ngũ NV cho các ngành đào tạo khác trong Trường, gồm có 64 NV thuộc 18 Phòng/Ban/Khoa [H7.07.03.01]. Khoa CNTT và các

Phòng/ Ban xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ CBNV hỗ trợ theo chất lượng công việc, trình tự từ cấp Bộ môn, cấp Khoa/Trung tâm đến cấp Trường theo thông báo hướng dẫn về việc xét thi đua khen thưởng, quyết định ban hành quy định đánh giá đội ngũ, quy định công tác thi đua khen thưởng, nội quy lao động [H7.07.03.02], [H7.07.03.03], [H7.07.03.04], [H7.07.03.05].

Năng lực của đội ngũ NV được xác định rõ trong Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và quy định đánh giá đội ngũ. Theo đó, năng lực đối với đội ngũ NV bao gồm (1) Năng lực chung là các kỹ năng như kỹ năng mềm: làm việc nhóm, làm việc độc lập, chịu áp lực công việc, diễn đạt bằng lời, diễn đạt bằng văn bản, nhạy bén, giao tiếp và tạo mối quan hệ tốt; khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và sử dụng tiếng Anh trong công việc; ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo; khả năng trình bày hình thức và nội dung email, các loại văn bản hành chính; khả năng sử dụng tốt thiết bị văn phòng (máy photocopy, máy in, điện thoại,...); khả năng sử dụng các phần mềm quản lý công việc và (2) Năng lực chuyên môn, giúp các đơn vị chức năng nâng cao năng lực kỹ thuật, giải quyết các vấn đề trong chuyên môn sâu như: triển khai thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo đã được thông qua, tổ chức xét cho SV học tiếp, cảnh báo kết quả học tập, tạm dừng học, buộc thôi học (NV QLĐT); quản lý việc vận hành, duy tu, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật (NV kỹ thuật); xây dựng mối quan hệ với các bộ, ban ngành và địa phương trong nước và các tổ chức chính phủ và phi chính phủ nước ngoài để triển khai các hoạt động NCKH và CGCN (NV QLKHT-HTQT)... [H7.07.03.03], [H7.07.03.06]. Bên cạnh đó, ngay từ khâu tuyển dụng, Trường nêu rõ yêu cầu về trình độ, năng lực chuyên môn trong thông báo tuyển dụng được đăng tải trên website của Trường và thông báo công khai trên các web tuyển dụng (Vietnamworks, Careerbuilder) [H7.07.03.07].

Hiện nay, quy trình và các tiêu chí để đánh giá hiệu quả, chất lượng công việc của đội ngũ NV Trường ĐHTT được áp dụng theo quy định đánh giá đội ngũ [H7.07.03.03]. Theo đó, nội dung đánh giá bao gồm: (1) Việc thực hiện chủ trương, nội quy, quy chế, quy định hiện hành; (2) Mức độ hoàn thành nhiệm vụ thường xuyên được giao; (3) Mức độ thực hiện nhiệm vụ đột xuất được giao; (4) Việc chủ động tham mưu, đề xuất thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; (5) Việc tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí; (6) Sự phối hợp trong công tác, sự đoàn kết nhất trí trong tập thể đơn vị; (7) Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc đối với NV được chia làm 03 nhóm mục tiêu, bao gồm: (1) Nhóm mục tiêu khối lượng và hiệu suất công việc; (2) Nhóm mục tiêu về năng lực thực hiện; (3) Nhóm mục tiêu tuân thủ các quy trình, quy định. Các tiêu chí cụ thể của nhóm mục tiêu “Khối lượng và hiệu suất công việc” được thiết lập dựa vào công việc và chỉ tiêu được giao tương ứng vị trí việc làm được phân công. Dựa trên kết quả thực hiện các nội dung trên, hằng năm, nhân sự được đánh giá, phân loại theo 04 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành

nhiệm vụ. Về phía Khoa CNTT, đội ngũ NV được đánh giá năng lực và hiệu suất công việc thông qua cuộc họp đánh giá KPI định kỳ hằng tháng, đây cũng là căn cứ hoàn thiện công tác chấm công, trả lương cho NV [H7.07.03.08]. Ngoài ra, cuối mỗi năm học, Trường thực hiện công tác đánh giá, phân loại GV, NV theo trình tự sau: Cá nhân sẽ TĐG năng lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân sau đó đơn vị tổ chức các cuộc họp để bình xét đánh giá năng lực và chất lượng làm việc của đội ngũ NV từ đó đề xuất các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Sau khi đánh giá phân loại đội ngũ NV, các đơn vị gửi kết quả đến Phòng TCHC để tổng hợp lại tất cả thông tin đánh giá và xin ý kiến phê duyệt của HĐ đánh giá. Trên cơ sở đó, Lãnh đạo Trường ra quyết định công nhận khen thưởng cho NLD [H7.07.03.09].

Năng lực của đội ngũ NV còn được đánh giá thông qua phản hồi của các BLQ về chất lượng phục vụ. Hằng năm, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của đội ngũ GV và NV về khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ NV thuộc các phòng, ban đơn vị. Kết quả khảo sát về tiêu chí mức độ hài lòng của GV, NV về chất lượng hỗ trợ của các đơn vị cho thấy phần lớn các đơn vị đều được đánh giá ở mức tốt. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát của SV trước tốt nghiệp về thái độ phục vụ và hoạt động hỗ trợ, tư vấn SV của các CBNV nhận được mức độ hài lòng khá cao [H7.07.03.10].

2. Điểm mạnh

Trường đã có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực của đội ngũ NV. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

3. Điểm tồn tại

Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của CB hỗ trợ ở các đơn vị chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa đề xuất Trường tiếp tục có các hoạt động rà soát, đánh giá năng lực của đội ngũ NV, có chính sách đào tạo bồi dưỡng, tập huấn và khuyến khích NV tự trau dồi, nâng cao năng lực.	Khoa CNTT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các tiêu chuẩn nhằm đánh giá, phân loại đội ngũ CB hỗ trợ, có chế độ khen thưởng CBNV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chính sách đào tạo, nâng cao năng lực của đội ngũ NV về	Khoa CNTT Phòng TCHC	Hằng năm	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
		chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng CV hỗ trợ NH tốt hơn.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ CBNV, là điều kiện quyết định để Trường thực hiện tốt công tác đào tạo và các hoạt động của Trường. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định, Trường và Khoa khuyến khích và tạo điều kiện cho CB hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí được quy định cụ thể trong văn bản Quy định về ĐTBĐ của Trường [H7.07.04.01].

Hàng năm, trên cơ sở nhu cầu xây dựng và phát triển đội ngũ NV được Trường xác định trong các văn bản: Đề án thành lập Trường, Đề án nâng cao năng lực đội ngũ, Chiến lược phát triển Trường, Đề án vị trí việc làm,... Phòng TCHC ban hành Thông báo triển khai đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng gửi các đơn vị thuộc Trường biết và thực hiện. Giai đoạn 2019 - 2024, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV của Khoa chủ yếu tập trung vào các nội dung và hình thức: 03 lượt nâng cao trình độ chuyên môn. Nhân viên sau khi tham gia các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn đã tổng hợp thông tin, tài liệu, nội dung có thể vận dụng vào thực tiễn trong báo cáo và chia sẻ đến toàn thể GV trong Trường [H7.07.04.02].

Việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB hỗ trợ được Trường thực hiện có kế hoạch và được xác định rõ ràng. Trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được hoạch định dựa vào kế hoạch đào tạo từ các phòng, khoa và trung tâm [H7.07.04.03], và các kết quả ĐTBĐ [H7.07.04.04]. Trường đã sử dụng nguồn kinh phí của CSGD cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV là 697.374.500 VNĐ (2019 - 2020: 114.360.000; 2020 - 2021: 190.453.000; 2021 - 2022: 237.817.500; 2022 - 2023: 53.507.000; 2023 - 2024: 101.237.000). Các quyết định cử cán bộ tham dự đào tạo, hội thảo, hội nghị được gửi đến Khoa và các phòng ban để theo dõi, đánh giá [H7.07.04.05].

2. Điểm mạnh

Trường có các kế hoạch để đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Công tác đào tạo, bồi dưỡng NV luôn được Trường đầu tư và quan tâm. Bên cạnh CB hỗ trợ của Khoa, còn có đội ngũ kỹ thuật viên,

NV của Trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại Trường.

3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm 2024 - 2025, Khoa đề xuất Trường có kế hoạch khảo sát việc áp dụng các nội dung tập huấn vào công việc của NV sau các đợt tập huấn.	Khoa CNTT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục giám sát, đánh giá hiệu quả của các loại hình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, các buổi tập huấn, tọa đàm, chuyên đề, phân tích, đối sánh mức độ tham dự để đánh giá, cải tiến.	Khoa CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có các quy định về khen thưởng và công nhận nhằm đảm bảo công việc được thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả và khuyến khích đội ngũ NV tích cực thi đua, làm việc, gồm: nội quy lao động quy định chi tiết về kỷ luật lao động, quy định về việc thực hiện báo cáo công việc hàng tuần, đánh giá công việc hàng tháng theo các tiêu chí để quản trị công việc của đội ngũ NV. Khối lượng công việc được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc, Hệ thống chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPIs) áp dụng tại Trường, Quy chế thi đua khen thưởng của Trường ĐHTT [H7.07.05.01], [H7.07.05.02], [H7.07.05.03].

Trường đã xây dựng hệ thống quản lý hành chính điện tử trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, qua đó giúp phòng TCHC tổng hợp, giám sát, đánh giá các hoạt động trong công việc của đội ngũ NV. Đồng thời, Trường có quy định về khen thưởng và công nhận đối với những NV hoàn thành tốt nhiệm

vụ cụ thể trong Bản mô tả vị trí công việc. Trường có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV bằng nhiều biện pháp như đội ngũ thanh tra tiến hành kiểm tra, giám sát việc nghiêm túc chấp hành Nội quy lao động, việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được phân công, thư ký, giáo vụ Khoa phải báo cáo hàng tuần, hàng tháng về cho Trường về tiến độ hoàn thành công việc công việc **[H7.07.05.04]** **[H7.07.05.05]**.

Tất cả NV có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào những quy định của Trường về khối lượng công việc cụ thể đối với đội ngũ NV, các NV sẽ tự xây dựng kế hoạch, tiến độ hoàn thành công việc cho mình. Khi tiến độ công việc được thể hiện chi tiết, rõ ràng, NV sẽ có định hướng tốt hơn để hoàn thành công việc, ngoài ra, đó cũng là cơ sở tạo điều kiện cho cấp quản lý có thể theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Từ đó, mỗi NV nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch theo nhiệm vụ của mình. Việc thực hiện các nhiệm vụ này được theo dõi, giám sát và đánh giá thông qua các báo cáo, biên bản **[H7.07.05.06]**.

Đội ngũ nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc khi không có trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hoặc xét thi đua khen thưởng. Hơn nữa, sự công nhận và khen thưởng hàng năm được triển khai chính là động lực cho cán bộ hỗ trợ tích cực hơn trong công tác. Đồng thời, các quy định về đánh giá hiệu quả công việc và quy chế thi đua khen thưởng của Nhà trường luôn được xây dựng dựa trên kết quả lấy ý kiến rộng rãi trong toàn bộ CB, NV **[H7.07.05.07]**.

2. Điểm mạnh

Các quy định của Trường về đánh giá, quản lý NV được quy định rõ ràng, công khai và có ghi nhận ý kiến đóng góp của NLD. NV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Trường.

3. Điểm tồn tại

Lịch công tác hàng tuần của đội ngũ NV chưa cụ thể nên gây khó khăn trong việc giám sát. Chưa có báo cáo công việc hàng tuần để nâng cao hiệu quả công việc.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa nên đưa ra các yêu cầu cụ thể hơn để lịch công tác hàng tuần của đội ngũ NV rõ ràng và chi tiết hơn, thuận lợi cho công tác giám sát, quản lý.	Khoa CNTT Phòng TCHC	Hàng năm	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao công tác quản lý CB hỗ trợ có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng.	Khoa CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Những điểm mạnh nổi bật:

Trường có kế hoạch phát triển nhân sự và có chính sách phù hợp để thực hiện kế hoạch. Đội ngũ CB thư viện, phòng thực nghiệm, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH đủ về số lượng, bằng cấp thích hợp và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT. Các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, có sự đóng góp ý kiến của CBNV, GV và được phổ biến công khai trong toàn trường. Có quá trình, phương pháp, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Hoạt động đánh giá và phân loại đội NV hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Thực hiện xác định nhu cầu về ĐTBĐ để triển khai kế hoạch và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả theo nhu cầu. Có phân bổ ngân sách hoạt động này. Có quy định cụ thể về khối lượng công việc với NV và quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Có triển khai đánh giá hiệu quả công việc của NV. Tất cả NV đều có bản mô tả công việc thể hiện rõ khối lượng và các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi.

Những tồn tại cơ bản:

Chưa phân tích sâu nhu cầu nhân lực dựa trên chiến lược của Trường và Khoa về MTĐT, NCKH và hợp tác quốc tế. Chưa thu được nhiều ý kiến đóng góp của CBNV, GV cho quy định tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV. Thiếu quy định để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của NV như đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp,... vì thế, năng lực hiện nay của đội ngũ NV được đánh giá chỉ dựa vào khối lượng công việc hoàn thành. Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hiện nay đang được thực hiện chung cho các đối tượng có những nhu cầu khác nhau là CBNV, GV nên kết quả đem lại sau khảo sát có một số phần chưa thực sự hợp lý. Công tác quản trị theo kết quả công việc chưa dựa vào các tiêu chí đánh giá chất lượng công việc nên chưa tạo được sự công bằng giữa các NV trong khen thưởng và công nhận.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7:

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Người học là đối tượng trung tâm trong môi trường giáo dục bậc đại học và để đạt được mục tiêu đào tạo đã đặt ra thì việc định hướng hoạt động cho NH có ý nghĩa rất quan trọng. Khi đã tuyển chọn được những NH đáp ứng yêu cầu theo Đề án tuyển sinh thì các hoạt động đào tạo được tiến hành theo khung chương trình, với sự hỗ trợ tối đa từ phía Trường nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho NH. Để hỗ trợ người học trong quá trình học tập, nhà trường đã tạo ra môi trường và các điều kiện thuận lợi nhất cho người học như: xây dựng đội ngũ cố vấn học tập, mời các chuyên gia có kinh nghiệm đến chia sẻ về nghề nghiệp, tổ chức các buổi trải nghiệm nghề nghiệp cho NH vào đầu khóa học. Việc áp dụng công nghệ 4.0 vào quản lý đào tạo đã giúp NH dễ dàng tiếp cận kết quả học tập và theo dõi sát được tiến độ học tập của bản thân. Ngoài ra, dữ liệu về việc làm sau tốt nghiệp của NH cũng được cập nhật liên tục, điều này giúp NH yên tâm học tập và rèn luyện.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường xây dựng chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Dựa trên các quy định về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy trình xây dựng đề án tuyển sinh chính sách tuyển sinh của các ngành đào tạo nói chung và ngành KHMT nói riêng được quy định một cách rõ ràng, chi tiết và đầy đủ, bao gồm: văn bằng, thời gian đào tạo, chỉ tiêu, hình thức thi/xét tuyển, thời gian xét tuyển, chính sách học phí, học bổng thông qua các kênh tuyển sinh đa dạng nhằm hỗ trợ thí sinh có thể tiếp cận thông tin dễ dàng và hiệu quả. Các thông tin chính sách, quy định đều được thể hiện rõ ràng cụ thể trong đề án tuyển sinh trong giai đoạn đánh giá 2019 - 2024. Trường ĐHTT đã xây dựng Ban Tuyển sinh (đổi thành Phòng TT-TS từ năm 2021) phụ trách công tác tổ chức tư vấn tuyển sinh để triển khai chính sách tuyển sinh thông qua những hoạt động cụ thể: (i) Thiết lập đội ngũ tuyển sinh với thành phần đa dạng, gồm: GV cơ hữu, SV; (ii) Tạo điều kiện cho GV, SV tham gia các đợt tập huấn về nội dung kỹ năng tư vấn hướng nghiệp tuyển sinh do Ban Tư vấn tuyển sinh tổ chức để cập nhật thông tin; (iii) Xây dựng tài liệu tuyển sinh ngành KHMT với nội dung đa dạng, phong phú như video giới thiệu ngành; tờ rơi, cẩm nang tuyển sinh; (iv) Tham gia hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tuyến tại các trường THPT qua hoạt động tư vấn dưới cờ, hướng nghiệp cho học sinh; tham gia các chương trình giao lưu, hội thảo tư vấn tuyển sinh cùng các trường ĐH, Cao đẳng; trong các buổi tham quan Trường của học sinh THPT trong địa bàn thành phố và các tỉnh [H8.08.01.01], [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], [H8.08.01.04].

Thông qua buổi họp các BLQ hàng năm, chính sách tuyển sinh được Phòng TT-TS sinh tham mưu xây dựng, có sự thống nhất ý kiến của các thành viên HĐTS hoặc lãnh đạo,

cán bộ nhân viên nhà trường phù hợp với Quy chế tuyển sinh ĐH và các văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.05]. Chính sách tuyển sinh được cụ thể hóa trong Đề án tuyển sinh và thông tin tuyển sinh được thông báo công khai rộng rãi thông qua việc phát tờ rơi, đăng tải thông tin trên các nền tảng trang thông tin điện tử <http://thituyensinh.vn> của Bộ GD&ĐT và trang <http://ttu.edu.vn> của Trường cũng như được cập nhật vào trang quản lý thi THPT QG <http://thithptquocgia.edu.vn> [H8.08.01.01], [H8.08.01.04], [H8.08.01.06].

Từ năm 2020 trở về trước, Trường xét tuyển với 03 đối tượng tuyển sinh khác nhau. Đối tượng 01 là thí sinh tốt nghiệp THPT và xét tuyển chủ yếu dựa vào kết quả thi THPT QG và kết quả của học bạ THPT kết hợp với phỏng vấn bởi HĐ phỏng vấn ĐHTT, đảm bảo ngưỡng đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT, bên cạnh đó cũng bổ sung thêm phương thức áp dụng kỳ thi Đánh giá năng lực (năm 2020). Đối tượng 02 là học sinh tốt nghiệp THPT ở nước ngoài hoặc trường quốc tế tại Việt Nam. Đối tượng 03 là SV tốt nghiệp cao đẳng, ĐH và các bậc học cao hơn sẽ xét theo KQHT bậc học. Đến năm 2021, đối tượng tốt nghiệp các chương trình cao đẳng, ĐH được loại bỏ khỏi đối tượng xét tuyển ngành KHMT cùng với giảm bớt đi phương thức áp dụng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực. Năm 2022, đối tượng tốt nghiệp các chương trình ĐH tại Việt Nam hoặc nước ngoài được áp dụng theo đề án tuyển sinh, nêu rõ phương thức xét tuyển vào ngành KHMT là áp dụng phương thức tuyển sinh gồm: xét tuyển thẳng, xét tuyển căn cứ vào kết quả tốt nghiệp THPT QG, xét tuyển căn cứ kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH QG, xét bằng kết quả tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và kết quả tốt nghiệp CTĐT ĐH Việt Nam hoặc nước ngoài. Đến năm 2023, đối tượng tuyển sinh được rút gọn là đối tượng tốt nghiệp THPT tại Việt Nam và xét tuyển theo các phương thức: xét tuyển thẳng, xét tuyển theo kết quả học bạ, xét tuyển theo điểm thi THPT QG và xét theo điểm thi của kỳ thi Đánh giá năng lực [H8.08.01.01].

Ngành KHMT sử dụng tổ hợp môn xét tuyển khối A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), D01 (Toán, Văn, Anh), D07 (Toán, Hóa, Anh).

Hàng năm, Trường tổ chức cuộc họp tổng kết tuyển sinh để đánh giá kết quả thực hiện công tác tuyển sinh, kết quả trúng tuyển và nhập học, những thuận lợi, khó khăn, phân tích nguyên nhân và hạn chế, đề ra phương hướng và các giải pháp thực hiện để nâng cao công tác tuyển sinh trong năm học tới. Trường đã điều chỉnh chính sách tuyển sinh về phạm vi tuyển sinh, phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển phù hợp tình hình thực tế và quy định của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.07].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHTT và Khoa CNTT xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó thể hiện chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm.

Trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần đáng kể vào kết quả tuyển sinh của Trường.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Phòng KT-BĐCL phối hợp với Phòng QLĐT và các Khoa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài về chính sách tuyển sinh của Trường để có thêm cơ sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh cho phù hợp.	Khoa CNTT Phòng KT-BĐCL Phòng QLĐT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục cải tiến chính sách và quy định về tuyển sinh phù hợp theo quy định hiện hành.	Khoa CNTT Phòng QLĐT HĐTS	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Trường thực hiện chính sách tuyển sinh, tổ chức thi và xét tuyển NH theo quy chế tuyển sinh ĐH hàng năm của Bộ GD&ĐT (Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 về Quy chế tuyển sinh trình độ ĐH). Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được xác định rõ ràng và được kiểm tra, đánh giá hàng năm để tuyển chọn được NH có được năng lực phù hợp với ngành nghề đào tạo. Quá trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được tuân thủ theo đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Trường qua các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 và 2024 [H8.08.02.01], [H8.08.02.02], [H8.08.02.03]. Hiện nay, Trường thực hiện tuyển sinh theo 4 phương thức như sau: xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024 theo các tổ hợp môn xét tuyển từng ngành học; xét tuyển học bạ THPT các năm; xét tuyển thí sinh theo kết quả

điểm bài thi đánh giá năng lực ĐH QG TPHCM, xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh ĐH của Bộ GD&ĐT và xét học bạ lớp 10, lớp 11 và HK 1 lớp 12. Trong mỗi phương thức sẽ xét theo các tiêu chí cụ thể được quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm **[H8.08.02.01]**.

Theo quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành năm 2024 thì:

i. Đối tượng tuyển sinh: Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (theo quy định của Luật Giáo dục). Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước.

ii. Phương thức tuyển sinh theo 4 phương thức cụ thể:

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và xét tuyển những thí sinh từ các trường Dự bị ĐH dân tộc.

Phương thức 2: Xét tuyển căn cứ vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 ngành KHMT được xét dựa trên điểm tổ hợp. Điểm xét tuyển được tính từ tổng điểm thi 3 môn tốt nghiệp THPT theo tổ hợp các môn xét tuyển cộng điểm ưu tiên (nếu có).

Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả học bạ THPT.

Phương thức 4: Xét tuyển căn cứ vào kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH QG được thực hiện từ năm 2022 đến nay.

Hàng năm, Trường thành lập HĐTS và Ban Thư ký để giám sát chặt chẽ hoạt động tuyển sinh nhằm đảm bảo tính khách quan, minh bạch và đúng các tiêu chí tuyển sinh của Bộ GD&ĐT **[H8.08.02.04]**, **[H8.08.02.05]**. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xây dựng đảm bảo phù hợp quy định hiện hành của Bộ và sự thống nhất của lãnh đạo các Phòng, Ban liên quan **[H8.08.02.06]**.

Sau mỗi đợt tuyển sinh, HĐTS Trường có những buổi họp để phân tích đánh giá kết quả tuyển sinh, đánh giá kết quả thực hiện công tác tuyển sinh, kết quả trúng tuyển và nhập học, những thuận lợi, khó khăn, phân tích nguyên nhân và hạn chế, đề ra phương hướng từ đó đề ra các giải pháp tuyển sinh tốt hơn trong các năm tiếp theo **[H8.08.02.07]**, **[H8.08.02.08]**.

Trong báo cáo có thống kê, phân tích số liệu tuyển sinh và nhập học, đối sánh kết quả so với chỉ tiêu đã xác định. Số liệu trúng tuyển, nhập học các ngành đào tạo được công bố, theo đó, số lượng, tỷ lệ nhập học của ngành KHMT theo từng năm 7 SV/25 chỉ tiêu, đạt 28% (năm 2019), 3 SV/40 chỉ tiêu, đạt 5% (năm 2020), 8 SV/40 chỉ tiêu, đạt 20% (năm 2021), 19 SV/40 chỉ tiêu, đạt 47,5% (năm 2022), 20 SV/40 chỉ tiêu, đạt 50% (2023). Bên cạnh đó, Trường đã tổ chức lấy ý kiến các BLQ để làm cơ sở điều chỉnh các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được phù hợp hơn, công bằng và dân chủ **[H8.08.02.08]**, **[H8.08.02.09]**.

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Chỉ tiêu	25	40	40	40	40
Số trúng tuyển	8	4	8	21	22
Số nhập học	7	3	8	19	20

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Trường xây dựng và ban hành đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn NH rõ ràng.

Hàng năm, Trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn NH và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh.

Kết quả tuyển sinh của Trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Trường.

3. Điểm tồn tại

Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành vẫn chưa cao như các trường ĐH danh tiếng trên địa bàn.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường.	Khoa CNTT Phòng TT-TS	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa cải tiến các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn NH và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh.	Khoa CNTT Phòng TT-TS HĐTS	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Tân Tạo có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập của NH để nâng cao chất lượng NH và hỗ trợ NH kịp thời. Hệ thống giám sát gồm các hội đồng xét tốt nghiệp, hội đồng xét học vụ, đội ngũ CVHT,

đội ngũ GV giảng dạy, ban cán sự lớp và một số phòng ban liên quan theo quy định chức năng, nhiệm vụ của Trường [H8.08.03.01].

Bảng 8.3.1. Hệ thống giám sát học tập, rèn luyện của người học

TT	Hệ thống	Nội dung giám sát	
		Khối lượng học tập và kết quả	Sự tiến bộ trong rèn luyện và kết quả rèn luyện
1	Hội đồng xét TN	Xét công nhận tốt nghiệp cho NH	Xét tốt nghiệp cho NH
2	Hội đồng xét học vụ	Xét NH học lực bình thường, học lực yếu, cảnh báo học tập, lưu ban, buộc thôi học	Xét học lực của NH qua từng học kỳ
3	Phòng QLĐT	<ol style="list-style-type: none"> Xây dựng kế hoạch năm học Tổng hợp kết quả học tập của học kỳ, năm học Duyệt danh sách NH dự thi hết học phần, học lại Tổng hợp số tín chỉ tích lũy và còn nợ Tổng hợp danh sách NHTN đúng hạn và chậm TN 	Chấp hành quy định, nề nếp học tập của NH
4	Phòng CTSV-HTDN	<ol style="list-style-type: none"> Quản lý NH bị kỷ luật Lập danh sách NH đạt học bổng và duyệt học bổng cho NH 	1. Duyệt điểm rèn luyện và giờ hoạt động cho NH
5	Phòng QLKH&HTQT	Các hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế của NH	
6	Phòng KT&BDCL	<ol style="list-style-type: none"> Lập danh sách NH bị đình chỉ, cảnh cáo, khiển trách trong kỳ thi kết thúc HP. Tổ chức kỳ thi kết thúc HP lý thuyết; tổ chức chấm thi, giám sát quá trình chấm thi HP lý thuyết; tổ chức chấm thi phúc khảo. 	
7	Khoa CNTT	1. Phối hợp phòng QLĐT xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa và theo năm học	Xây dựng kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu học phần.

TT	Hệ thống	Nội dung giám sát	
		Khối lượng học tập và kết quả	Sự tiến bộ trong rèn luyện và kết quả rèn luyện
		2. Tổ chức kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần thực hành; Duyệt bảng điểm thi, kiểm tra 3. Tổng hợp kết quả học tập của NH từng kỳ, năm học, khóa học. 4. Theo dõi NH chậm TN 5. Tổ chức các hoạt động chuyên khoa cho NH.	
8	CVHT	1. Tư vấn cho NH đăng ký tín chỉ 2. Theo dõi kết quả học tập của NH từng kỳ, năm học, khóa học: tiến độ học tập (nợ môn, cảnh báo học tập, bảo lưu, thôi học), xếp loại học tập.	1. Giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; tuyên truyền chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy của Trường. 2. Đánh giá kết quả rèn luyện từng kỳ cho NH; Hỗ trợ Phòng CTSV-HTDN đánh giá kết quả rèn luyện từng kỳ cho NH. 3. Hỗ trợ rà soát, lập danh sách học bổng cho lớp, thi đua cho NH. 4. Tuyên truyền, vận động NH tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động học tập.
9	GV giảng dạy HP	Điểm học phần	1. Điểm chuyên cần 2. Điểm kiểm tra thành phần
10	Ban cán sự lớp	Thái độ, tình thần học tập và rèn luyện của các thành viên trong lớp	Đôn đốc NH trong lớp chấp hành nghiêm nội quy, quy chế về học tập và rèn luyện.

Trường chú trọng việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện để đảm bảo và cải tiến chất lượng học tập và thái độ của NH. Hệ thống giám sát học tập và rèn luyện của Trường được cụ thể hóa thông qua các quy định, kế hoạch đào tạo, phần mềm quản lý đào

tạo, các hội đồng chuyên trách, và hoạt động của CVHT và Ban cán sự lớp.

Về khối lượng học tập, các học phần được trình bày rõ trong các phiên bản CTĐT, ĐCCT tương ứng với các năm 2019, 2021 và 2022 [H8.08.03.02]. Từ năm 2011 đến nay, Trường ĐHTT đã thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho NH ngành Khoa học máy tính [H8.08.03.03].

Trường xây dựng phần mềm Quản lý đào tạo, được bảo trì và nâng cấp để bổ sung và hoàn thiện các chức năng. Cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, số NH đang theo học, bảo lưu, thôi học, tốt nghiệp được lưu giữ trên phần mềm QLĐT và có thể trích xuất dễ dàng giúp hỗ trợ giám sát khối lượng học tập, kết quả học tập và kết quả rèn luyện của NH. Các dữ liệu về kết quả học tập và rèn luyện của NH được phân quyền đến Khoa và cập nhật thường xuyên từ đó giúp kịp thời đánh giá cũng như hỗ trợ NH tiến bộ hơn trong học tập cũng như hoạt động rèn luyện [H8.08.03.04].

Hàng năm, Trường ban hành kế hoạch đào tạo bao gồm cụ thể thời gian biểu cho các khóa đào tạo đang học tại trường [H8.08.03.05]. Trên cơ sở đó, Khoa kết hợp cùng Phòng QLĐT triển khai công tác dạy - học theo đúng kế hoạch đào tạo qua hệ thống quản lý đào tạo và hằng kỳ [H8.08.03.06].

Trường ban hành quy định xử lý những trường hợp NH thuộc diện cảnh báo học vụ và thông báo cho NH từng học kỳ, nhằm kịp thời giúp NH kết quả học tập kém có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa của CTĐT. Cụ thể, Trường thực hiện xét học vụ dựa trên kết quả học tập của NH để nắm bắt được tiến độ học tập của NH. Từ đó CVHT kịp thời nhắc nhở NH có kết quả học tập và rèn luyện yếu kém qua các buổi trao đổi trực tiếp, trực tuyến [H8.08.03.07], [H8.08.03.08].

Bảng 8.3.2. Số lượng, tỷ lệ người học ngành Khoa học máy tính thuộc diện xử lý học vụ

STT	Năm học	Tổng số NH	Số lượng NH thuộc diện xử lý học vụ	Tỷ lệ
1	2021 - 2022	20	1	5%
2	2022 - 2023	39	1	3%
3	2023 - 2024	49	0	0%

Theo số liệu thống kê, tỷ lệ NH ngành Khoa học máy tính thuộc diện xử lý học vụ ở mức thấp và giảm qua các năm, có thể thấy rằng hệ thống giám sát kết quả học tập của người học đang được triển khai có hiệu quả.

Đối với việc đánh giá rèn luyện của NH, Trường cũng ban hành quy định về đánh giá rèn luyện giúp NH phát triển toàn diện hơn. Hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào của NH được Phòng CTSV-HTDN theo dõi và đánh giá. Phòng CTSV-HTDN kết hợp cùng CVHT, Khoa giám sát và kịp thời nhắc nhở những NH không hoặc ít tham gia các hoạt động phong trào tích cực tham gia hơn để phát triển kỹ năng mềm cũng như đạt được

yêu cầu về kỹ năng mềm và điểm rèn luyện theo quy định của Trường. Kết quả rèn luyện của NH Khoa CNTT cũng được tiến hành họp xét vào cuối mỗi kỳ học. NH được đánh giá về: ý thức, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống theo các mức: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu, kém **[H8.08.03.09]**. Kết quả phân loại rèn luyện từng học kỳ của NH là một trong những tiêu chuẩn làm cơ sở để xét học tiếp, ngừng học và cấp học bổng khuyến khích học tập. Ngoài ra, Trường có nhiều chính sách học bổng hấp dẫn dành cho NH làm động lực khuyến khích người học phát huy tiềm năng của mình, có ý thức tự giác và tinh thần học tập, rèn luyện không ngừng để cải thiện bản thân đúng với Triết lý giáo dục của Trường **[H8.08.03.10]**.

Việc giám sát và hỗ trợ trực tiếp cho NH được phân công cho đội ngũ CVHT cũng như các giáo vụ bộ môn. Đội ngũ CVHT được phân công phụ trách cho các lớp từ đầu năm học thứ nhất và theo sát NH trong cả khóa học. CVHT là đội ngũ trực tiếp đảm nhận công việc quản lý, tư vấn và hỗ trợ NH phát huy tối đa khả năng học tập, NCKH và định hướng nghề nghiệp; giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH **[H8.08.03.11]**.

Bên cạnh đó, Trường và Khoa tổ chức các buổi đối thoại NH để lấy ý kiến của NH về sự phù hợp của chương trình học tập, quá trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập, các hoạt động rèn luyện, các hệ thống giám sát học tập, các chính sách hỗ trợ NH từ đó làm cơ sở đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện để có những điều chỉnh kịp thời và phù hợp hơn **[H8.08.03.12]**.

2. Điểm mạnh

Trường ban hành văn bản quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH và triển khai thực hiện.

Các phòng/ban liên quan đã có sự kết hợp chặt chẽ với đội ngũ CVHT để theo dõi tình hình học tập và rèn luyện của NH từ đó có sự hỗ trợ để cải tiến kết quả học tập và rèn luyện của NH; Đội ngũ CVHT được phân công nhiệm vụ rõ ràng, thực hiện tốt nhiệm vụ là bộ phận đóng vai trò chính trong việc kết nối giữa NH với Khoa và Trường.

Trường có phần mềm quản lý giáo dục để theo dõi kết quả học tập và rèn luyện của NH.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo chưa hoàn thiện và cần cập nhật. Ví dụ: chưa chỉ ra được những NH thuộc diện cảnh báo học vụ, chưa phân loại được kết quả học tập của NH theo từng học phần, chưa thể hiện rõ tiến độ học tập và những học phần còn nợ của NH.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường phối hợp với Ban IT để hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo. Bổ sung các chức năng quản lý còn thiếu, tạo điều kiện cho các bộ phận chức năng có công cụ quản lý, giám sát NH hiệu quả hơn.	Khoa CNTT Ban IT Phòng QLĐT	Từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa cải tiến văn bản của Trường quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH; đồng thời nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục để quản lý hiệu quả hơn quá trình học tập và rèn luyện của NH.	Khoa CNTT CBGV Khoa CNTT Ban Giám hiệu Các Phòng/ Ban	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có các bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH:

(i) Về trách nhiệm tư vấn học tập, các phòng ban như Phòng Đào tạo, Phòng CTSV-HTDN được phân công quản lý việc học tập và rèn luyện của NH trong toàn trường. Khoa trực tiếp quản lý NH thông qua hoạt động của CVHT [**H8.08.04.01**].

(ii) Về hoạt động ngoại khóa, thi đua, Lãnh đạo Khoa, đội ngũ GV phối hợp với Phòng CTSV-HTDN để tổ chức và triển khai các hoạt động ngoại khóa cho NH [**H8.08.04.02**].

(iii) Về các dịch vụ hỗ trợ khác cho NH, Trường phân công bộ phận thư viện hỗ trợ NH trong việc tra cứu và tìm hiểu các tài liệu học tập cần thiết. Qua đó, NH có thể chủ động học tập và tự tích lũy các kiến thức để cải thiện quá trình học tập của mình [**H8.08.04.03**]. Trường có bộ phận chịu trách nhiệm vận việc làm cho NH là phòng CTSV-HTDN đảm trách hoạt động liên kết với các doanh nghiệp để hỗ trợ giới thiệu việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp; phối hợp phòng QLĐT đảm nhiệm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, khảo sát đánh giá và báo cáo kết quả về quan hệ doanh nghiệp: hợp tác đào tạo với doanh nghiệp, giới thiệu NH thực hành, thực tập, kiến tập; khảo sát và báo cáo nhu cầu tìm

việc và tình hình việc làm của NH được giới thiệu việc làm; đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng của NH thực hành, thực tập; Đánh giá của NTD về chất lượng của NH tốt nghiệp **[H8.08.04.04]**. Phòng CTSV-HTDN quản lý vận hành cổng thông tin việc làm, tư vấn giới thiệu việc làm, giới thiệu NH đến thực tập tại doanh nghiệp và quản lý danh sách NH thực tập; kết nối các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động cộng đồng, gắn kết NH với doanh nghiệp như: tham quan công ty, doanh nghiệp, ngày hội việc làm, phỏng vấn tuyển dụng nhân lực, huấn luyện kỹ năng hội nhập việc làm, qua đó xây dựng thương hiệu Trường đến doanh nghiệp và cộng đồng **[H8.08.04.05]**, **[H8.08.04.06]**.

Hằng năm, Khoa có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH theo các quy định chung của Trường **[H8.08.04.07]**. Trong đó, đội ngũ CVHT giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đội ngũ CVHT là GV cơ hữu của Khoa thực sự là cầu nối hiệu quả giữa Trường và Khoa trong giám sát việc học tập của NH, đồng thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng, ưu, nhược điểm của NH để định hướng NH tham gia những hoạt động phù hợp của Trường, Khoa, tạo nên tập thể lớp đoàn kết, năng động và cùng tiến bộ. Để thực hiện thống nhất trong toàn trường, hàng tháng, Trường đã ban hành Nội dung sinh hoạt CVHT bao gồm các chủ điểm quan trọng, các lưu ý về hoạt động học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các hoạt động khác do các phòng ban chức năng cung cấp như: Phòng Đào tạo, Phòng CTSV-HTDN, Ban Y tế... làm cơ sở cho CVHT sinh hoạt với NH. Khoa tổ chức buổi lễ chào đón tân SV vào đầu khoá học để tư vấn, định hướng cho NH và tạo động lực cho NH hòa nhập với môi trường mới. NH được hướng dẫn phương pháp học ĐH hiệu quả phù hợp với ngành KHMT **[H8.08.04.08]**, **[H8.08.04.09]**.

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa có kế hoạch và triển khai hoạt động tham quan, kiến tập dành cho NH nhằm cung cấp cho NH những hiểu biết về tổ chức, hoạt động, CSVC và tiêu chí tuyển dụng của các cơ quan, nhà máy, công ty. Khoa phối hợp với các đơn vị chức năng có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH. Nhằm thực hiện định hướng ứng dụng - thực hành của Trường, Khoa tiến hành hoạt động liên kết với các cơ quan, tổ chức hành nghề ...trên địa bàn thành phố và các tỉnh để tạo điều kiện cho NH thực tập, tiếp xúc thực tế, nâng cao các kỹ năng sau khi tốt nghiệp ra trường. **[H8.08.04.10]**, **[H8.08.04.11]**.

Trường và Khoa xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học của NH gồm: Các CLB trực thuộc khoa, Ban cán sự lớp là “cánh tay nối dài” kết nối thông tin giữa Trường, Khoa với NH. Thành lập các CLB ngoại khóa với với những hoạt động sôi nổi để thu hút sự tham gia của NH. Khoa chú trọng triển khai các hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua theo chủ đề từng tháng nhằm tạo sân chơi và rèn luyện cho NH, thu hút sự tham gia nhiệt tình và tích cực của NH ngành. Trên cơ sở tổng kết các hoạt động này, Trường có chính sách hỗ

trợ và khen thưởng, tặng giấy khen cho CVHT, Ban chủ nhiệm các CLB, Ban Cán sự lớp hoàn thành tốt nhiệm vụ và được công khai rộng rãi trên các trang thông tin của Trường, Khoa, các đơn vị liên quan [H8.08.04.12], [H8.08.04.13], [H8.08.04.14], [H8.08.04.15], [H8.08.04.16].

Trong giai đoạn đánh giá, NH tốt nghiệp ngành có việc làm ngay khi tốt nghiệp từ 70% trở lên. Khi được NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm đều đánh giá sự hài lòng từ mức 4,0 trở lên (thang đánh giá 5 mức độ). Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của SV năm cuối ngành có giá trị từ 3,68 đến 3,9 (thang đánh giá 5 mức độ) (Theo báo cáo kết quả khảo sát tháng 01/2020 của Trường). Theo kết quả khảo sát mới nhất của Trường, 77% cựu NH được hỏi hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, giám sát NH và chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm (Báo cáo kết quả khảo sát tháng 03/2023); 75,1% NH đang học hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, giám sát NH và chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm (Báo cáo kết quả khảo sát tháng 11/2022) cho thấy các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm của NH hàng năm của Khoa đã có hiệu quả nhất định, đồng thời là cơ sở để Khoa xem xét những điều chỉnh phù hợp để nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm trong năm học tới [H8.08.04.17].

Hàng năm, đại diện các phòng ban và đại diện Khoa thường xuyên gặp gỡ ban cán sự các lớp để nắm bắt thông tin và hỗ trợ. Khoa và Phòng CTSV-HTDN phối hợp các buổi đối thoại giữa Lãnh đạo Khoa, BGH với NH toàn Khoa. Từ các ý kiến trong các Hội nghị này, Khoa, Trường sẽ xem xét, đề ra các giải pháp cải tiến phù hợp [H8.08.04.18].

2. Điểm mạnh

Trường thành lập đơn vị chuyên trách và giao trách nhiệm cụ thể về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH. Trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTSV-HTDN, các Khoa chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm cho NH.

Hàng năm, Trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH.

Khoa có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho NH. Kết quả sát ý kiến của SV, CNH cho thấy trên 75% số NH, cựu NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Trường.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo NH tham gia.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Phòng CTSV-HTDN phối hợp các Khoa, các CLB đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thu hút đông đảo NH tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của NH.	Khoa CNTT Phòng CTSV – HTDN	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tăng cường nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho NH.	Khoa CNTT Phòng CTSV – HTDN CVHT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa CNTT luôn cố gắng tạo ra môi trường học thuật lành mạnh, xây dựng tinh thần đoàn kết nhất trí trong tập thể cán bộ, GV, tạo tâm lý sẵn sàng vì nhiệm vụ chung của tập thể, đặt NH là trung tâm. Trong giảng dạy và học tập, các GV, CVHT của Khoa luôn tạo mối quan hệ gần gũi và chia sẻ với NH, sẵn sàng ủng hộ, giúp đỡ NH trong học tập và cuộc sống, trao cho NH quyền chủ động, tích cực, sáng tạo trong mọi hoạt động. Khoa chủ trương xây dựng khối đoàn kết vững mạnh trong tập thể NH: cùng tham gia hoạt động chung, chia sẻ kinh nghiệm trong học tập và cuộc sống.

Trường có tổng diện tích đất: 103 ha nằm trong Quần thể Khu công nghiệp - Dân cư - Dịch vụ Tân Đức, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bao gồm khối hành chính với diện tích 3.495 m², diện tích sàn là 19.209,75 m², khu Trung tâm dịch vụ - thương mại- giải trí -bệnh viện chiếm 582.894m² [**H8.08.05.01**]. Khối hành chính của Trường được xây dựng bao gồm: phòng làm việc của tất cả các phòng ban và khoa, bộ môn; khu giảng đường, thư viện, hội trường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành vi tính; khu giáo dục thể chất thuận tiện cho nhu cầu học tập, sinh hoạt của NH [**H8.08.05.02**].

Ký túc xá Trường có tổng diện tích sử dụng các phòng là 40.584m², đủ chỗ ở cho hơn 2000 sinh viên. Ký túc xá của Trường đã đáp ứng toàn bộ nhu cầu của NH Khoa CNTT nói riêng và NH toàn trường nói chung. Trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo

không gian thoáng mát cho NH **[H8.08.05.03]**. Công tác chăm sóc cây xanh, công tác vệ sinh được Trường quan tâm để đảm bảo môi trường tốt nhất cho đào tạo, rèn luyện. Phòng TCHC được giao nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo vệ sinh cho NH **[H8.08.05.04]**.

Để đảm bảo an ninh trường học, Trường xây dựng các quy định, nội quy, quy tắc ứng xử tại Trường **[H8.08.05.05]**. Đội ngũ nhân viên thuộc Tổ bảo vệ chuyên nghiệp trực 24/24 đảm bảo trật tự, an ninh. Có phương án PCCC và thiết bị PCCC được trang bị ở các tòa nhà đã được Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu hộ, cứu nạn thẩm duyệt và kiểm tra định kì **[H8.08.05.06]**.

Các vấn đề y tế và dịch tễ được đảm bảo; Trường có phòng y tế riêng tại KTX có nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho NH và Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo trong khuôn viên của trường đáp ứng nhu cầu thăm khám, điều trị cho NH. Ngoài ra, phòng Y tế được bố trí tại trường có đội ngũ y bác sĩ được phân công nhiệm vụ làm việc trong giờ hành chính **[H8.08.05.07]**, trang bị đầy đủ thuốc và dụng cụ theo quy định **[H8.08.05.08]**.

Đối với nhu cầu ăn uống, Nhà ăn được bố trí tại Trường phục vụ trong giờ hành chính đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh của Bộ Y tế và có giấy chứng nhận ATVSTP của Chi cục ATVSTP tỉnh Long An **[H8.08.05.09]**.

Nhu cầu về thể chất luôn được Trường và Khoa chú trọng, sân bóng đá, khu phức hợp thể thao (sân golf, hồ bơi), thư viện giúp NH rèn luyện thể chất và tinh thần **[H8.08.05.03]**. Ngoài các hoạt động vào các dịp lễ hội được tổ chức như: Ngày hội truyền thống Sinh viên - Học sinh “Up’s Day”, Tháng thanh niên “Màu xanh tuổi trẻ”..., NH còn tham gia các cuộc thi như: Thiết kế đồng phục Khoa, Giao lưu bóng đá, Giao lưu văn nghệ và tham gia các hoạt động tình nguyện như: Giáng sinh yêu thương, Mùa hè tình nguyện. Các CLB như CLB tiếng Anh, CLB Âm nhạc, CLB Thanh niên xung kích, CLB Thể thao, CLB Nghiên cứu khoa học, CLB Ủy ban sức khỏe - SWEC, CLB Doctor Plus với nhiều hoạt động khác nhau tạo môi trường và sân chơi bổ ích giúp NH rèn luyện và phát triển bản thân **[H8.08.05.10]**, **[H8.08.05.11]**.

Ngay từ khi nhập học, Trường tổ chức hoạt động giới thiệu về Trường, Khoa, ngành KHMT giúp NH giải đáp các thắc mắc về Trường, ngành KHMT như: quá trình phát triển của Khoa, loại hình đào tạo, nhân lực hiện có, cơ hội phát triển nghề nghiệp, vị trí việc làm giúp NH hiểu rõ về ngành học. Trong quá trình giảng dạy và học tập, các GV, CVHT của Khoa luôn tạo mối quan hệ gần gũi và sẵn sàng chia sẻ với NH, ủng hộ, động viên và giúp đỡ NH trong học tập và cuộc sống, khơi gợi cho NH quyền chủ động, sáng tạo, tích cực trong mọi hoạt động.

Nhờ thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ, các tiêu chí khảo sát ý kiến NH trong từng năm học về mức độ hài lòng của NH đối với các dịch vụ hỗ trợ đều đạt mức tốt. Qua các đợt khảo sát, sinh viên đóng góp ý kiến mong muốn Nhà trường bổ sung thêm các tiện ích

sinh hoạt như: nâng cấp dịch vụ nhà xe, máy bán hàng tự động và phòng Nghệ thuật Khai phóng. Nhà trường đã tiếp nhận các ý kiến đóng góp từ sinh viên thông qua khảo sát và đã thực hiện bổ sung các tiện ích để phục vụ sinh viên trong thời gian học tập tại trường [H8.08.05.12].

2. Điểm mạnh

Trong môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp của Nhà trường, của Khoa, NH thuộc ngành KHMT được phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần, phát huy tính chủ động trong học tập và nghiên cứu khoa học.

Trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

Ban giám hiệu Trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho NH.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động CLB của Nhà trường được duy trì tổ chức hằng năm nhưng vẫn chưa thu hút được đông đảo SV tham gia.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các hoạt động của CLB đến với NH. Xây dựng kế hoạch hoạt động của các CLB, tạo cho NH có môi trường tâm lý, thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái trong học tập.	Khoa CNTT Các đơn vị liên quan	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nắm bắt được tâm lý NH để kịp thời chia sẻ, động viên; duy trì đội ngũ NV, bảo vệ và lực lượng PCCC tại chỗ của đơn vị; tăng cường các biện pháp y tế chăm sóc sức khỏe,... để giữ vững môi trường giảng dạy, học tập, nghiên cứu và sinh hoạt văn minh, lành mạnh và an toàn để các BLQ phát huy năng lực làm việc.	Khoa CNTT Phòng CTSV-HTDN Phòng QL CSVC-TB	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Những điểm mạnh nổi bật:

Trường và Khoa xây dựng đề án tuyển sinh, điều chỉnh và cập nhật các chính sách tuyển sinh, phương thức tuyển sinh đúng với quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, đồng thời phù hợp với thực tiễn. Trường đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh hằng năm để thực hiện Đề án. Tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, được rà soát, cải tiến và được công bố rộng rãi, công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng hàng năm. Trường thực hiện chính sách học bổng cho NH để thu hút NH vào Trường. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ được Trường phân nhiệm cụ thể, rõ ràng tới từng đơn vị và cá nhân. Trường đã ban hành hệ thống văn bản, quy trình, sử dụng phần mềm QLĐT để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH. Trường đã phân công các đơn vị, cá nhân hỗ trợ SV trong học tập và rèn luyện, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác ... để giúp cải thiện việc học tập của NH. Nhiều hoạt động tình nguyện, CLB, hỗ trợ NH thực tập và tìm kiếm việc làm được tổ chức. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ NH tốt nghiệp có việc làm khá cao và NH, CNH hài lòng về lòng về chất lượng hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Trường. Cảnh quan môi trường sạch sẽ, an toàn, tạo thuận lợi cho NH, CB, GV và các đối tượng bên ngoài trường đến liên hệ công tác. Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của CBCNV, CNH, NH về môi trường, cảnh quan, an ninh trật tự của Trường, mức độ hài lòng của CBCNV, NH, CNH đạt trên 70%.

Những tồn tại cơ bản:

Trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường. Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành vẫn chưa cao như các trường ĐH danh tiếng trên địa bàn. Bên cạnh, một số CVHT chưa được tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ. Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo NH tham gia. Không gian sinh hoạt chung, sân thể thao còn hạn chế so với nhu cầu của GV, NH.

Trường chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn, chưa có chính sách rõ ràng trong việc thu hút học sinh giỏi. Trường chưa chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số NH thôi học và chất lượng NH năm nhất để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 8:

Có 3/5 tiêu chí đạt điểm 4,00, có 2/5 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,40 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHTT là đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Tân Tạo được đầu tư mạnh mẽ về CSVC bao gồm hệ thống Thư viện, hệ thống trang thiết bị thí nghiệm, thực hành. Hệ thống CSVC này đã đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH.

Hệ thống các phòng học được bố trí hợp lý, được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập. SV có nơi tự học ở trường, được sử dụng mạng internet không dây. Hệ thống Thư viện và Thư viện điện tử đáp ứng nhu cầu tra cứu và sử dụng trong giảng dạy, học tập và NCKH của GV và NH trong toàn trường. Giáo trình, tài liệu tham khảo trong, ngoài nước được cập nhật thường xuyên.

Các phòng thí nghiệm, cơ sở thực tập các phần mềm mô phỏng cần thiết phục vụ giảng dạy thực nghiệm cho NH và các CSVC cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo cũng được Trường chú trọng đầu tư.

Bên cạnh công tác khai thác sử dụng, đầu tư, nâng cấp CSVC và trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH, Trường cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc, học tập cho CBNV, GV và SV. Đảm bảo không gian giảng dạy và học tập thoáng mát, sạch sẽ với cảnh quan sư phạm theo tiêu chí xanh- sạch- đẹp kết hợp xây dựng môi trường văn hóa, văn minh, thanh lịch trong Trường.

Với những điều kiện thuận lợi đó, cùng với sự quan tâm của Trường, Khoa CNTT đã được cung cấp đầy đủ CSVC, hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm, hệ thống tài liệu khoa học và trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo, giảng dạy, NCKH của ngành KHMT.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2013, Trường được Bộ GD&ĐT ra quyết định về việc giao cho Trường ĐHTT đào tạo ngành KHMT trình độ ĐH hệ chính quy.

Trường ĐHTT tọa lạc tại Đại lộ ĐHTT, Tân Đức E. City, H. Đức Hòa, Tỉnh Long An. Hiện tại Trường có 02 tòa nhà đang hoạt động là tòa nhà Gillis (05 tầng) và tòa nhà Levy (04 tầng).

Trường có tổng diện tích đất: 103,6848 ha [H9.09.01.01], [H9.09.01.02].

Diện tích sàn xây dựng của tòa nhà Gillis: 19.609 m²

Diện tích sàn xây dựng của tòa nhà Levy là: 16.924 m²

Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo trên 01 NH: 19,85 m²/sv

Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường tính trên 01NH chính quy.

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, Giảng đường, Phòng học các loại, Phòng đa năng, Phòng làm việc của GS, PGS, GVCH	48	5170,7
1.1	Hội trường, Phòng học lớn trên 200 chỗ	03	1079
1.2	Phòng học từ 50-100	12	1389,9
1.3	Phòng học dưới 50 chỗ	25	1884,3
1.4	Phòng học đa phương tiện	01	92,5
1.5	Phòng làm việc của GS, PGS, GVCH	07	725
2	Thư viện, Trung tâm học liệu	01	800
3	Trung tâm nghiên cứu, PTN, Thực nghiệm, CS thực hành, thực tập, luyện tập	14	1924
Tổng cộng		63	7894,7

Các phòng học lý thuyết, thực hành, phòng làm việc của GV đều được lắp đặt đầy đủ thiết bị đáp ứng nhu cầu học tập, làm việc của SV, GV.

Hiện tại Khoa CNTT đang hoạt động tại tòa nhà Levy, bao gồm:

- 01 văn phòng Khoa, diện tích: 43 m²
- 01 phòng họp chung, diện tích: 17 m²/ phòng
- 01 văn phòng Trưởng Khoa, diện tích: 16 m² [H9.09.01.03], [H9.09.01.04]

Tất cả các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như nội thất văn phòng, hệ thống chiếu sáng, điều hòa, máy vi tính, máy in, mạng internet, wifi [H9.09.01.05].

Để quản lý hiệu suất sử dụng CSVC, trang thiết bị, trường giao nhiệm vụ cho phòng QL CSVC - TB thực hiện mảng hoạt động này. Các trang thiết bị trong những phòng học, giảng đường đều được quản lý thông qua sổ nhật ký sử dụng và trang thiết bị kèm theo [H9.09.01.06], [H9.09.01.07], [H9.09.01.08]. Với việc đầu tư, quản lý CSVC, trang thiết bị, với những điều kiện trên, trường đảm bảo đủ số lượng phòng học lý thuyết và thực hành, không phải thuê cơ sở bên ngoài để phục vụ đào tạo và NCKH.

Hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống kỹ thuật (điện, nước, điều hòa không khí,...), hệ thống đèn chiếu sáng và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và làm việc được Trường trang bị đảm bảo theo quy định, đảm bảo đáp ứng yêu cầu các hoạt động quản lý điều hành, đào tạo, NCKH của Trường [H9.09.01.09], [H9.09.01.10].

Ngoài việc định kỳ thực hiện việc kiểm kê tài sản, lập kế hoạch ngân sách hàng năm cho việc sửa chữa, bảo trì, duy tu CSVC chung cho toàn Trường, P.QLCSVC-TB còn tiếp nhận các đề xuất từ các đơn vị Phòng, Ban, Khoa để thực hiện công tác mua sắm, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu trong quá trình làm việc của CBNV và

học tập của NH. Ví dụ như: mua sắm nội thất, trang thiết bị mới, sửa chữa đồ dùng trang thiết bị hư hỏng kịp thời, bảo trì hệ thống điều hòa không khí và các hệ thống kỹ thuật khác của tòa nhà [H9.09.01.11], [H9.09.01.12], [H9.09.01.13].

Trong giai đoạn 2019 - 2024, trường đã xây dựng kế hoạch và khảo sát lấy ý kiến các BLQ về mức độ đáp ứng của CSVC-TB, phòng Thí nghiệm-Thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ [H9.09.01.14].

Trong giai đoạn từ năm 2019 - 2024, Trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến, sửa chữa, bổ sung kịp thời, hiệu quả về CSVC, trang thiết bị và các dịch vụ hỗ trợ cho hệ thống các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng của Trường, Khoa [H9.09.01.15], [H9.09.01.13].

2. Điểm mạnh

Hệ thống các phòng làm việc, phòng học được xây dựng khang trang sạch đẹp, theo các tiêu chuẩn mới, hiện đại đáp ứng đủ CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học.

3. Điểm tồn tại

Việc đầu tư mua sắm, cập nhật công nghệ tiên tiến phục vụ cho ngành còn hạn chế do chi phí đầu tư lớn.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch cải tiến CSVC và đầu tư mua sắm TTB tiên tiến (kế hoạch trung và dài hạn)	Khoa CNTT Phòng QL CSVC-TB	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Bảo dưỡng định kỳ, thay thế một số TTB tại các phòng học và phòng thực hành để bảo đảm hoạt động tốt đáp ứng nhu cầu Khoa.	Khoa CNTT Phòng QL CSVC-TB	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu lấy NH làm trung tâm, ngay từ những ngày đầu mới đào tạo Trường đã rất chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển Thư viện. Ban Thư viện Trường ĐHTT được bố trí tại tầng 5 tòa nhà hành chính, tổng diện tích 800m² gồm 2 khu phòng đọc, 4 phòng

học nhóm, 02 phòng lưu trữ xử lý sách, 01 khu truy cập internet ... nhằm cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của NH **[H9.09.02.01]**.

Ban Thư viện có chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức và hoạt động, nội quy Thư viện được quy định rõ ràng, các thông tin được niêm yết công khai tại bảng thông báo và đăng tải trên website chính thức của Thư viện: <http://lib.ttu.edu.vn/> **[H9.09.02.02]**, **[H9.09.02.03]**, **[H9.09.02.04]**.

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động như bàn, ghế, tủ, kệ, máy in, máy scan, hệ thống máy tính, máy tra cứu kết nối internet, wifi... được sắp xếp hợp lý để phục vụ CB Ban Thư viện làm việc và NH dễ dàng truy cập thông tin **[H9.09.02.05]**.

Nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ tài liệu phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của GV, NH toàn trường, tính đến tháng 8/2024, Thư viện có 16,235 bản sách in **[H9.09.02.06]**, 16 nhan đề báo, tạp chí **[H9.09.02.07]**, trung bình mỗi NH có thể sử dụng 32 cuốn sách cho nhu cầu học tập, nghiên cứu và giải trí. Đa số các sách của Thư viện được bổ sung từ các nhà xuất bản lớn trên thế giới (McGraw-Hill, Springer, Oxford, Cengage...) và nhận tặng từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước (Quỹ Châu Á, ông Gillis, bà Đặng Thị Hoàng Yến, ông Trần Dương...) **[H9.09.02.08]**.

Bên cạnh kho tài liệu truyền thống, giai đoạn năm 2019-2024, Thư viện trường đã ký kết quyền truy cập CSDL đa ngành lớn là Proquest **[H9.09.02.09]**, tính đến tháng 08/2024, tổng số tài liệu điện tử được truy cập được trên CSDL Proquest là 26,018 nhan đề tạp chí khoa học điện tử, sách điện tử, luận văn, luận án, video... thuộc các chuyên ngành đào tạo của trường **[H9.09.02.10]**. Ngoài ra, tài khoản bạn đọc Vista có thể truy cập các CSDL như Tài liệu Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, CSDL sách số hóa của Thư viện KH&CN quốc gia, ScienceDirect, IEEE Xplore Digital Library, Springer Nature, CSDL SAGE Premier Journal Collection... **[H9.09.02.11]**.

Ban Thư viện đã xây dựng được kho Thư viện số với 3312 tài liệu (tính đến tháng 8/2024) mục đích lưu trữ giáo trình, bài giảng, đề thi đáp án của các môn học lưu trữ theo các khoa của trường... để làm tài liệu tham khảo nội bộ cho GV và lưu giữ các bài viết về lịch sử thành lập trường, truy cập tại website: <http://dspace.ttu.edu.vn/> **[H9.09.02.12]**.

Về sách, tài liệu chuyên môn phục vụ hoạt động của chương trình đào tạo ngành KHMT, có 4033 tài liệu bản cứng (tính đến tháng 8/2024) **[H9.09.02.13]**; tài liệu tham khảo điện tử về ngành KHMT trên CSDL Proquest là 3075 tài liệu **[H9.09.02.14]**.

Ban Thư viện áp dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý tài liệu bằng phần mềm Koha có đầy đủ các phân hệ biên mục, lưu thông, thống kê, bạn đọc... tra cứu trực tiếp qua mạng Internet thông qua website: <https://khadmin.ttu.edu.vn/> **[H9.09.02.15]**. Qua đó, hệ thống góp phần giải quyết nhanh chóng công tác nghiệp vụ của Thư viện và giúp NH biết

được vị trí tài liệu ở kho trong Thư viện. Việc quản lý và thống kê hàng năm về lượng độc giả sử dụng Thư viện, số lượng tài liệu được sử dụng theo từng chuyên ngành, số lượng tài liệu bổ sung hàng năm đều được thực hiện trên phần mềm này, Ban Thư viện gửi thông báo cách sử dụng phần mềm quản lý thư viện Koha đến CBNV, GV, NH vào đầu các học kì [H9.09.02.16], [H9.09.02.17], [H9.09.02.18].

Để quản lý tốt nguồn tài liệu và hỗ trợ NH tìm kiếm tài liệu nhanh chóng, Ban Thư viện đã ban hành hướng dẫn cụ thể về cách khai thác, sử dụng tài liệu điện tử, tra cứu mục lục trực tuyến OPAC [H9.09.02.19] và trang bị hệ thống máy tính có nối mạng, lắp đặt wifi để tạo điều kiện thuận lợi cho NH sử dụng các loại hình tài liệu này. Đồng thời, thủ thư trực tiếp hướng dẫn NH cách tra cứu, tìm kiếm tài liệu tại quầy phục vụ, phòng truy cập Internet có đầy đủ hướng dẫn cách tìm kiếm, khai thác tài liệu Thư viện của Trường. Hằng năm, vào đầu năm học, Ban Thư viện trực tiếp tổ chức các buổi giới thiệu và hướng dẫn SV cách tra cứu, sử dụng Thư viện trong tuần lễ định hướng của trường, đồng thời gửi thông báo đến NH, GV, CBNV... tài khoản truy cập, sử dụng CSDL Proquest và tài khoản bạn đọc Vista [H9.09.02.20], [H9.09.02.21].

Đội ngũ nhân viên của Ban Thư viện đều có trình độ cử nhân, thuộc chuyên ngành Thư viện - thông tin học và khoa học máy tính, được phân công nhiệm vụ với từng vị trí công việc [H9.09.02.22]. Đội ngũ thường xuyên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ của CB Ban Thư viện.

Việc bổ sung tài liệu được thực hiện theo quy trình bổ sung của Ban Thư viện [H9.09.02.23]. Ban Thư viện cũng đã phối hợp với các khoa thực hiện việc rà soát danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo trong ĐCCT HP để bổ sung cũng như cập nhật mới các tựa sách phù hợp với công tác hướng dẫn, giảng dạy và nghiên cứu của các khoa [H9.09.02.24]. Ban Thư viện xây dựng kế hoạch bổ sung tài liệu và trang thiết bị căn cứ vào nhu cầu của NH, đề nghị từ các khoa/bộ môn và định hướng phát triển của trường để đề xuất trang thiết bị phù hợp với kế hoạch của Ban Thư viện các năm tới [H9.09.02.25], [H9.09.02.26].

Để hoạt động ngày càng hiệu quả, bên cạnh việc tổ chức các lớp hướng dẫn sử dụng Thư viện và tra cứu các CSDL cho NH vào đầu năm học, mỗi năm học, Ban Thư viện còn tổ chức các chương trình, cuộc thi cuốn sách của tôi, các buổi trưng bày sách... với những chủ đề học thuật khác nhau để NH tham gia học hỏi và tích lũy thêm nhiều kiến thức bổ ích đưa các nguồn tài liệu gần hơn với người đọc [H9.09.02.27].

Ban Thư viện thực hiện khảo sát thu thập ý kiến của NH về nhu cầu sử dụng sách báo, tài liệu, về chất lượng phục vụ,... theo kế hoạch khảo sát hàng năm [H9.09.02.28] và phân tích, báo cáo kết quả khảo sát [H9.09.02.29]. Ngoài ra, Ban Thư viện thu nhận ý kiến đóng góp phản hồi của NH thông qua hộp thư điện tử: info.library@ttu.edu.vn và sổ góp ý đặt tại Thư viện [H9.09.02.30]. Từ đó, Ban Thư viện bổ sung tài liệu phù hợp hơn cũng

như điều chỉnh phương thức và thái độ phục vụ theo tiêu chí hướng đến người dùng [H9.09.02.31].

Đội ngũ nhân viên thư viện thường xuyên tham gia các chương trình tập huấn nghiệp vụ, các hội thảo do Hội liên hợp Thư viện Việt Nam, trung tâm thư viện của các trường ĐH tổ chức để nâng cao kỹ năng nghiệp vụ của CB thư viện và học hỏi kinh nghiệm từ các thư viện thành viên [H9.09.02.32].

Cuối năm, Ban Thư viện thực hiện báo cáo tổng kết năm học và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cho năm học mới theo định hướng phát triển của Trường và Ban Thư viện [H9.09.02.33].

2. Điểm mạnh

Thư viện Trường được quan tâm đầu tư nguồn học liệu phù hợp, trang thiết bị hiện đại và được cập nhật để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu;

Với loại hình tài liệu in và tài liệu điện tử đa dạng nên số lượng NH đến với Thư viện ngày càng đông, đáp ứng kịp với sự phát triển các chuyên ngành đào tạo của trường, khoa và nhu cầu của NH;

Xây dựng bộ sưu tập tài liệu giảng dạy và học tập số thuộc các chuyên ngành đào tạo của trường.

3. Điểm tồn tại

Việc kết nối, chia sẻ các nguồn lực thông tin, đặt biệt là nguồn tài nguyên điện tử với các thư viện trong nước và ngoài nước còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tham gia các buổi hội thảo và khóa học về ứng dụng CNTT mới trong lĩnh vực Thư viện, từ đó tạo điều kiện kết nối và chia sẻ các nguồn lực thông tin với các Thư viện và nhà xuất bản trong và ngoài nước.	Ban Thư viện Khoa CNTT	Từ năm học 2024- 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu. Ứng dụng CNTT trong quản lý Thư viện, giúp NH khai thác hiệu quả nguồn tài liệu. Tổ chức nhiều buổi giới thiệu và tập huấn về cách sử dụng các CSDL cho NH; thông báo rộng rãi đến GV các khoa, bộ môn các dữ liệu mới được cập nhật.	Ban Thư viện	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường hiện có 03 phòng thí nghiệm về Vật lý và 02 phòng thực hành Máy tính (Cơ bản và Nâng cao) với các TTB phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu của ngành học và các TTB cần thiết cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của GV, NH thuộc các ngành đào tạo của Trường trong đó có ngành KHMT. Năm 2022, Trường đã đầu tư hệ thống máy trạm, GPU cấu hình cao để đáp ứng nhu cầu thực hành các HP về mô hình học sâu, xử lý và phân tích các dữ liệu lớn,... của NH ngành KHMT. Đặc biệt, trong năm 2023 ngoài phòng thực hành máy tính Cơ bản, Trường tiếp tục đầu tư và trang bị một phòng thực hành máy tính Nâng cao với 30 máy tính cấu hình cao và các phần mềm bản quyền để phục vụ HP Khai phóng và HP ngành KHMT của Khoa CNTT [H9.09.03.01]. Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu [H9.09.03.02], [H9.09.03.03], [H9.09.03.04]. Các phòng thí nghiệm Vật lý cũng được Trường chú trọng đầu tư TTB hiện đại để đáp ứng nhu cầu giảng dạy các HP Vật lý từ cơ bản đến nâng cao (Máy tạo sóng, máy biến áp, bộ đếm thời gian,..) [H9.09.03.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường hiện có 165 máy tính, 13 máy chiếu, 41 tivi thông minh đảm bảo hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các Khoa đào tạo CTĐT nói chung và Khoa CNTT nói riêng. Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành của Nhà trường được bố trí phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và NH. Khoa CNTT cũng được Trường giao trọng trách thực hiện các công việc giảng dạy, đào tạo và hoạt động NCKH [H9.09.03.01]. Để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, hàng năm Trường luôn có kế hoạch sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị. Đồng thời Trường cũng có kế hoạch bổ sung, mua mới dụng cụ, máy móc, thiết bị hàng năm dựa trên dự trù và đề xuất của các Khoa.

Trong phòng thí nghiệm, thực hành đều có tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thí nghiệm, thực hành rõ ràng, chính xác, dễ thực hiện. Cụ thể, Trường ban hành nội quy riêng của phòng thí nghiệm, thực hành trực thuộc Khoa CNTT [H9.09.03.05], [H9.09.03.06]. Để theo dõi tình hình giảng dạy cũng như việc sử dụng, thực trạng trang thiết bị, phòng QL CSVC-TB và Ban IT sử dụng Sổ nhật ký theo dõi tình trạng trang thiết bị và tình hình giảng dạy tại các phòng. Do đó, sau mỗi buổi học hoặc sau khi sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành đều phải ghi sổ nhật ký sử dụng [H9.09.03.07]. Phòng QL CSVC-TB, Ban IT và Khoa CNTT đều có CB phụ trách phòng, thiết bị riêng. Để đảm bảo quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả trang thiết bị phòng thí nghiệm, phòng thực hành ngành KHMT, trên cơ sở đề xuất của Khoa CNTT, Trường phân công các GV khoa kiêm nhiệm trợ lý phụ trách phòng thí nghiệm, phòng thực hành và giao nhiệm vụ theo dõi,

quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị [H9.09.03.08].

Để đánh giá mức độ đáp ứng về hoạt động giảng dạy thí nghiệm, thực hành hằng năm Trường có tổ chức đối thoại NH để tiếp nhận góp ý [H9.09.03.09]. Để kịp thời cập nhật và sửa chữa các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị, Khoa tiến hành phát phiếu khảo sát ý kiến của NH về phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị ở mỗi cuối HK [H9.09.03.10]. Đây là cơ sở để Khoa điều chỉnh và định hướng đầu tư các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị trong các HK tiếp theo. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, phòng QL CSVC-TB có trách nhiệm xây dựng CSDL theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, phòng thí nghiệm, và thiết bị đối với từng loại hình đào tạo, NCKH và PVCĐ [H9.09.03.01]. Để đánh giá sự hài lòng của CB, GV, NH về CSVC và trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2019 - 2024, Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ. Theo kết quả khảo sát cho thấy sự hài lòng của GV, NH về CSVC và phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ (Báo cáo kết quả khảo sát qua các năm) [H9.09.03.10].

Định kỳ hằng năm thông qua kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá về CSVC và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ, phòng QL CSVC-TB phối hợp các phòng, khoa, trung tâm tham mưu BGH và đề xuất Trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ của Trường, điều này được thể hiện trong kế hoạch năm học.

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành. Phòng thí nghiệm, thực hành của Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị.

3. Điểm tồn tại

Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các TTB hiện đại còn chậm so với tiến độ. Nhiều ý kiến phản hồi của NH về CSVC chưa được kịp thời cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường bổ sung TTB hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KHMT. Phối hợp với các phòng chức năng tiến hành báo cáo phân tích chi tiết khảo sát hiệu quả sử dụng PTN, thực hành theo công năng và hạng mục sử dụng. Đồng thời tăng cường theo dõi tình trạng sử dụng, nghiên cứu nhu cầu sử dụng PTN, thực hành và TTB để có những bổ sung, cải tiến kịp thời.	Khoa CNTT Phòng QL CSVC-TB Phòng TCKT Phòng KT- BDCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tăng cường kinh phí đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ PTN, thực hành và TTB phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT cho ngành đào tạo.	Khoa CNTT Phòng QL CSVC-TB Phòng TCKT Thư viện	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Ngay sau khi thành lập trường, năm 2010, Trường xây dựng hạ tầng CNTT và truyền thông phục vụ cho đào tạo của Trường, trong đó có đầu tư mua sắm hệ thống phần mềm quản lý giáo dục, máy chủ, thiết bị kết nối mạng,... và giao cho Ban CNTT là đơn vị chuyên trách phụ trách về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT để khai thác và vận hành máy chủ, hạ tầng mạng, các phần mềm quản lý giáo dục, các trang thông tin điện tử, trang hành chính điện tử, hệ thống Email và xây dựng kế hoạch, bảo trì, kiểm soát, nâng cấp các thiết bị CNTT (Quyết định số 196/QĐ.TTU.12 ngày 31/12/2012) [**H9.09.04.01**].

Hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường đã đầu tư phòng máy chủ với hệ thống máy chủ sử dụng công nghệ ảo hoá và HA (High Availability) với 05 servers Dell, cùng hệ thống lưu trữ SAN, đảm bảo cung cấp VPS server cho các nhu cầu nghiên cứu, học tập và quản lý. Kết nối mạng LAN được đảm bảo qua thiết bị chuyên dụng của các hãng Cisco, Aruba, và đường truyền nội bộ được xây

dựng với hệ thống trục chính cáp quang. Trường đã thuê 5 đường truyền Internet tốc độ cao FTTH của VNPT mỗi đường truyền có băng thông dung lượng 500Mbps, đảm bảo kết nối ổn định ra Internet. Tất cả giảng đường đều được trang bị máy chiếu, hệ thống ổ điện để cắm sạc Laptop tại chỗ ngồi và internet wifi. Trường có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến với 2 phòng họp và 1 phòng học trực tuyến, tạo điều kiện cho GV và NH tham gia trao đổi và học tập từ xa với các GV từ Mỹ, và các nước trên thế giới [H9.09.04.02].

Ngoài hệ thống website của Trường, Khoa CNTT đã xây dựng website riêng: [<https://sit.ttu.edu.vn/>] với các nội dung và hình ảnh, thường xuyên cập nhật những thông tin cần thiết phục vụ công tác đào tạo, quản lý NH của khoa, NCKH. Được giao cho thư ký Khoa CNTT kết hợp với phòng TT-TT và Ban IT cùng phụ trách quản lý. Ngoài ra, Khoa sử dụng email [sit@ttu.edu.vn] để liên hệ với NH, GV và trang mạng xã hội facebook [<https://www.facebook.com/sit.ttu.edu.vn>] để cập nhật thông tin cần thiết, hữu ích cho NH. Trường đã phát triển và đưa vào hoạt động các phần mềm tuyển sinh trực tuyến, phần mềm quản lý đào tạo, LMS, phần mềm quản lý thư viện KoHA, kho lưu trữ số DSPACE, cổng thông tin NH, cổng thông tin nội bộ, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các đối tượng sử dụng. Thực hiện Thông tư 42/2021/TT-BGDĐT về CSDL giáo dục và đào tạo, Trường đã thực hiện công tác chuyển đổi số, nâng cấp hệ thống giảng dạy học tập trực tuyến LMS dùng mã nguồn Moodle tại courses.ttu.edu.vn. Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động học tập trực tuyến, NH được sử dụng máy tính có kết nối internet và tích hợp phần mềm CNTT đáp ứng tốt nhu cầu tra cứu thông tin và tham gia các kỳ thi online. Năm 2021, Khoa triển khai đào tạo E-Learning dựa trên LMS này cho các HP trong giai đoạn dịch bệnh, đến nay vẫn tiếp tục được duy trì [H9.09.04.03].

Hàng năm, để chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm trang thiết bị, Phòng QL CSVC-TB căn cứ các đề xuất nhu cầu về trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ để tổng hợp và dự kiến nhu cầu thực tiễn về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Ban CNTT tham mưu BGH duyệt kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập và triển khai thực hiện. Trường luôn dành kinh phí cho hoạt động trang bị, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng gồm máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ban CNTT tham mưu BGH ban hành văn bản quy định về việc sử dụng CNTT, trong đó có quy định rõ về cơ chế bảo mật và quyền truy cập. Trường thông báo Quy định về việc sử dụng CNTT đến các đơn vị để phổ biến CB, GV, NV, NH thực hiện. Trường cấp địa chỉ email công vụ cho tất cả CB, GV, NV, NH và yêu cầu sử dụng trong quá trình trao đổi công việc nhằm đảm bảo tính bảo mật của thông tin. Ban CNTT thường xuyên sao lưu dữ liệu, đồng thời các máy chủ của

Trường có cơ chế sao lưu dữ liệu tự động theo định kỳ lên cloud Google Drive [H9.09.04.04].

Đối với hệ thống mạng, Trường đầu tư mới hệ thống mạng LAN và wifi sử dụng cho toàn Trường, đồng thời nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT hằng năm. Vào đầu mỗi năm học, Ban CNTT lập và triển khai kế hoạch duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị CNTT cho các đơn vị trực thuộc Trường để đảm bảo các trang thiết bị luôn sẵn sàng phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Đồng thời tiến hành các thủ tục bảo trì, nâng cấp phần mềm quản lý nhằm đảm bảo hệ thống phần mềm hoạt động chính xác đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH [H9.09.04.05], [H9.09.04.06].

Kết thúc năm tài chính, phòng QL CSVC-TB phối hợp với ban CNTT tiến hành triển khai kiểm kê số lượng trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT như máy chủ, hạ tầng mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập hạ tầng CNTT và truyền thông của Trường. Bên cạnh đó, phòng QL CSVC-TB phối hợp các đơn vị triển khai sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị CNTT của Trường và trên cơ sở đó, hằng năm Phòng QL CSVC-TB thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ của Trường. Bên cạnh đó, phòng TCKT đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm của Trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ của Trường.

Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2019 - 2024, ý kiến của GV, NH hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ. Ngoài ra, ý kiến của GV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và ý kiến của NH tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với NH hằng năm thể hiện sự hài lòng của hệ thống CNTT của Trường đối với hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.07].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường thành lập Ban CNTT và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hằng năm, Trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng

của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ.

Ý kiến của GV, NH hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp NH chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. Ngoài ra, do Trường có diện tích mặt bằng rộng, số lượng NH chưa nhiều và vẫn còn có diện tích chưa sử dụng nên trường chưa phủ kín hết wifi tại các khu vực này.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH / HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024-2025, Trường, Khoa, CVHT tăng cường hướng dẫn để NH hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. Thường xuyên nâng cấp hệ thống CNTT, nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền giúp cho việc tìm kiếm thông tin và phục vụ hoạt động dạy và học hiệu quả hơn. Tăng cường sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ để phục vụ cho việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống CNTT bên trong.	Khoa Phòng QL CSVC-TB Phòng TCKT Ban CNTT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	Khoa Phòng QL CSVC-TB Phòng TCKT Ban CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Tân Tạo là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Trường luôn quan tâm tới các vấn đề môi trường, sức khỏe, an toàn để tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn cho người lao động và NH **[H9.09.05.01]**.

Trường Đại học Tân Tạo tọa lạc trên khuôn viên rộng lớn và phủ xanh với cảnh quan sạch đẹp, môi trường thiên nhiên thân thiện với CSVC, trang thiết bị hiện đại góp phần không nhỏ vào chất lượng đào tạo. Trường có tổng diện tích đất khoảng 103,6848 ha, hoàn thành xây dựng cơ bản giai đoạn 1 với diện tích 43,73 ha, gồm các công trình như 02 tòa nhà phục vụ hoạt động hành chính và giảng dạy, 01 khu nhà màng (vườn) phục vụ cho NCKH, thực hành, 01 tòa nhà tổ chức sự kiện, 01 nhà thi đấu thể thao (sân tennis), hồ bơi **[H9.09.05.02]**.

Để có một môi trường giáo dục tốt đẹp, Trường đã xây dựng kế hoạch nhằm mục đích phổ biến các quy định của Chính phủ về môi trường giáo dục, an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường và các quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan về môi trường, sức khỏe và trật tự an toàn xã hội. Các quy định về môi trường giáo dục được vận dụng trong quá trình tổ chức các hoạt động bố trí trang thiết bị, tổ chức các dịch vụ ăn uống, tổ chức các hoạt động giảng dạy, đào tạo... **[H9.09.05.03]**, **[H9.09.05.04]**.

Trường hoạt động trên một không gian mở, khuôn viên rộng lớn với nhiều cây xanh. Trường ĐHTT là một đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Tân Tạo nên Trường được Tập đoàn hỗ trợ cung cấp các dịch vụ như: An ninh trực 24/24 giờ, Tạt vụn vệ sinh, Chăm sóc cảnh quan cây xanh. Phòng QL CSVC-TB phối hợp với Phòng TCHC tổ chức kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, cảnh quan để đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp **[H9.09.05.05]**.

Bên cạnh đó, để có một môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, Trường đã xây dựng bổ sung thêm một số kế hoạch chuyên đề như: Kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự, Kế hoạch ứng phó phòng chống thiên tai, Kế hoạch phòng cháy, chữa cháy **[H9.09.05.06]**, **[H9.09.05.07]**, **[H9.09.05.08]**.

Trong giai đoạn năm 2019 - 2021, khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, Trường đã thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch và ban hành các văn bản liên quan đến việc phòng chống dịch bệnh theo đúng chủ trương, chính sách của Nhà nước, đúng quy định của pháp luật **[H9.09.05.09]**.

Về công tác PCCC, các công trình xây dựng của Trường đều được Phòng CS PCCC Công an tỉnh Long An thẩm duyệt về thiết kế, Phương án PCCC&CNCH. **[H9.09.05.10]**, **[H9.09.05.11]**. Định kỳ hàng năm, Trường được Phòng CS PCCC Công an tỉnh Long An kiểm tra **[H9.09.05.12]**. Dưới sự hướng dẫn của Phòng CS PCCC Công an tỉnh Long An, Trường đã tổ chức tập huấn, diễn tập công tác PCCC cho CBNV và được cấp Giấy chứng nhận **[H9.09.05.13]**, **[H9.09.05.14]**.

Định kỳ hàng năm, Trường đã phối hợp với Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo - đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Tân Tạo, tổ chức thực hiện khám sức khỏe cho NH và CBNV với mức giá ưu đãi [H9.09.05.15], [H9.09.05.16], [H9.09.05.17].

Hiện tại, Trường chưa tiếp nhận đối tượng NH là người khuyết tật nhưng Trường đã có đầu tư về CSVC, trang thiết bị tối thiểu cho nhu cầu của người khuyết tật như lối đi, thang máy, nhà vệ sinh có không gian đủ rộng, có các công cụ hỗ trợ như tay vịn và các vật dụng vừa với tầm với của người khuyết tật [H9.09.05.18].

Hàng năm, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến NH về mức độ đáp ứng về đảm bảo an ninh trật tự, đảm bảo vệ sinh, đảm bảo cảnh quan môi trường. Kết quả khảo sát về các vấn đề này, cho thấy đều đạt tỉ lệ khá tốt [H9.09.05.19].

Như vậy, Trường đã làm tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, cảnh quan môi trường cho CBNV và NH.

2. Điểm mạnh

Công tác vệ sinh môi trường, bảo đảm sức khỏe và an toàn cho CB và NH được thực hiện tốt.

Cảnh quan, môi trường của Trường đảm bảo xanh - sạch - đẹp, tạo không gian sinh hoạt, học tập tốt nhất cho NH.

Khoa CNTT luôn quan tâm đến tình hình sức khỏe, hoàn cảnh gia đình của NH, đặc biệt đối với các NH có hoàn cảnh khó khăn cần hỗ trợ về vật chất lẫn tinh thần.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại, Trường chưa tiếp nhận đối tượng NH là người khuyết tật nên các chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật còn hạn chế và chưa được quan tâm sâu sát.

Một số ĐCCT của CTĐT, tài liệu tham khảo của ngành KHMT còn hạn chế, trong khi việc hợp tác với các thư viện khác để bổ sung nguồn tài liệu này chưa được thực hiện một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, việc đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập các môn chuyên ngành cũng chưa được thực hiện một cách chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách và kế hoạch quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật như việc bố trí phòng học hoặc xây dựng lối đi riêng cho người khuyết tật.	Phòng QL CSVC-TB Khoa CNTT	Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì các công tác bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn sức khỏe trong Trường; Đồng hành và phát huy hơn nữa các hoạt động hỗ trợ thường xuyên, kịp thời với SV, đặc biệt là SV có hoàn cảnh khó khăn.	Phòng QL CSVC-TB	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Những điểm mạnh nổi bật:

Các phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng có đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH của Trường. Các trang thiết bị và hệ thống CNTT đều được định kỳ duy tu, bảo dưỡng theo quy định. Thư viện được bố trí ở khu vực riêng, không gian thoáng, được trang bị công cụ tra cứu, có nội quy và hướng dẫn sử dụng rõ ràng. Nguồn tài liệu đa dạng và phong phú hỗ trợ rất lớn cho hoạt động học tập và NCKH cho NH.

Trường có ban hành quy định và triển khai thực hiện tốt các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, các quy định, nội quy về an ninh, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ. Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn. Khoa CNTT luôn đồng hành cùng NH, đặc biệt quan tâm đến những em gặp khó khăn về kinh tế, sẵn sàng hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần để các em yên tâm học tập.

Những tồn tại cơ bản

Giáo trình/tài liệu trong một số ĐCCT của CTĐT ngành KHMT có số bản còn ít. Việc hợp tác với Thư viện các trường ĐH trong và ngoài nước chưa thể hiện. Việc đánh giá tính hiệu quả sử dụng các trang thiết bị trong giảng dạy và học tập các môn chuyên ngành chưa chi tiết.

Vẫn còn trường hợp NH chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. Cơ sở vật chất của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của NH khuyết tật.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 9:

Có 4/5 tiêu chí đạt 5,00 điểm, 1/5 tiêu chí đạt 4,00 điểm. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,80 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Để xây dựng và xứng đáng là cơ sở đào tạo cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên toàn thế giới, Trường ĐHTT nói chung và Khoa CNTT nói riêng đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Để đảm bảo NH ngành KHMT đạt được CDR và năng lực nghề nghiệp, Trường, Khoa CNTT đã thực hiện hoạt động thu thập ý kiến phản hồi và nhu cầu của các BLQ, từ đó phân tích thông tin để thiết kế và phát triển CTDH; thường xuyên rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các BLQ.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ (gồm các chuyên gia, nhà quản lý, GV, NH, NTD, HB KH&ĐT cấp Khoa, Trường). Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, Phòng KT-BĐCL được xác định là đầu mối chịu trách nhiệm chính đối với việc tổ chức thực hiện hoạt động thu thập ý kiến của các BLQ, Phòng QLĐT là đơn vị tham mưu BGH xây dựng hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực đào tạo để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và trình Hiệu trưởng ban hành các CTĐT và các học phần của Trường. Căn cứ các văn bản quy định về đào tạo trình độ ĐH, Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục ĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH, ThS, TS, Trường ban hành Quy định xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT, ĐCCT HP, Quy định khảo sát và các biểu mẫu khảo sát nhằm thu thập ý kiến của các BLQ trong quá trình thiết kế, cập nhật CTĐT [H10.10.01.01].

Bảng 10.1.1. Bảng thống kê nhu cầu của các BLQ trong chu kỳ đánh giá

BLQ	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
Chuyên gia	Tập huấn các phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH	Tổ chức hoặc đăng ký tham dự các buổi tập huấn của chuyên gia	Bảng phân công nhân sự tổ soạn thảo CTĐT và ĐCCT các HP ngành KHMT
Nhà tuyển dụng	- Xác định các năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với	Tổ chức khảo sát lấy ý kiến NTD	Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá của NTD về năng lực của NH tốt

BLQ	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
	<p>yêu cầu của thị trường lao động</p> <p>- Đánh giá mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ</p>		<p>ngành chuyên ngành KHMT và những yêu cầu của họ đối với lao động</p>
Giảng viên	<p>- Thiết kế CDR của CTDH, HP.</p> <p>- Thiết kế ĐCCT, PPGD, kiểm tra, đánh giá HP.</p>	<p>- Tổ chức họp nhóm thiết kế CTDH, họp bộ môn.</p> <p>- Tổ chức khảo sát lấy ý kiến GV</p>	<p>- CDR của CTĐT</p> <p>- CDR của HP</p> <p>- Các PPGD, kiểm tra – đánh giá HP</p> <p>- ĐCCT HP</p> <p>- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của GV về CTDH ngành KHMT</p>
Người học	<p>- SV phản hồi về nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, PPGD của các HP trong CTDH;</p> <p>- NH đã tốt nghiệp phản hồi về CTDH ngành KHMT</p>	<p>Tổ chức khảo sát lấy ý kiến NH về PPDH, KTĐG.</p>	<p>- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của NH về PPGD, KTĐG trong CTDH ngành KHMT</p> <p>- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của cựu NH về CTDH ngành KHMT</p>
Các trường ĐH khác	<p>Mục tiêu đào tạo, CDR, Cấu trúc CTDH ngành KHMT có liên quan</p>	<p>Đối sánh giữa các nội dung trong CTDH ngành KHMT của Trường với CTDH ngành này của Trường khác</p>	<p>Bảng đối sánh giữa CTDH ngành KHMT của Khoa CNTT</p>
Hội đồng Khoa học cấp Khoa	<p>Thống nhất CDR của CTDH, khung CTĐT dự kiến, CTDH, ĐCCT các HP ngành KHMT</p>	<p>Tổ chức họp HĐ KH Khoa thông qua CTDH ngành KHMT</p>	<p>Dự thảo toàn bộ CTDH ngành KHMT</p>

BLQ	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
Trường	Sự phù hợp của CDR ngành KHMT với Chiến lược phát triển của Trường	Họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan	Phê duyệt và ban hành CTDH ngành KHMT mới

(Nguồn: Phòng QLĐT, 09/2024)

Bảng 10.1.1 cho thấy việc thu thập thông tin phản hồi của các BLQ được thực hiện theo một quy trình có tính hệ thống. Trường đã xây dựng công cụ khảo sát trực tuyến my.ttu (dành cho SV) và Intranet.ttu (dành cho GV, NV) nhằm hỗ trợ hoạt động khảo sát diễn ra một cách nhanh chóng, chính xác và cho ra kết quả đáng tin cậy hơn. Các hoạt động khảo sát được cụ thể hóa như sau:

(i) *Đối với các chuyên gia:* Trường đã tổ chức các buổi tập huấn về phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH. Khoa tham gia đầy đủ các buổi tập huấn này. Dựa trên thông tin thu thập được từ các buổi tập huấn, Khoa đưa ra các quyết định thiết kế CTDH, đồng thời phân công nhân sự tổ chức thực hiện soạn thảo, điều chỉnh CTDH và ĐCCT ngành KHMT.

(ii) *Đối với nhà tuyển dụng:* Trường đã ban hành quy định và kế hoạch khảo sát các BLQ, trong đó có khảo sát NTD. Căn cứ vào các quy định và kế hoạch này, Trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của NTD về năng lực và tố chất cần thiết của NH tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Dựa trên dữ liệu khảo sát của Trường, Khoa thực hiện phân tích và viết báo cáo đánh giá về năng lực và mức độ đáp ứng của NH tốt nghiệp ngành KHMT về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ trong hành nghề để thiết kế, hiệu chỉnh CTDH ngành KHMT phù hợp hơn.

(iii) *Đối với giảng viên:* Khoa tổ chức họp nhóm GV tham gia thiết kế CTDH ngành KHMT nhằm xây dựng cơ sở thiết kế CDR của CTDH ngành này, thiết kế ĐCCT, PPGD, phương pháp KTĐG các HP thuộc ngành KHMT. Ngoài ra, Trường còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến GV về môi trường làm việc bao gồm các nội dung khảo sát về CTĐT, CTDH và chuyên thông tin, dữ liệu về Khoa phân tích và ứng dụng vào việc rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh CTDH.

(iv) *Đối với người học:* Phòng QLĐT là đơn vị chủ trì công tác lấy ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc mỗi HK để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng các hoạt động giảng dạy định kỳ. Đồng thời vào cuối mỗi năm, Trường tiến hành khảo sát, thu nhận ý kiến, đánh giá của NH cuối khóa về chất lượng đào tạo. Ngoài ra, Phòng CTSV-HTDN tiến hành khảo sát tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp, từ đó có cơ sở điều chỉnh CTDH nhằm đảm bảo tính hội nhập, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của NH. Dữ liệu, thông tin thu thập được chuyển về Khoa để xử lý, phân tích và ứng dụng vào việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTDH ngành KHMT. Qua những

thông tin này, Khoa CNTT có cái nhìn toàn diện hơn về chất lượng NH sau khi ra trường, từ đó phát huy những ưu thế về CĐR ngoại ngữ, chất lượng của đội ngũ GV,... Bên cạnh đó, Khoa cũng có cơ sở để đánh giá lại quá trình đào tạo, cải tiến điều chỉnh CTDH sao cho phù hợp nhằm trang bị cho NH những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết trước khi tốt nghiệp.

(v) *Đối với các trường đại học khác*: Trường có thực hiện đối sánh các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế khi xây dựng và điều chỉnh CTDH. Khoa đã thực hiện đối sánh giữa các nội dung trong CTDH về MTĐT, CĐR, cấu trúc CTDH ngành KHMT có liên quan và kết quả đối sánh này được tham khảo để thiết kế, điều chỉnh CTDH ngành KHMT phù hợp hơn.

(vi) *Đối với HĐ KH&ĐT cấp Khoa*: Khoa có tổ chức họp HĐ KH&ĐT của Khoa để thảo luận thống nhất CĐR của CTDH, khung CTDH dự kiến, ĐCCT các HP ngành KHMT. Từ đó, Trường và Khoa đã xây dựng được dự thảo toàn bộ về CTDH và ĐCCT HP ngành KHMT.

(vii) *Đối với Trường*: Trường đã tổ chức họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan, thảo luận sự phù hợp của CĐR với Chiến lược phát triển của Trường. Dựa trên kết luận từ các cuộc họp của BGH và lãnh đạo các đơn vị về CĐR và ý kiến các BLQ có được qua khảo sát, Khoa cập nhật, điều chỉnh CTDH của ngành KHMT và ĐCCT các HP thuộc ngành này và trình BGH Trường phê duyệt và ban hành.

Dựa trên các quy định, biểu mẫu đã ban hành về khảo sát các BLQ, Trường tiến hành khảo sát định kỳ hằng năm thông qua các hình thức thu thập thông tin như: lấy ý kiến trực tiếp thông qua hội nghị, hội thảo, các cuộc họp, phiếu khảo sát, qua hình thức phỏng vấn,... và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ vào việc rà soát, cập nhật và phát triển CTDH ngành KHMT [H10.10.01.02].

Trong giai đoạn 2019 - 2024, Trường tổ chức tập huấn cho GV cách thức thiết kế CTDH [H10.10.01.03]. Trong quá trình thiết kế CTDH, Khoa có tham khảo CTDH các CSGD trong và ngoài nước [H10.10.01.04], đồng thời sử dụng, tham khảo ý kiến của các BLQ, đặc biệt là của cựu NH [H10.10.01.02 (5)] và các kênh thông tin dự báo nhu cầu của thị trường lao động về ngành KHMT trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành KHMT [H10.10.01.05]. Chương trình đào tạo ngành KHMT được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo năm 2011 theo Quyết định số 784/QĐ-BGDĐT ngày 25/02/2011 [H10.10.01.06] và các phiên bản điều chỉnh CTĐT được HĐ KH&ĐT Trường thông qua và trình Hiệu trưởng ban hành [H10.10.01.07].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành, cập nhật Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, trong đó có yêu cầu các Khoa sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ.

Kết quả khảo sát ý kiến các BLQ về CTDH ngành KHMT và thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực được Khoa tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KHMT.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các nhà tuyển dụng tham gia lấy ý kiến để cải tiến CTĐT còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH /HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2025 - 2026, phòng KT-BĐCL phối hợp Khoa triển khai đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các BLQ, đặc biệt là các NTD nhằm nâng cao số lượng các NTD trả lời khảo sát.	Khoa CNTT Phòng KT-BĐCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tiếp tục rà soát, cải tiến quy định về khảo sát các BLQ, các phiếu khảo sát và triển khai khảo sát ý kiến các BLQ, trong đó có khảo sát về CTDH các ngành đào tạo.	Khoa CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng QLĐT là đơn vị tham mưu BGH để phối hợp các Khoa rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường. Xác định được tầm quan trọng của việc thiết kế, nâng cao CTDH trong công tác nâng cao chất lượng đào tạo, năm 2015, Trường đã ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, cập nhật CTĐT trong đó thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.02.01 (1)]. Đến năm 2021, Phòng QLĐT tổ chức họp với các đơn vị để rà soát Quy định xây dựng, thẩm định, cập nhật CTĐT của Trường, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị để chỉnh sửa và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định xây dựng, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCTHP [H10.10.02.01 (2)].

Bên cạnh hoạt động thiết kế CTDH, Khoa cũng tổ chức rà soát lại các ĐCCTHP, từ đó đánh giá, xem xét sự cần thiết cập nhật lại CTDH dựa trên nhu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động và tình hình kinh tế, xã hội. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH, Trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy kiến phản hồi của các BLQ [H10.10.02.02]. Theo đó, Khoa đã họp để thống nhất nội dung mục tiêu, CĐR, CTĐT,

ĐCCT HP ngành KHMT. Sau khi rà soát, CTĐT được thông qua bởi HĐ KH&ĐT của Trường, có sự tham dự của các GV có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, quản lý [H10.10.02.03], [H10.10.02.04].

Kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ về CTDH được các Khoa tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH. Các khảo sát NH trước tốt nghiệp hằng năm của Trường với những tiêu chí như “Chương trình đào tạo tin chỉ đã tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập được linh hoạt và chủ động”, “Tỷ lệ phân bố hợp lý giữa lý thuyết và thực hành trong các môn học và có sự tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra”, “Chương trình đào tạo thúc đẩy việc học phương pháp học tập và học tập suốt đời” đã phần nhận được sự nhất trí cao [H10.10.02.05]. Khi tiến hành rà soát, cập nhật CTDH ngành KHMT, Khoa CNTT đã tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, tiếp thu ý kiến của các BLQ khi điều chỉnh CTDH [H10.10.02.06].

2. Điểm mạnh

Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường thể hiện quy trình các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, CTDH.

Trường triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT, ĐCCT HP, trong đó có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDDH và điều chỉnh cấu trúc của CDR theo đúng Khung trình độ QG Việt Nam.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp về quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn chưa có sự tham gia của GV thỉnh giảng.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa CNTT tổ chức lấy ý kiến GV thỉnh giảng về quy trình thiết kế và phát triển CTDH cho các đợt rà soát hàng năm, bắt đầu từ năm học 2024-2025.	Khoa CNTT Phòng QLĐT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa rà soát điều chỉnh CTDH tất cả ngành đào tạo, trong đó có ngành KHMT.	Khoa CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá KQHT không chỉ là căn cứ xem xét mức độ đạt được CDR của SV mà còn là cơ sở để điều chỉnh CTĐT, thay đổi PPDH, phương pháp KTĐG của GV. Vì vậy, để BDCL đào tạo, Trường ĐHTT đã ban hành, áp dụng hệ thống các văn bản quy định liên quan đến quá trình dạy và học, KTĐG KQHT của NH, trong đó yêu cầu các Khoa thường xuyên rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của SV phải đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, CTĐT: Quy chế đào tạo trình độ ĐH; Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi - đáp án; Quy định công tác tổ chức thi kết thúc HP; Quy định xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT, ĐCCTHP; Quy định chế độ làm việc của GV. Trong giai đoạn Covid-19, để đảm bảo hoạt động giảng dạy được triển khai hiệu quả, Trường đã ban hành các quy định tổ chức giảng dạy, KTĐG trực tuyến [H10.10.03.01]. Bên cạnh đó, báo cáo tổng kết năm học của Khoa hằng năm cũng là cơ sở để Trường và Khoa theo dõi, rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của NH [H10.10.03.02].

Quá trình dạy học của GV được thực hiện dưới sự chỉ đạo, giám sát, kiểm tra và đánh giá của Lãnh đạo Khoa. Định kỳ hằng năm, Khoa CNTT tổ chức các buổi dự giờ có sự tham gia của các GV cùng chuyên môn, có thâm niên giảng dạy của Khoa nhằm đóng góp ý kiến cho các GV khác về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các PPGD [H10.10.03.03]. Ngoài ra, Trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giờ giấc giảng dạy của GV [H10.10.03.04]. Phòng QLĐT là đơn vị giám sát về KQHT của NH toàn Trường và Khoa giám sát KQHT của NH do Khoa quản lý [H10.10.03.05]. Định kỳ hằng năm, phòng QLĐT thống kê danh sách NH bị cảnh báo học vụ và trình Hiệu trưởng ra quyết định cảnh báo học vụ NH, trong đó có NH ngành KHMT [H10.10.03.06].

Nhằm mục đích đánh giá việc sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, vào cuối mỗi HK, Phòng QLĐT chủ trì hoạt động lấy ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV thông qua hệ thống khảo sát trực tuyến. Nội dung phiếu khảo sát được chia làm 03 nội dung lớn: nội dung đề cương HP; hoạt động giảng dạy; hoạt động KTĐG [H10.10.03.07 (1)]. Ngoài ra, Trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Trường, lãnh đạo Khoa với NH để làm cơ sở rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, PPDG KQHT của NH [H10.10.03.07 (2)]. Khoa CNTT thường xuyên tổ chức các buổi họp Khoa để rà soát, đánh giá các PPDH, KTĐG đã sử dụng trong CTĐT, đồng thời cập nhật các PPDH mới, tận dụng được tính ưu việt của CNTT, tăng cường các hoạt động học tập như lớp học đảo chiều, seminar để NH chủ động trong các lớp học để tăng cường khả năng hội nhập và tự tin của NH khi tốt nghiệp [H10.10.03.08]. Trong công tác đổi mới phương pháp

dạy học để đạt CĐR, Trường đã ban hành hướng dẫn lựa chọn PPGD, PPĐG và phân tích KQHT của NH nhằm đạt CĐR. Trường cũng tổ chức tập huấn hoặc cử GV tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo về PPGD giúp GV cập nhật kiến thức chuyên môn, chia sẻ học tập kinh nghiệm trong giảng dạy, xây dựng tổ hợp công nghệ dạy - học/ phương pháp dạy - học đa dạng, hiệu quả [H10.10.03.09].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành hệ thống văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT với mục tiêu lấy NH là trung tâm của quá trình đào tạo. Đồng thời có một số biện pháp phù hợp để đảm bảo sau quá trình đào tạo ngành KHMT, SV khi ra trường được trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng CĐR đã công bố của ngành;

Trường, Khoa triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, PPĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Hàng năm, Trường khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, PPĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc giải trình ý kiến của CNH về phương pháp dạy và học, PPĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR triển khai còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa phối hợp các phòng chức năng để giải trình các ý kiến đóng góp của các BLQ, đồng thời triển khai hội thảo, chuyên đề về phương pháp dạy và học, PPĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.	Khoa CNTT Các đơn vị liên quan	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa cải tiến khảo sát ý kiến phản hồi của GV, NH về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, PPĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, PPĐG KQHT của NH trong	Khoa CNTT Các đơn vị liên quan	Hàng năm	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
		CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc của GV nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm của GV là giảng dạy và NCKH; với các loại hình NCKH cụ thể được trình bày tại Quy định về quản lý đề tài NCKH của Trường. Trong đó, Trường đã quy định rõ về nhiệm vụ thực hiện các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học như: (i) Xây dựng CTĐT, bồi dưỡng, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, đổi mới phương pháp giáo dục và KTĐG môn học; (ii) Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước; (iii) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài NCKH, phát triển công nghệ các cấp; (iv) Tổ chức và tham gia các hội thảo khoa học của khoa, đơn vị; (v) Hướng dẫn SV NCKH các cấp. Các hoạt động NCKH của GV được giám sát, đánh giá hàng năm thông qua quy đổi thành giờ chuẩn. Các đề tài NCKH cấp Trường từ khâu xét duyệt, thực hiện đến khâu nghiệm thu đều yêu cầu phải có tính mới, tính sáng tạo và tính ứng dụng trong công tác dạy học. Thông tin sản phẩm đề tài NCKH được đăng tải trên website của Phòng QLKH-HTQT để GV, SV dễ dàng tiếp cận và sử dụng trong quá trình dạy và học [H10.10.04.01]. Trong giai đoạn đánh giá, GV của Khoa CNTT đã thực hiện 06 đề tài NCKH; các đề tài này không chỉ mang tính thực tiễn cao mà nhằm phục vụ giảng dạy và học tập tại Trường. Khoa CNTT đã có 01 bài báo trong nước và 12 bài báo quốc tế do GV của Khoa thực hiện hoặc tham gia thực hiện, nghiệm thu 86 bài giảng cấp Khoa, có 03 báo cáo khoa học cấp khoa, cấp Trường và có 02 báo cáo khoa học cấp Quốc tế với nhiều sáng kiến của GV được áp dụng vào cải tiến hoạt động giảng dạy giúp nâng cao chất lượng học tập của NH [H10.10.04.02].

Các hình thức áp dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy của GV trong Khoa rất đa dạng, đơn cử sử dụng làm ví dụ cho việc giảng dạy lý thuyết và thực hành trên lớp. Để sử dụng các kết quả NCKH vào dạy học, Khoa cũng đã tổ chức nhiều hình thức để phổ biến, cập nhật và hướng dẫn cách thức áp dụng kết quả NCKH. Trường cũng đầu tư để tăng cường công tác biên soạn sách chuyên khảo, tạp chí, bài giảng điện tử phục vụ cho dạy học trong trường và có thể mở rộng ra ngoài Trường. Năm 2018, Tập san TTU - diễn đàn dùng để giới thiệu các NCKH của đội ngũ GV, NH trường được thành lập [H10.10.04.03].

Bảng 10.4.1. Các sản phẩm NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

TT	Tên đề tài/ Bài báo	Năm nghiệm thu/ Tạp chí	Học phần được ứng dụng
1	Partial Differential Equations in Several Complex Variables/Cấp Nhà nước	2023	MATH201V, MATH202V, CS434V
2	Phân Tán Quá Trình Học Sâu Có Xem Xét Yếu Tố Bảo Vệ Dữ Liệu	2022	CS401V, CS434V
3	Phân Loại Ứng Dụng Thông Qua Phân Tích Gói Tin Mạng Sử Dụng Phương Pháp Học Sâu	2021	CS440V, CS434V
4	Phương trình đạo hàm riêng trong không gian phức nhiều biến	2020	MATH202V
5	Xác định thông tin nhân khẩu học của người dùng điện thoại sử dụng phương pháp học bán giám sát	2020	CS331V, CS332V, CS441V
6	Why Micro-funding? Why Small Businesses Are Important? Analysis Based on First Principles.	Springer. 2024	STA206V, CS450V, STA301V
7	Levelled attribute-based encryption for hierarchical access control.	Computer Standards & Interfaces. 2024	CS364V, MATH202V
8	Optimizing GAN using Relativistic Discriminator with Margin Losses for Semi-supervised Learning	SOICT '23 2023 173 - 180	CS434V
9	Biogenic fabrication of a gold nanoparticle sensor for detection of Fe ³⁺ ions using a smartphone and machine learning.	RSC Advances. 2024, 14, 20466–20478	CS332V
10	Enabling Awareness of Quality of Training and Costs in Federated Machine Learning Marketplaces.	Conference: 15th IEEE/ACM International Conference on Utility and Cloud Computing (UCC2022)	CS401V, CS440V, CS434V
11	Making distributed edge machine learning for resource-constrained	Journal of Reliable Intelligent Environments. 2022	CS401V, CS450V

TT	Tên đề tài/ Bài báo	Năm nghiệm thu/ Tạp chí	Học phần được ứng dụng
	communities and environments smarter: contexts and challenges.		
12	A federated deep learning framework for privacy preservation and communication efficiency	Journal of Systems Architecture. Vol. 124, pp. 102413. 2022	CS401V, CS434V
13	MAppGraph: Mobile-App Classification on Encrypted Network Traffic using Deep Graph Convolution Neural Networks	Annual Computer Security. 2021. ACM ISBN 978-1-4503-8579-4/21/12	CS440V, CS434V
14	Multi-agent reinforcement learning approach for hedging portfolio problem	Soft Comput. 2021	CS450V, CS331V, CS447V
15	The Kohn-Laplace equation on abstract CR manifolds: Global regularity	Transactions of the American Mathematical Society. 2021. 373 (11), 5775–7606.	MATH202V
16	L^p -Estimates for the $\bar{\partial}_b$ -equation on a class of infinite type domains	Mathematische Nachrichten. 2020. 294(1), 82-97	MATH202V
17	Phan Thành Nam và giải thưởng Hội Toán Học Châu Âu năm 2020	Thông Tin Toán Học. 2020. tập 24, số 4, 2-8	MATH201V, MATH202V
18	Bergman–Toeplitz Operators Between Weighted L^p -Spaces on Weakly Pseudoconvex Domains	The Journal Of Geometric Analysis. 2020	MATH202V
19	An Intensive Empirical Study of Machine Learning Algorithms for Predicting Vietnamese Stock Prices	International Conference on Computer Science. 2019. 291-303	CS311V, CS331V, CS332V, CS413V
20	DIRAC: A Hybrid Approach to Customer Demographics Analysis for Advertising Campaigns	Proceedings of the IEEE. 2019.	CS311V, CS331V, CS332V, CS413V

Bên cạnh việc thực hiện các đề tài NCKH, Trường ĐHTT nói chung và Khoa CNTT nói riêng thường xuyên tổ chức các Seminar và Hội nghị nhằm định hướng nghiên cứu, công bố các kết quả nghiên cứu của GV đến cho đồng nghiệp và NH. Từ đó, có những ứng dụng hiệu quả vào hoạt động dạy học, cũng như cải tiến, bổ trợ cho chất lượng nội dung dạy học, đáp ứng yêu cầu CDR môn học và CTĐT [H10.10.04.04].

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV và Quy định về quản lý đề tài NCKH rõ ràng và đã thực hiện phổ biến đầy đủ nhiệm vụ NCKH đến GV, NH.

Định kỳ Trường và Khoa có tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH vào cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Tuy Khoa có tích cực thực hiện nhiệm vụ NCKH nhưng số lượng đề tài NCKH vẫn còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của đội ngũ GV.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích kết hợp giao nhiệm vụ để nâng cao số lượng đề tài NCKH của GV Khoa.	Khoa các đơn vị liên quan	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường thực hiện rà soát, đánh giá lại và cải tiến Quy định về công tác NCKH của GV, nhất là cải tiến chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH.	Khoa Các đơn vị liên quan	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường bao gồm: hỗ trợ học tập (thư viện, phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng máy vi tính, đội ngũ CVHT); hỗ trợ sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe (hệ thống wifi, căn tin, khu thể dục thể thao gồm sân tennis, hồ bơi, phòng y tế, bệnh viện); hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ,... Nhìn chung, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV đã được cung cấp, tổ chức đa dạng, phong phú và định kỳ được đánh giá, điều chỉnh, cải tiến nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của SV. Trường ban hành các văn bản, quy định công tác CVHT, quy định về học bổng, hỗ trợ tài chính, quy định khảo

sát các BLQ trong đó có nội dung đánh giá các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.01]. Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến, PTN, hệ thống CNTT được thể hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030 và các kế hoạch cải tiến về CSVC đã được ban hành [H10.10.05.02].

Cơ chế phản hồi của các BLQ được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV. Căn cứ bộ mẫu phiếu và kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ hàng năm [H10.10.05.03], Ban Thư viện tổ chức thực hiện khảo sát lấy ý kiến SV về mức độ đáp ứng của thư viện. Ngoài ra, thư viện còn đa dạng hóa kênh thu thập ý kiến bằng sổ góp ý trực tiếp đặt tại thư viện [H10.10.05.04 (1)]; Phòng QL CSVC-TB phối hợp với các đơn vị thực hiện khảo sát ý kiến của GV, NV, NH về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của hệ thống CSVC, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.04 (2)]; Phòng QLĐT thực hiện lấy ý kiến NH trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Trường [H10.10.05.04 (3)]. Bên cạnh đó, ý kiến góp ý của các BLQ tại các cuộc họp giao ban, hội nghị đối thoại giữa BGH, lãnh đạo Khoa với SV cũng là cơ sở để Trường và Khoa rà soát đánh giá và cải tiến các hoạt động hỗ trợ và tiện ích [H10.10.05.04 (4)].

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi được gửi đến các đơn vị để có cơ sở áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã đầu tư, mua sắm CSVC, học liệu, nâng cấp hạ tầng CNTT, trong đó có đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, thư viện số, phần mềm quản lý thư viện [H10.10.05.05]. Trên cơ sở đó, Ban thư viện thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Do vậy mức độ hài lòng về tiện ích thư viện tăng từ 3,95/5 vào năm 2019, lên 4.05/5 vào năm 2022 và đạt 4.33/5 vào năm 2023 [H10.10.05.04 (1)].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Hàng năm, Trường và Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của GV, NV, NH về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...).

Trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của SV về công tác CVHT, lấy ý kiến của SV về nhu cầu, nội dung, hình thức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua chưa được triển khai thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức thực hiện các khảo sát lấy ý kiến của SV về công tác CVHT, ngoại khóa, thi đua khen thưởng, từ đó làm cơ sở cải tiến các hoạt động hỗ trợ NH.	Phòng KT- BĐCL Phòng CTSV- HTDN Khoa CNTT	Từ năm học 2025- 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khai thác các nguồn lực để đầu tư và cải tiến CSVC.	Phòng QL CSVC-TB Khoa CNTT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các BLQ đối với hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường có tính hệ thống và được thể hiện rõ ràng trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H10.10.06.01]. Năm 2017, Trường ban hành Quy định khảo sát các BLQ [H10.10.06.02 (1)] và triển khai định kỳ kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường. Quy định này nêu rõ phòng KT-BĐCL là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ thông qua phối hợp với các đơn vị khác trong Trường. Cụ thể, phòng KT-BĐCL phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát và trình Hiệu trưởng phê duyệt; xây dựng kế hoạch khảo sát các BLQ, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan; hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát; lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm; khảo sát ý kiến của CBNV về môi trường làm việc, chế độ chính sách, nhu cầu học tập, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phòng TCHC có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ về TN, SM, GTCL, TLGD. Phòng QLĐT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát ý kiến SV trước tốt nghiệp.

Phòng QLKH-HTQT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của CB, GV, SV về công tác quản lý KH&CN. Phòng CTSV-HTDN có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của CNH về việc làm; khảo sát ý kiến của NTD về chất lượng SV tốt nghiệp; khảo sát ý kiến các BLQ về hoạt động kết nối và PVCĐ. Phòng QL CSVC-TB và Ban Thư viện có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ về chất lượng thư viện, CSVC, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Bên cạnh đó, các khoa có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động; khảo sát mở ngành đào tạo mới; khảo sát ý kiến về cập nhật CTĐT, CĐR.

Trường ban hành Quy định khảo sát các BLQ và triển khai định kỳ kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Quy chế ĐBCL giáo dục thể hiện rõ sự tham gia của các BLQ trong các hoạt động ĐBCL của Trường [H10.10.06.02], [H10.10.06.03].

Năm 2022, Trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT-ĐBCL triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các BLQ. Phòng KT-ĐBCL tổ chức họp với các đơn vị để rà soát, đánh giá Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ. Dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Phòng KT-ĐBCL xây dựng mới quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong hoạt động ĐBCL, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H10.10.06.02 (2)]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Quy chế ĐBCL giáo dục thể hiện rõ sự tham gia của các BLQ trong các hoạt động ĐBCL của Trường [H10.10.06.03].

Định kỳ hằng năm, Phòng KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị triển khai khảo sát các BLQ về các hoạt động của Trường. Kết quả khảo sát được báo cáo BGH và gửi đến các phòng, khoa, trung tâm tham khảo, sử dụng trong quá trình cải tiến các lĩnh vực hoạt động được phân công phụ trách. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ được gửi đến các khoa để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT của Trường [H10.10.06.04].

Bảng 10.6.1. Nội dung và hình thức khảo sát các bên liên quan

TT	Nội dung khảo sát	Đối tượng khảo sát	Hình thức khảo sát
1	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTĐT	Chuyên gia, GV, NH, CNH thuộc CTĐT cần khảo sát	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến/ phỏng vấn trực tiếp/ gọi điện thoại/ tổ chức hội nghị, hội thảo
2	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV	NH đang theo học tại Trường và có đăng ký môn học	Trực tuyến

TT	Nội dung khảo sát	Đối tượng khảo sát	Hình thức khảo sát
		trong HK được khảo sát	
3	Khảo sát lấy ý kiến SV trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Trường	NH trước khi tốt nghiệp	Trực tuyến
4	Khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp	CNH đã tốt nghiệp	Trực tuyến/ phỏng vấn trực tiếp/ gọi điện thoại
5	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về thư viện	GV, NV, NH	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến
6	Khảo sát lấy ý kiến các BLQ về mức độ đáp ứng của các BQL về CSVC-TB, phòng Thí nghiệm - Thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ	GV, NV, NH	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến
7	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV – NV về điều kiện, môi trường làm việc	GV, NV	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến
8	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV về hoạt động NCKH	GV	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến
9	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, NV về hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ	GV, NV	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến
10	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NTD/DN/chuyên gia về chất lượng NH tốt nghiệp	NTD/DN/ chuyên gia	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến/ hội nghị /hội thảo
11	Khảo sát lấy ý kiến các BLQ về hoạt động kết nối và PVCD	GV, NV, NH, NTD	Trực tuyến

(Nguồn: Phòng QLĐT, 09/2024)

Bên cạnh việc bổ sung 4 loại khảo sát, trong quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ năm 2022 đã bổ sung nội dung về việc Phòng KT-BĐCL giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Trong giai đoạn 2019 - 2024, Trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các BLQ đối với hoạt động ĐBCL của Trường có tính hệ thống, thể hiện rõ ràng trong Quy chế ĐBCL do Trường ban hành.

Hàng năm, Trường định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ trong công tác ĐBCL và gửi kết quả thống kê đến các đơn vị để ứng dụng cải tiến cơ chế phản hồi và chất lượng các hoạt động.

Cơ chế phản hồi của các BLQ đã được cải tiến dần sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp từ kết quả khảo sát thu được mỗi năm.

3. Điểm tồn tại

Trường có thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ về công tác ĐBCL hàng năm nhưng số lượng các NTD trả lời khảo sát vẫn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa và Phòng KT-ĐBCL thực hiện đa dạng các hình thức khảo sát để nâng cao số lượng các NTD trả lời khảo sát.	Khoa CNTT Phòng KT-ĐBCL	Tháng 7 hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường định kỳ thực hiện rà soát quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL để cải tiến cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống.	Phòng KT-ĐBCL các đơn vị liên quan	11/2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất theo lịch điều chỉnh toàn Trường, đúng quy trình, tuân thủ theo đúng quy định của Trường và Bộ GD&ĐT. Hàng năm, Trường đều thực hiện rà soát, cập nhật lại QT xây dựng, thiết kế và QT cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT, nhu cầu của các BLQ và với thực tế của Trường. Cụ thể, Trường đã ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT và Quy định về khảo sát các BLQ.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và thực hiện tốt. Các ý kiến phản hồi đều được Trường tổng hợp đầy đủ và gửi về Khoa phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH ngành KHMT, đảm bảo đủ cơ sở, có tính khoa học, có tính khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH

ngành này. Trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT; trong đó, có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CDR theo đúng Khung trình độ QG Việt Nam. Dựa trên Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường, Khoa đã thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành KHMT vào năm 2019, 2021 và 2022.

Việc cải tiến để nâng cao chất lượng đối với công tác đảm bảo chất lượng tại Trường được quan tâm sâu sát và thực thi đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Năm 2022, Nhà trường triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các BLQ và bổ sung vai trò giám sát của phòng KT-BĐCL đối với các đơn vị khác khi sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ để cải tiến các hoạt động. Trường đã ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác này. Quy định được rà soát và cập nhật phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Số lượng NTD tham gia trả lời khảo sát đánh giá về CTĐT ngành KHMT chưa nhiều. Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Số lượng đề tài NCKH của Khoa còn chưa tương xứng với tiềm năng nguồn nhân lực của Khoa. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của NH về công tác CVHT, lấy ý kiến của NH về nhu cầu, nội dung, hình thức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua chưa được triển khai thực hiện.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 10:

Có 5/6 tiêu chí đạt điểm 5,00, có 1/6 tiêu chí đạt điểm 4,00. Mức trung bình của tiêu chuẩn 10 đạt: 4,83 điểm; Số tiêu chí đạt: 6/6; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường. Hằng năm, Trường đã tổ chức thống kê tỉ lệ NH tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỉ lệ NH thôi học, lượng NH tốt nghiệp xin được việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với CNH. Các hoạt động NCKH cho NH được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CDR của ngành. Các hướng nghiên cứu ưu tiên của Trường được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện. Trường và Khoa đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các BLQ là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng của hệ thống BĐCL.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả quá trình học tập của NH là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá chất lượng đào tạo. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được thống kê, xác lập cụ thể, rõ ràng và mang tính hệ thống. Từ đó, làm căn cứ để phân tích, đánh giá tình hình học tập của SV và chất lượng đào tạo của Trường. Để giám sát quá trình học tập, rèn luyện của SV, Trường giao nhiệm vụ cho Phòng QLĐT làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan giám sát tỷ lệ thi học, tốt nghiệp của SV. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành hệ thống văn bản trong hoạt động đào tạo để hướng dẫn thực hiện giám sát, cập nhật hằng năm về tỷ lệ thi học, tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Ngoài ra, Trường đã xây dựng phần mềm QLĐT, phần mềm được bảo trì và nâng cấp hằng năm để bổ sung, hoàn thiện các chức năng. Cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, số NH đang theo học, bảo lưu, thi học, tốt nghiệp được lưu giữ trên phần mềm QLĐT và có thể trích xuất dễ dàng giúp hỗ trợ giám sát khối lượng học tập, KQHT và kết quả rèn luyện của NH. Các dữ liệu về KQHT và rèn luyện của SV được phân quyền đến Khoa và cập nhật thường xuyên từ đó giúp kịp thời đánh giá cũng như hỗ trợ SV tiến bộ hơn trong học tập và rèn luyện [H11.11.01.02].

Về phía Khoa CNTT, hoạt động thống kê, giám sát tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của SV được Khoa thực hiện thông qua đội ngũ CVHT. Hoạt động thống kê, giám sát tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của SV được Khoa thực hiện thông qua đội ngũ CVHT. Vào mỗi HK, CVHT tổ chức họp lớp để phổ biến các quy định của Trường, nắm bắt tình hình học tập và nhắc nhở SV về việc đăng ký học phần [H11.11.01.03]. Ngoài ra, các GV còn lập các nhóm trên mạng xã hội Zalo, Facebook nhằm nắm bắt nhanh chóng tình hình NH, đặc biệt là NH cá biệt và có biện pháp can thiệp kịp thời. Đồng thời trong các buổi họp Khoa, CVHT báo cáo tình hình NH nợ học phần, cảnh báo học tập, có hoàn cảnh khó khăn, có ý định nghỉ học, chậm tốt nghiệp... Từ đó, Khoa xem xét và đề xuất các biện pháp phù hợp, kịp thời nhằm nâng cao KQHT, giúp NH tốt nghiệp đúng hạn và giảm bớt tỷ lệ thi học [H11.11.01.04].

Hằng năm, Trường tiến hành xét tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo để đánh giá KQHT của NH [H11.11.01.01], [H11.11.01.05]. Tỷ lệ NH tốt nghiệp được xác lập, giám sát chặt chẽ dựa trên hoạt động của HĐ xét tốt nghiệp đồng thời tuân theo quy định của Quy chế đào tạo. Trường thực hiện xét học vụ dựa trên KQHT để nắm bắt được tiến độ học tập của NH, kịp thời giúp NH kém có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa của CTĐT [H11.11.01.06]. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ SV tốt nghiệp và thi học của 05 khóa tuyển sinh trong chu kỳ đánh giá được thể hiện qua bảng 11.1.1.

Bảng 11.1.1. Tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành KHMT của 06 khóa

Khóa học	Thời gian đào tạo	Số lượng toàn khóa	NH hoàn thành chương trình trong thời gian							
			3 năm		4 năm		Trên 4 năm		Tổng	
			SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
2016	4 năm	00	-	-	-	-	-	-	-	-
2017	4 năm	03	0	0	2	66,7	1	33,3	03	100
2018	4 năm	01	0	0	0	0	0	0	0	0
2019	4 năm	08	0	0	04	50	01	12,5	05	75
2020	4 năm	05	0	0	01	20	-	-	01	20

(Nguồn: Phòng QLĐT, 09/2024)

Kết quả đối sánh tương quan giữa các khóa cho thấy tỷ lệ NH ngành KHMT tốt nghiệp đạt mức ổn định. Bên cạnh đó, có thể thấy số lượng NH đạt tốt nghiệp đúng hạn luôn ở mức cao. Nguyên nhân tốt nghiệp chậm do ảnh hưởng của đại dịch Covid, các Trung tâm Anh ngữ đóng cửa, việc học và tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ tiếng Anh như IELTS, TOEFL, TOEIC cũng tạm hoãn nên NH không thể hoàn thành các điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn. Mặt khác cũng do dịch COVID-19, NH chuyển từ học lý thuyết trực tiếp tại Trường sang học online, gây khó khăn trong việc tập trung và khả năng tiếp thu bài giảng của NH dẫn đến việc tăng số lượng NH phải thi lại và học lại. Trong giai đoạn này, Trường đã xây dựng các quy định về tổ chức giảng dạy, thi kết thúc HP nhằm định hướng và tạo điều kiện để NH học tập [H11.11.01.07].

Bảng 11.1.2. Tỷ lệ NH thôi học ngành KHMT các khóa

Khóa	SL toàn khóa	SL thôi học	Tỷ lệ (%)
2016	00	0	-
2017	03	0	0
2018	01	01	100
2019	08	01	12,5
2020	05	02	40

(Nguồn: Phòng QLĐT, 09/2024)

Qua bảng số liệu trên cũng cho thấy tỷ lệ thôi học của NH trong khoảng từ 12.5% - 40% từ khóa 2016 đến 2020. Khóa 2018 có tỷ lệ NH thôi học cao nhất, lên đến 100% do năm đó chỉ có 1 NH và vì lý do gia đình nên NH đã xin nghỉ.

Bảng 11.1.3. Đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp của 05 khoá với ngành QTKD

Ngành	Khóa học	Thời gian đào tạo (năm)	Số lượng toàn khóa	NH hoàn thành chương trình trong thời gian							
				3 năm		4 năm		Trên 4 năm		Tổng	
				SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
KHMT	2016	4	00	-	-	-	-	-	-	-	-
	2017	4	03	0	0	2	66,7	1	33,3	03	100
	2018	4	01	0	0	0	0	0	0	0	0
	2019	4	08	0	0	4	50	1	12,5	05	75
	2020	4	05	0	0	1	20	-	-	01	20
QTKD	2016	4	00	-	-	-	-	-	-	00	-
	2017	4	02	0	0	1	50	1	50	2	100
	2018	4	06	0	0	1	16,7	1	16,7	2	33,3
	2019	4	05	0	0	2	40	0	0	2	40
	2020	4	03	0	0	1	33,3	-	-	1	33,3

(Nguồn: Phòng QLĐT, 09/2024)

Kết quả đối sánh giữa ngành đào tạo KHMT và ngành QTKD cho thấy, tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành KHMT cao hơn ngành QTKD và tỷ lệ NH ngành KHMT tốt nghiệp đúng với thời gian đào tạo là 4 năm.

Bảng 11.1.4. Đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình với ngành QTKD

Khóa	Tỉ lệ thôi học		Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn		Thời gian tốt nghiệp trung bình	
	Ngành kiểm định	Ngành đối sánh	Ngành kiểm định	Ngành đối sánh	Ngành kiểm định	Ngành đối sánh
2016	-	-	-	-	-	-
2017	0	0	66,7	50	4,33	4,5
2018	100	50	0	16,7	-	4,5
2019	12,5	20	50	40	4,2	4

Khóa	Tỉ lệ thôi học		Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn		Thời gian tốt nghiệp trung bình	
	Ngành kiểm định	Ngành đối sánh	Ngành kiểm định	Ngành đối sánh	Ngành kiểm định	Ngành đối sánh
2020	40	66,7	20	33,3	4	4

(Nguồn: Phòng QTĐT, 09/2024)

Việc cảnh báo KQHT, buộc thôi học đã được phổ biến cho NH ngay từ năm đầu tiên học tại Trường. Nhìn chung, NH thôi học tại Khoa có lý do phần lớn tập trung vào hoàn cảnh khó khăn hoặc do SV có những định hướng khác trong quá trình học tập (cảm thấy chưa phù hợp với năng lực bản thân, tìm kiếm được hướng phát triển khác tốt hơn...) hoặc SV thôi học để đi du học. Ngoài ra, từ năm 2015, Bộ GD&ĐT tổ chức kỳ thi THPT QG lấy kết quả để xét công nhận tốt nghiệp THPT và làm căn cứ để các CSGD ĐH sử dụng xét tuyển đầu vào, điều này tạo thêm cơ hội cho NH có sự chuyển hướng trong lựa chọn ngành học [H11.11.01.08].

Để khắc phục việc số lượng NH thôi học cao, tốt nghiệp trễ, Trường đã phân tích nguyên nhân và thực hiện một số biện pháp như: ổn định học phí, có các chính sách hỗ trợ tài chính, ban hành thông báo chấp nhận sử dụng chứng chỉ tiếng Anh Duolingo, tạo điều kiện cho NH học tập và dự thi trực tuyến để lấy chứng chỉ hoàn thành hồ sơ xét tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.09]. Bên cạnh đó, Khoa đã giao cho đội ngũ CVHT giám sát chặt chẽ, thường xuyên nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của NH để kịp thời báo cáo và đề ra hướng giải quyết, hỗ trợ NH. Ngoài ra, Trường và Khoa CNTT cũng tổ chức các buổi họp, đối thoại nhằm nắm bắt tâm tư nguyện vọng của NH [H11.11.01.10].

2. Điểm mạnh

Trường có bộ phận, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học.

3. Điểm hạn chế

Ngành KHMT vẫn có một tỉ lệ NH chưa tốt nghiệp đúng hạn.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 – 2025, Khoa phối hợp với các Phòng, Trung tâm đẩy mạnh triển khai thực hiện theo hệ thống cảnh báo sớm để hỗ trợ NH kịp thời ngay khi NH	Khoa Phòng KT-BĐCL Phòng CTSV-HTDN	Hàng năm	

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		gặp khó khăn trong việc hoàn thành CTĐT đúng tiến độ.	CVHT		
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tăng cường kinh phí nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có tăng cường phân công theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp.	Phòng QLĐT Ban CNTT Và các đơn vị liên quan	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, trong đó giao nhiệm vụ cho Phòng QLĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTSV-HTDN, các Khoa để quản lý, theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của NH. Đồng thời, Phòng QLĐT chịu trách nhiệm quản lý số liệu liên quan đến số lượng NH nhập học, quá trình học tập, tốt nghiệp của NH; quản lý, theo dõi số liệu SV ngừng học, thôi học, bảo lưu KQHT. Ngoài ra, Phòng QLĐT còn phối hợp phòng CTSV-HTDN, Phòng TCKT và Khoa lập danh sách NH đủ điều kiện tốt nghiệp dựa trên quy chế, quy định hiện hành [H11.11.02.01]. Theo quy định của Bộ GD&ĐT và căn cứ vào quy chế đào tạo TC của Trường, thời gian đào tạo trung bình của trình độ ĐH ngành KHMT được xác lập là 04 năm, thời gian đào tạo tối đa cho phép là 8 năm [H11.11.02.02]. Thời gian tốt nghiệp trung bình được giám sát thường xuyên thông qua hoạt động của Phòng QLĐT [H11.11.02.03]. Ngoài ra, NH có thể truy cập vào hệ thống quản lý học tập cá nhân my.ttu.edu.vn bằng tài khoản được cấp để theo dõi quá trình học tập, từ đó chủ động và biết được tiến trình tốt nghiệp của mình [H11.11.02.04].

Trong giai đoạn đánh giá, trung bình hằng năm số lượng NH hoàn thành chương trình học cũng như thời gian tốt nghiệp trung bình nói chung dao động rất sát so với thời gian tốt nghiệp đúng hạn.

Bảng 11.2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành KHMT

Khóa	Thời gian TN				Thời gian TN trung bình
	3 năm	4 năm	5 năm	6 năm	
2016	-	-	-	-	-
2017	0	2	1	0	4,33

Khóa	Thời gian TN				Thời gian TN trung bình
	3 năm	4 năm	5 năm	6 năm	
2018	0	0	0	0	-
2019	0	4	1	0	4,2
2020	0	1	-	-	4

(Nguồn: Phòng QLĐT, 09/2024)

Phòng QLĐT phối hợp Khoa tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế của ngành KHMT so với thời gian tốt nghiệp trung bình của năm học trước và với các ngành khác trong Trường [11.11.02.05], [11.11.02.06]. Việc thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình được thực hiện theo Quy định so chuẩn, đối sánh về chất lượng giáo dục của Trường ban hành [11.11.02.07]. Ngoài ra, Trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa BGH, lãnh đạo Khoa với NH để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của NH, đồng thời trao đổi, hướng dẫn, hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp [11.11.02.08].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, Phòng QLĐT chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả CTĐT và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của Khoa [11.11.02.09]. Trong giai đoạn 2019 - 2024, các báo cáo tổng kết năm học có nội dung điều chỉnh CTĐT hướng đến nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian đào tạo [11.11.02.10]. Năm 2022, Trường đã điều chỉnh chuẩn đầu ra ngoại ngữ phù hợp với tình hình thực tế của trường [11.11.02.11]. Bên cạnh đó, Trường tổ chức các khóa tiếng anh tăng cường, các khóa kỹ năng mềm nhằm tạo điều kiện để NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp [11.11.02.12].

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ để tốt nghiệp sớm tiến độ và cũng tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp chậm tiến độ để có biện pháp khắc phục.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tiến hành đối sánh với ngành KHMT ở các cơ sở giáo dục khác về thời gian tốt nghiệp trung bình do còn gặp khó khăn trong việc thu thập dữ liệu để đối sánh.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trong năm học 2024 – 2025, Khoa CNTT phối hợp cùng với các trường Đại học khác trong việc trao đổi về tỉ lệ, thời gian sinh viên tốt nghiệp để có cơ sở đối sánh	Khoa CNTT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của NH.	Khoa Phòng QLĐT Phòng CTSV- HTDN CVHT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng CTSV-HTDN là đơn vị được Trường giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. Phòng CTSV-HTDN phân công 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và 01 chuyên viên phụ trách việc theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường. Hàng năm, Phòng CTSV-HTDN phối hợp với các Khoa để theo dõi, liên hệ với NH tốt nghiệp và hỗ trợ NH tốt nghiệp chưa có việc làm [**H11.11.03.01**].

Trong giai đoạn 2019 - 2024, Trường ban hành, cập nhật Quy định và Kế hoạch khảo sát các BLQ về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp. Dựa trên kế hoạch khảo sát hàng năm, Phòng CTSV-HTDN tiến hành khảo sát để đánh giá tình hình việc làm, thu nhập trung bình của NH sau tốt nghiệp, đồng thời thu thập thông tin về sự phù hợp của CTĐT với yêu cầu của thị trường lao động về kiến thức, kỹ năng cần thiết cho công việc mà NH đang làm. Đây chính là cơ sở để Trường nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung cập nhật nội dung CTDH và các hoạt động hỗ trợ nhằm nâng cao tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của NTD [**H11.11.03.02**].

Kết quả khảo sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp năm 2021 có 02/02 (đạt 100%) cựu NH ngành KHMT trả lời, trong đó có việc làm và làm đúng ngành đào tạo là 02/02 (đạt 100%).

Trường ĐHTT, Khoa CNTT cam kết cung cấp một môi trường học tập và hỗ trợ tối đa cho SV, giúp phát triển tư duy quốc tế, mở rộng kiến thức, giúp nâng cao kỹ năng giao tiếp đa văn hóa, mở rộng cơ hội phát triển nghề nghiệp cho NH. Chính vì vậy, Trường đã phối hợp các tổ chức xã hội nghề nghiệp, DN và NTD thông qua tổ chức hội thảo, hội nghị việc làm nhằm tư vấn, hỗ trợ NH có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.03]. Căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của NH sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTSV-HTDN tiến hành đối sánh tỷ lệ NH có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của các CTĐT trong Trường [H11.11.03.04].

Bảng 11.3.1. Thống kê môi trường làm việc của NH tốt nghiệp (%)

Năm tốt nghiệp	NH tốt nghiệp phản hồi	Môi trường làm việc của NH tốt nghiệp									
		Tư nhân		Có yếu tố nước ngoài		Nhà nước		Tự tạo việc làm		Tiếp tục học	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2022	1	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0
2021	2	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0
2020	1	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0
2019	1	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0
2017	3	2	66,7	1	33,3	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: Phòng CTSV-HTDN, 09/2024)

Số liệu thống kê cho thấy phần lớn NH tốt nghiệp ngành KHMT làm việc ở khu vực tư nhân (100% từ 2019-2022). Thống kê từ khảo sát về tình hình NH tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu của NTD cho thấy năng lực của NH tốt nghiệp đáp ứng tốt các yêu cầu của NTD.

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ NH có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTSV-HTDN chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho NH để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của NH thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị [H11.11.03.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,... nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của NH tất cả các CTĐT, [H11.11.03.06], [H11.11.03.07]. Ngoài ra, Trường ĐHTT thuộc Tập đoàn Tân Tạo, do đó đã đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các CSGD, các khu công nghiệp, các công ty nhằm tạo điều kiện tối đa cho NH tiếp cận việc làm sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.08].

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị phụ trách khảo sát NH tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá, có số liệu tin cậy về việc làm của NH, có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

Tỷ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc.

Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiên tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay số lượng CNH phản hồi khảo sát còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2025 - 2026, Trường phối hợp cùng các Khoa đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với CNH để đánh giá rõ nét kết quả đào tạo của Trường, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của XH.	Khoa Phòng QLĐT Phòng CTSV- HTDN CVHT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tăng cường các biện pháp cải tiến tỷ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của NH tốt nghiệp của các CTĐT.	Khoa Phòng QLĐT Phòng CTSV- HTDN CVHT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Nghiên cứu khoa học được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Trường ĐHTT, vì vậy Trường luôn quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học công nghệ, trong đó có hoạt động NCKH cho NH. Mục tiêu chính của NCKH ở bậc ĐH là trang bị cho NH các kiến thức, kỹ năng NCKH độc lập để hỗ trợ cho hoạt động học tập, chuẩn bị cho NH hành trang tốt nhất sau khi ra trường. Sản phẩm từ các hoạt động NCKH từ NH là tiêu chí quan trọng thể hiện chất lượng đào tạo của Khoa. Với những ý nghĩa quan trọng trên, Trường luôn quan tâm và chú trọng công tác NCKH của

NH thông qua việc ban hành Quy định quản lý hoạt động NCKH của NH có nêu rõ nội dung về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà NH phải thực hiện [H11.11.04.01]. Bên cạnh đó, Trường đã ban hành quy định cụ thể về tài chính và khen thưởng nhằm hỗ trợ, khuyến khích và động viên NH tham gia và đạt thành tích cao trong hoạt động NCKH [H11.11.04.02]. Trong Chiến lược phát triển Trường, Chiến lược phát triển hoạt động KHCN Trường giai đoạn 2021 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030 [H11.11.04.03] và trong kế hoạch năm học của P. QLKH-HTQT và Khoa [H11.11.04.04] đều có chỉ tiêu về số lượng và chất lượng NCKH của NH.

Trường xác định hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của NH, trong đó cấp trường do Phòng QLKH-HTQT thực hiện; cấp Khoa do Khoa và Bộ môn thực hiện. Ban Giám hiệu Trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động NCKH của Trường. Trên cơ sở đó, Phòng QLKH-HTQT phân công 01 chuyên viên thực hiện việc theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của NH [H11.11.04.05]. Căn cứ Quy định hoạt động NCKH của NH được ban hành kèm theo Quyết định số 278/QĐ-ĐHTT.23, ngày 29/12/2023 [H11.11.04.06], các hoạt động NCKH của NH được thực hiện với nhiều loại hình khác nhau như:

- Viết bài đăng trên các ấn phẩm NCKH trong và ngoài trường (Hội nghị Khoa học sinh viên, kỷ yếu hội nghị, hội thảo tạp chí,...);
- Thực hiện nghiên cứu các đề tài khoa học các cấp Trường, Kho và các hoạt động khoa học công nghệ khác trong và ngoài nước;
- Tham gia các giải thưởng, cuộc thi dành cho sinh viên,...

Tuy nhiên, giai đoạn 2019 - 2024 số lượng hoạt động NCKH và số NH tham gia các hoạt động NCKH của ngành KHMT còn hạn chế về số lượng: 04 NH tham gia Hội thảo cấp Trường, 02 NH tham gia 01 bài báo quốc tế, 0 đề tài NCKH cơ sở.

Hàng năm, Phòng QLKH-HTQT tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của NH toàn Trường dựa trên báo cáo hằng năm của các Khoa. Bên cạnh đó, các Khoa đồng thời xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của NH của Khoa. Định kỳ cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của NH về Phòng QLKH-HTQT để cập nhật CSDL cấp Trường [H11.11.04.07], [H11.11.04.08]. Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT-BĐCL là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các BLQ về chất lượng nghiên cứu của NH Trường. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các BLQ có khảo sát ý kiến phản hồi của GV, NH về chất lượng NCKH của NH Trường. Kết quả khảo sát các BLQ đánh giá chất lượng nghiên cứu của NH Trường ở mức độ Khá [H11.11.04.09], [H11.11.04.10].

Phòng QLKH-HTQT thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà NH của Khoa CNTT đạt được so với các ngành khác [H11.11.04.11].

Bảng 11.4.1. Thống kê hoạt động NCKH của NH ngành KHMT với các ngành khác

T T	Nội dung	Ngành					Tổng
		NNA	QTKD	KHMT	CNSH	Y	
1	Số đề tài NCKH	1	2	3	2	0	8
2	Số lượng SV tham gia thực hiện đề tài NCKH	1	7	5	2	0	15
3	Số bài báo khoa học	0	2	2	2	33	39
4	Hội nghị, hội thảo khoa học	1	2	3	12	10	28
5	Giải thưởng cấp quốc tế	0	0	1	0	1	2
6	Giải thưởng cấp trường	1	1	4	3	6	15
	Tổng	4	14	18	21	50	

(Nguồn: Phòng QLKH-HTQT, 09/2024)

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của NH đạt được hàng năm, BGH trường họp với lãnh đạo các đơn vị để xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của NH và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Ngoài ra, Trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích NH tham gia NCKH, đầu tư CSVC, tài liệu, trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của NH [H11.11.04.12]. Nhìn chung, thông qua việc thực hiện các hoạt động NCKH, NH không những có cơ hội áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn mà còn phát triển kỹ năng nghề nghiệp và một số kỹ năng cần thiết cho học tập suốt đời. Tuy nhiên, số lượng các bài báo khoa học của NH Khoa CNTT còn thấp, do đó Trường cần xây dựng những chính sách đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và khả năng của NH từ đó nâng cao chất lượng và số lượng các bài báo khoa học của NH.

2. Điểm mạnh

Trường có kế hoạch hoạt động NCKH của NH, có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH từ Trường tới Khoa. Khoa có sự tổ chức, hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho NH, các phòng chức năng luôn quan tâm hỗ trợ NH trong quá trình làm đề tài.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NH ngành KHMT tham gia NCKH chưa nhiều do NH chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với các hoạt động nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm 2024 - 2025, Trường đẩy mạnh việc NCKH trong NH bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Trường và Khoa sẽ tiếp tục các HĐ tư vấn đề tài NCKH cho NH nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao. Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho NH về vai trò của NCKH trong NH.	Khoa CNTT Phòng QLKH- HTQT Phòng TCKT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa và Phòng QLKH-HTQT tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH NH, đẩy mạnh và thường xuyên tổ chức các lớp miễn phí về NCKH cho NH.	Khoa CNTT Phòng QLKH- HTQT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT-BĐCL là đơn vị xây dựng kế hoạch và phối hợp các phòng, khoa triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ (CBNV, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, NTD) về hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC,... Định kỳ hàng năm, căn cứ quy định khảo sát các BLQ của Trường [H11.11.05.01], Phòng KT-BĐCL xây dựng kế hoạch khảo sát về các hoạt động Trường trình Hiệu trưởng ký ban hành và thông báo đến các đơn vị thực hiện. Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp thực hiện khảo sát [H11.11.05.02]. Ngoài ra, Trường đã xây dựng công cụ khảo sát trực tuyến nhằm thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ đến quá trình đào tạo một cách nhanh chóng, chính xác, tin cậy hơn.

Các thông tin sau khi thu nhận được sử dụng như một nguồn dữ liệu quan trọng trong quá trình phân tích nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của đội ngũ CBNV, GV, SV, đơn vị sử dụng lao động. Từ đó, đề xuất biện pháp điều chỉnh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể:

Đối với NH: mức độ hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV được Phòng QLĐT thu thập mỗi HK. Nội dung khảo sát bao gồm 17 câu hỏi, liên quan đến tác phong, PPGD và sự công bằng trong công tác kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Nhìn chung, tỷ lệ SV hài lòng về chất lượng giảng dạy tương đối cao [H11.11.05.03]. Ngoài bảng hỏi, báo cáo kết quả còn thống kê các ý kiến của SV liên quan đến công tác giảng dạy của GV, giáo trình tài liệu tham khảo, KTĐG. Báo cáo và các ý kiến đóng góp trên được chuyển cho các Khoa để có các hành động khắc phục phù hợp, từ đó cải tiến hoạt động dạy học đạt kết quả tốt nhất.

Bên cạnh đó, mức độ hài lòng của NH trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Trường cũng được thu thập căn cứ vào các đợt xét tốt nghiệp trong năm học. Hoạt động này nhằm thu nhận những ý kiến, góp ý cho CTĐT để Trường có cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động [H11.11.05.04].

Bên cạnh hình thức khảo sát trực tuyến, các thông tin phản hồi từ NH còn được thu thập thông qua các cuộc gặp gỡ giữa Lãnh đạo Trường, Khoa CNTT với NH để giải đáp sâu rộng ý kiến thắc mắc cho NH. Bên cạnh đó, các CVHT cũng tổ chức họp lớp nhằm lắng nghe ý kiến đóng góp, phản hồi từ NH một cách công khai, thẳng thắn, từ đó, ghi nhận, tiếp thu và báo cáo vào các cuộc họp định kỳ của Khoa [H11.11.05.05].

Đối với cựu NH: Phòng CTSV-HTDN triển khai khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp. Hoạt động này cung cấp các thông tin hữu ích về thực trạng NH tốt nghiệp ra Trường đáp ứng như thế nào so với MTĐT, so với CDR. Qua kết quả khảo sát cho thấy, đa số cựu NH đánh giá khá cao chất lượng đào tạo, có sự hài lòng về các vấn đề được hỏi. Ngoài ra, tỷ lệ NH có việc làm và phù hợp ngành đào tạo sau tốt nghiệp trong những năm gần đây đạt tỷ lệ cao [H11.11.05.06].

Đối với chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động: Các ý kiến của đơn vị sử dụng lao động có ý nghĩa rất quan trọng trong việc điều chỉnh, cải tiến CTĐT cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Do đó, khi sửa đổi, bổ sung Quy định khảo sát vào năm 2022, Trường đã quy NTD lao động là một trong những đối tượng của khảo sát lấy ý kiến phản hồi về CTĐT và chất lượng SV đang làm việc tại đơn vị [H11.11.05.01 (2)]. Hoạt động này được tiến hành khi Khoa cần rà soát, cập nhật CTĐT từ đó có được thông tin cụ thể về những điểm mạnh cũng như hạn chế của CTĐT để lập kế hoạch phát triển, cải tiến hoặc xây dựng CTĐT mới. Theo đó, Khoa thu nhận ý kiến từ các đơn vị đang sử dụng NLD và cựu NH Trường ĐHTT trên các phương diện như kiến thức, kỹ năng, thái độ và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc [H11.11.05.07].

Đối với CBNV và GV: Hoạt động khảo sát lấy ý kiến đội ngũ CBNV, GV về mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị, hệ thống CNTT cũng như các dịch vụ hỗ trợ được Trường ĐHTT chú trọng triển khai thực hiện hằng năm. Ngoài ra, trước mỗi lần rà soát, chỉnh sửa CTĐT, đội ngũ GV cũng được tiến hành khảo sát để lấy ý kiến về CTĐT, mức

độ đáp ứng nhu cầu xã hội, sự phù hợp của CTĐT ở góc độ người dạy. Bên cạnh đó, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của đội ngũ GV, NV về điều kiện, môi trường làm việc. Nội dung phiếu khảo sát gồm những đánh giá về tầm nhìn, sứ mệnh của Trường, tổ chức công việc, chế độ chính sách, dịch vụ hỗ trợ, CTĐT, NCKH, và đánh giá các đơn vị hỗ trợ. Kết quả khảo sát cho thấy GV, NV hài lòng với hầu hết các vấn đề nói trên **[H11.11.05.08]**.

Trên cơ sở kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ, Trường ĐHTT và Khoa CNTT đã có những cải tiến về chất lượng CTĐT ngành KHMT. Cụ thể, ban hành CTĐT mới với những cải tiến hướng tới phát huy khả năng tự học, tăng cường các HP thực tế, giúp NH tiếp cận sớm với môi trường nghề nghiệp **[H11.11.05.09]**; chú trọng đến hoạt động hỗ trợ cung cấp những kỹ năng mềm cho NH **[H11.11.05.10]**; bổ sung sách và tài liệu phục vụ học tập hằng năm **[H11.11.05.11]**; tổ chức các buổi họp đổi mới PPGD đánh giá của GV **[H11.11.05.12]**; cải tiến hệ thống CSVC, CNTT, TTB phục vụ đào tạo **[H11.11.05.13]**.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến gặp khó khăn do số lượng cựu SV và người sử dụng lao động chưa tham gia nhiều vào các cuộc khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/ HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục lập kế hoạch tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm với các BLQ, nhất là đơn vị sử dụng lao động để lắng nghe, trao đổi trực tiếp, cụ thể hơn nhằm điều chỉnh CTĐT theo nhu cầu thực tế của thị trường lao động và thu hút số lượng cựu NH và người sử dụng lao động tham gia nhiều vào các cuộc khảo sát	Khoa Phòng KT- BĐCL Phòng CTSV- HTDN	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa hoàn thiện CTDH và nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở có tham khảo kết quả khảo sát các BLQ để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.	Khoa Phòng KT- BĐCL	Hằng năm	

5. *Tự đánh giá: Đạt (5/7)*

Kết luận Tiêu chuẩn 11

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường có bộ phận chuyên trách, có công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, theo dõi tỷ lệ thời học, tốt nghiệp, từ đó thực hiện tốt việc phân tích, đối sánh qua các năm. Triển khai nhiều biện pháp hiệu quả nhằm chăm sóc, hỗ trợ NH trong học tập và rèn luyện. Có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn. Tỷ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. Người học được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc. Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng. Người học ngành KHMT nói riêng và NH của Trường nói chung tham gia hoạt động NCKH với nhiều hình thức khác nhau. Loại hình và số lượng NCKH của NH luôn được Khoa và Trường hỗ trợ, giám sát bởi một hệ thống các văn bản, quy trình rõ ràng, được đối sánh và cải tiến hàng năm. Có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Chưa đối sánh chất lượng đầu ra của NH với các trường trong và ngoài nước. Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Hiện nay, số lượng CNH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp chưa đầy đủ. Vẫn còn một số NH chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH. Cựu NH và người sử dụng lao động chưa tham gia nhiều vào các cuộc khảo sát.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 11:

Có 3/5 tiêu chí đạt 5,00 điểm, 2/5 tiêu chí đạt 4,00 điểm. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,60 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

1.1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành KHMT được xây dựng rõ ràng, phù hợp với SM và TN đã được tuyên bố; phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH hiện hành và Khung trình độ QG Việt Nam; Mục tiêu của CTĐT ngành KHMT được thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa CNTT, của Trường ĐHTT; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau khi tốt nghiệp; được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Trường ĐHTT, Khoa CNTT khảo sát ý kiến của các BLQ về CĐR của CTĐT và tham khảo trong quá trình rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành KHMT.

1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT của ngành KHMT cung cấp đầy đủ các nội dung và các thông tin hữu ích khác giúp NH có thể lập kế hoạch học tập của mình nhằm đạt được các CĐR sau thời gian học tập và được cụ thể hóa trong các ĐCCT HP của chương trình. ĐCCT các HP được chuẩn hóa trong toàn Trường về nội dung, hình thức, đảm bảo sự thống nhất trong giảng dạy. ĐCCT tất cả HP được rà soát, định kỳ hằng năm cập nhật cùng lúc với rà soát CTĐT. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau giúp NH, NH đã tốt nghiệp, người sử dụng lao động tiếp cận dễ dàng nhất.

1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH của ngành KHMT được thiết kế nhất quán với CĐR, PPGD và học tập, kiểm tra/đánh giá kết quả NH của các HP phù hợp với CTDH. Mỗi HP của CTDH đều xác định vai trò và mức độ đóng góp vào CĐR một cách rõ ràng. Từ đó, mỗi HP được thiết kế tổ hợp các phương pháp dạy và học theo hướng tích cực hóa NH để đạt CĐR. Các HP của CTDH đảm bảo tính logic và tính gắn kết giữa các HP giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Do đó, NH có thể học các HP chuyên ngành ở các HK sau một cách dễ dàng và hứng thú. Ngoài ra, CTDH của ngành được hiệu chỉnh, cập nhật hằng năm bằng việc ghép các HP và thay bằng HP mới với yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ ở mức cao hơn, cũng như cập nhật được các kiến thức mới của chuyên ngành đang ứng dụng thực tiễn. Việc hiệu chỉnh CTDH cũng được tham khảo với các CTDH trong và ngoài nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trường ĐHTT đã công bố sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến 2030. Qua đó, Trường cũng đã ban hành TLGD vào năm 2021. Triết

lý giáo dục của Nhà trường được chuyển tải vào mục tiêu của của CTĐT ngành KHMT thuộc Khoa CNTT để CBNV, GV và NH cùng thực hiện. Các mục tiêu này được phổ biến rộng rãi đến các BLQ qua nhiều kênh thông tin. Các GV đã sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp, đa dạng theo hướng tích cực hóa NH để đáp ứng CĐR và được NH đánh giá cao. Tất cả ĐCCT của ngành KHMT đều hướng dẫn phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho NH để nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Đánh giá KQHT của NH (gồm phương pháp, công cụ, thời điểm, tiêu chí, trọng số) được thiết kế và triển khai chi tiết cho từng CĐR của HP nên đo lường được mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Phương pháp đánh giá luôn tuân thủ các quy định, đảm bảo độ tin cậy và được kiểm chứng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng. Cơ chế phản hồi của NH được quy định rõ ràng, thông báo công khai tới NH trước khi bắt đầu khóa học và HP. NH có thể gặp trực tiếp GV để được phân tích những ưu điểm và nhược điểm của bài kiểm tra, đánh giá, qua đó giúp NH cải thiện phương pháp học tập để đạt được kết quả tốt hơn. NH được tiếp cận dễ dàng và giải quyết nhanh chóng với các quy trình khiếu nại về KQHT.

1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác quy hoạch/kế hoạch phát triển đội ngũ GV của Khoa CNTT được triển khai thực hiện theo đúng quy hoạch chung của Nhà trường. Đội ngũ GV ngành KHMT đủ về số lượng và đạt yêu cầu về chất lượng theo yêu cầu của Nhà nước và Trường. Giảng viên được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ở trong trường và các cơ sở đào tạo ngoài trường. Các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV và khung năng lực GV được cụ thể hóa bằng văn bản quy định phù hợp với nhu cầu của Trường cũng như các quy định hiện hành, góp phần phát triển đội ngũ GV có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc quản trị theo kết quả công việc thông qua đo lường theo đơn vị giờ chuẩn các khối lượng công việc làm thực tế về giảng dạy, NCKH của GV và tổ chức đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng kịp thời cho những GV có nhiều cống hiến, đạt thành tích cao.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ NV hỗ trợ cho CTĐT ngành KHMT đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ của ngành KHMT; Quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, công khai minh bạch. Thông báo tuyển dụng công khai trên nhiều kênh: báo chí và Website của Trường, Email nội bộ; NV của Khoa luôn đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên; Hàng năm, Trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ NV hỗ trợ. Khoa có phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho NV qua bản mô tả công việc và bản đăng ký thực hiện nhiệm vụ đầu năm học. Tỷ lệ hài lòng về phân công công việc và đánh giá thi đua khen thưởng của NV cao.

1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Trường có chính sách tuyển sinh và đề án tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật đầy đủ thông tin và được công bố công khai, rộng rãi, đa dạng hình thức cho thí sinh. Hoạt động tuyển sinh được tổ chức theo quy định của Bộ GD&ĐT, đảm bảo các điều kiện quy định về năng lực đào tạo; Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, được đánh giá khách quan, minh bạch, theo đúng các quy định chung của Bộ GD&ĐT. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được điều chỉnh linh hoạt hằng năm, phù hợp tình hình thực tế và đặc điểm Khoa; Ngành KHMT có hệ thống giám sát chặt chẽ về sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, KQHT và khối lượng học tập của NH; Trường đã phân công trách nhiệm cho các đơn vị phụ trách về tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH; TTB hiện đại, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trang thiết bị và hạ tầng cơ sở hỗ trợ, phục vụ đào tạo là phương tiện giúp cho Trường nói chung và Khoa CNTT nói riêng hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo và cung cấp các tiện nghi hữu ích cho công tác NCKH. Do đó, cùng với yêu cầu của sự phát triển, Trường luôn có kế hoạch đầu tư CSVC, nâng cấp, thay thế TTB hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH nhằm đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ giữa nhu cầu của NH và mức độ đáp ứng của Trường, có chú trọng đến nhu cầu sử dụng, tâm lý làm việc của người khuyết tật. Bên cạnh đó, các điều kiện về cơ sở hạ tầng còn đảm bảo các tiêu chuẩn quy định về an toàn, môi trường và sức khỏe, góp phần tạo dựng cảnh quan tươi mới, môi trường thông thoáng, là điều kiện tốt cho làm việc và học tập.

1.10. Nâng cao chất lượng

Khoa CNTT và Trường ĐHTT có nhiều hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo mang tính hệ thống và được cải tiến liên tục từ quy trình, thu thập và áp dụng thông tin phản hồi vào rà soát, cập nhật CTDH, xây dựng CTĐT khóa mới. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được quy định rõ ràng, được định kỳ hàng năm đánh giá và cải tiến, trong đó có sự tham gia của các BLQ như đại diện nhà quản lý, chuyên gia, NTD, người giỏi nghề, GV, NH đã tốt nghiệp, NH. Hoạt động dạy và học, đánh giá KQHT của NH được Khoa tổ chức đánh giá và cải tiến. Các công trình NCKH của GV và NH phù hợp với ngành đào tạo và được ứng dụng vào hoạt động giảng dạy, học tập, góp phần cải tiến CTDH và nâng cao chất lượng đào tạo. Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ của thư viện, PTN, hệ thống CNTT, tư vấn NH, CTSV, các hoạt động đoàn thể phong phú, đa dạng, được NH đánh giá cao và liên tục cải tiến. Hệ thống tiếp nhận thông tin phản hồi của các BLQ luôn được cập nhật và ngày càng hoàn thiện.

1.11. Kết quả đầu ra

Tỷ lệ NH thôi học có xu hướng giảm sau mỗi khoá. Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH ngành KHMT có xu hướng giảm dần; NH đã tốt nghiệp của ngành KHMT có việc làm sau 01 tháng; Kết quả khảo sát cho thấy, sự hài lòng của các BLQ gồm NH, NH đã tốt nghiệp, GV, NTD đạt tỷ lệ khá cao.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Số lượng NTD trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành KHMT chưa nhiều. Số lượng CNH, các NTD tham gia khảo sát về CDR của CTĐT ngành KHMT còn hạn chế do Trường chưa đẩy mạnh mạng lưới CNH và NTD. Số lượng các NTD có thương hiệu trong ngành CNTT ký kết hợp tác với Khoa chưa nhiều do Trường chưa đẩy mạnh mạng lưới NTD.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa chưa tham khảo nhiều Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản Mô tả CTĐT. Trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành KHMT đến các BLQ.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Các PPGD hiện đại được GV Khoa CNTT xác định trong ĐCCT HP chưa nhiều. Số lượng NTD và CNH góp ý về CTDH ngành KHMT chưa nhiều. Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành KHMT chưa nhiều.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Số lượng DN, NTD và CNH tham gia khảo sát về TLGD của Trường còn quá ít; Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc ĐH.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của NH

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CDR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều. Khoa chưa đánh giá mức độ hiểu biết của SV các văn bản quy định về KTĐG KQHT của NH. Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các HP của ngành KHMT. Khoa CNTT chưa đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Một số HP công bố điểm kết thúc HP còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Số lượng GV của Khoa CNTT còn ít. Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Trường chưa tuyển được nhiều GV có học hàm, học vị cao. Các hình thức khen thưởng các cấp của GV Khoa chưa nhiều. Khoa chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố.

2.7. Đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên. Hoạt động đánh giá đồng nghiệp tuy đã

được triển khai nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả. Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa còn hạn chế.

2.8. NH và hoạt động hỗ trợ NH

Trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường. Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành KHMT vẫn chưa cao như các trường ĐH danh tiếng trên địa bàn. Bên cạnh, một số CVHT chưa được tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ. Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo SV tham gia.

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các TTB hiện đại còn chậm so với tiến độ. Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. Cơ sở vật chất của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của NH khuyết tật.

2.10. Nâng cao chất lượng

Số lượng các NTD tham gia góp ý CTĐT ngành KHMT chưa nhiều. Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Số lượng đề tài NCKH của Khoa còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV. Do nguồn lực có hạn nên việc cải tiến các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của SV. Số lượng các NTD trả lời ý kiến khảo sát chưa nhiều.

2.11. Kết quả đầu ra

Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành KHMT còn cao so với thời gian dự kiến do chưa đáp ứng được chuẩn Tiếng Anh đầu ra. Số lượng SV Khoa tham gia NCKH chưa nhiều so với tiềm năng của SV. Số lượng CNH, các NTD trả lời khảo sát chưa nhiều và chưa thường xuyên.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng KT-BĐCL phối hợp với Khoa CNTT đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến nhằm tăng số lượng NTD trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành. Phòng CTSV-HTDN, Phòng QLKH-HTQT triển khai hoạt động nói kết DN, NTD thông qua hội thảo khoa học, ngày hội việc làm để nắm bắt nhu cầu thị trường lao động và góp ý về CTĐT. Kiện toàn mạng lưới CNH, mở rộng hợp tác nhiều DN, NTD. Trên cơ sở đó, Khoa tích cực khảo sát ý kiến phản hồi của CNH, các NTD về CDR của CTĐT ngành tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức. Mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với DN, NTD trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Khoa tăng cường ký kết hợp tác với các NTD có thương hiệu trong ngành.

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm học 2024 - 2025, Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, Khoa CNTT tham khảo Bản Mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản Mô tả CTĐT. Tổ chức mời chuyên gia tập huấn xây dựng chuẩn CTĐT, CĐR, ĐCCT HP. Trên cơ sở đó, Khoa tham khảo ĐCCT HP để phục vụ rà soát, điều chỉnh ĐCCT HP ngành. Phòng KT-BĐCL phối hợp với Khoa CNTT đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành đến các BLQ.

3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT triển khai để GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐC HP để từ đó áp dụng trong quá trình giảng dạy nhằm đạt CĐR. Khoa tổ chức hội nghị, hội thảo và tăng cường số lượng các bên tham gia tại các hội nghị, hội thảo nhằm tăng số lượng NTD và cựu SV góp ý về CTDH ngành KHMT. Khoa tăng cường tham khảo CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành.

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường số lượng DN, NTD tham gia các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm. Trên cơ sở đó, Phòng KT-BĐCL phối hợp các đơn vị trong Trường tiến hành khảo sát ý kiến của các NTD về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về TLGD của Trường. Trường và Khoa tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho SV, đặc biệt SV năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc ĐH. Khoa tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.

3.5. Đánh giá kết quả học tập của NH

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG để bổ sung các các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CĐR. Khoa CNTT triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của SV của Khoa đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của NH. Trường chỉ đạo các khoa tăng cường xây dựng ngân hàng đề thi cho các HP trong CTĐT, đồng thời chỉ đạo Phòng QLKH-HTQT phối hợp Khoa tiến hành triển khai nghiệm thu ngân hàng đề thi cho các HP. Khoa phối hợp với Phòng KT-BĐCL khảo sát đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Khoa có kế hoạch giám sát, kiểm tra GV nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường.

3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao. Trường tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành đào tạo. Phòng TCHC, Khoa tăng cường động viên, khuyến khích GV tham gia các hình thức khen các cấp. Trường có chính sách

động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp thành phố và tương đương.

3.7. *Đội ngũ nhân viên*

Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Phòng TCHC phối hợp với các đơn vị để rà soát đề án vị trí việc làm và thực hiện quy hoạch đội ngũ NV nhằm có những điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp. Nhà trường rà soát để bố trí, sắp xếp nhằm đảm bảo NV thực hiện công tác chuyên trách theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Bổ sung các hình thức đánh giá đồng nghiệp một cách thường xuyên nhằm phát huy hiệu quả của hoạt động đánh giá đồng nghiệp. Trường, Phòng TCHC, các đơn vị khuyến khích NV đăng ký thực hiện các hình thức thi đua.

3.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng KT-BĐCL phối hợp với Phòng TT-TS và các Khoa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài về chính sách tuyển sinh của Trường để có thêm cơ sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh cho phù hợp. Trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường. Trường, Phòng CTSV-HTDN thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng cho CVHT và dành thời gian để CVHT tăng cường giám sát, hỗ trợ SV. Phòng CTSV-HTDN phối hợp Đoàn TN, Hội SV, các Khoa đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của SV.

3.9. *Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Trường tăng cường áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo. Bổ sung TTB hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KHMT. Trường, Khoa, CVHT tăng cường hướng dẫn để SV hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường.

3.10. *Nâng cao chất lượng*

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng KT-BĐCL phối hợp các khoa triển khai đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các BLQ, đặc biệt là các NTD nhằm nâng cao số lượng các NTD trả lời khảo sát. Phòng ĐT phối hợp các khoa triển khai rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Khoa CNTT phối hợp các phòng chức năng để giải trình các ý kiến đóng góp của các BLQ, đồng thời triển khai hội thảo, chuyên đề về phương pháp dạy và học, PPĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Trường tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích kết hợp giao nhiệm vụ để nâng cao số lượng đề tài NCKH của GV Khoa. Trường tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để cải tiến các dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của SV. Phòng KT-BĐCL đa dạng hình thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa nhằm nâng cao số lượng các NTD trả lời ý kiến khảo sát.

3.11. Kết quả đầu ra

Từ năm học 2024 - 2025, CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ. Khoa kết hợp với Phòng QLĐT định kỳ tổng kết, đánh giá về NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với thiết kế CTĐT để có những điều chỉnh về CTĐT, hoạt động giảng dạy, đánh giá NH, hoạt động hỗ trợ một cách phù hợp, kịp thời giúp NH tốt nghiệp đúng hạn. Trường phối hợp cùng các Khoa CNTT đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với CNH để đánh giá rõ nét kết quả ĐT của Trường, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của XH. Trường đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Trường và Khoa sẽ tiếp tục các HĐ tư vấn đề tài NCKH cho SV nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao. Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV. Trường triển khai đánh giá tính hệ thống trong rà soát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ để chất lượng ĐT, phục vụ NH ngày càng được nâng cao.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

Phụ lục 6a. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo
(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT,
Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Tân Tạo

Mã: TTU

Tên CTĐT: Khoa học máy tính

Mã CTĐT: 7480101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								5,00	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5,00	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					

Tiêu chuẩn 7									
Tiêu chí 7.1				5			5,00	5	100%
Tiêu chí 7.2				5					
Tiêu chí 7.3				5					
Tiêu chí 7.4				5					
Tiêu chí 7.5				5					
Tiêu chuẩn 8									
Tiêu chí 8.1			4				4,40	5	100%
Tiêu chí 8.2			4						
Tiêu chí 8.3			4						
Tiêu chí 8.4				5					
Tiêu chí 8.5				5					
Tiêu chuẩn 9									
Tiêu chí 9.1				5			4,80	5	100%
Tiêu chí 9.2			4						
Tiêu chí 9.3				5					
Tiêu chí 9.4				5					
Tiêu chí 9.5				5					
Tiêu chuẩn 10									
Tiêu chí 10.1				5			4,83	6	100%
Tiêu chí 10.2				5					
Tiêu chí 10.3				5					
Tiêu chí 10.4			4						
Tiêu chí 10.5				5					
Tiêu chí 10.6				5					
Tiêu chuẩn 11									
Tiêu chí 11.1				5			4,60	5	100%
Tiêu chí 11.2				5					
Tiêu chí 11.3			4						
Tiêu chí 11.4			4						
Tiêu chí 11.5				5					
Đánh giá chung CTĐT							4,86	50	100%

Ghi chú: Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí. Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Long An, ngày 09 tháng 01 năm 2025



TS. Nguyễn Mai Lâm

PHẦN IV. PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/08/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tân Tạo)

+ Tiếng Việt: Trường Đại học Tân Tạo

+ Tiếng Anh: Tan Tao University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

- **Tên viết tắt:** TTU

3. Tên trước đây (nếu có): Không có

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Khu đô thị E. City Tân Đức, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại (+84) 272 376 9216

E-mail: info@ttu.edu.vn

Website: <https://ttu.edu.vn/>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 2010

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2011

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2015

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT

Tiếng Việt: Khoa Công nghệ Thông tin

Tiếng Anh: School of Information Technology

13. Tên viết tắt của Khoa thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: K. CNTT

Tiếng Anh: SIT

14. Tên trước đây (Trước 01/06/2023):

Tiếng Việt: Khoa Kỹ thuật

Tiếng Anh: School of Engineering

15. Mã CTĐT: 7480101

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): không có

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Khoa CNTT – Tòa nhà Levy, Trường Đại học Tân Tạo - Khu đô thị E.City Tân Đức, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

18. Số điện thoại liên hệ: 02723769216; Email: sit@ttu.edu.vn; Website: <https://sit.ttu.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2012

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2011

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2015

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Trường ĐHTT được thành lập vào ngày 25 tháng 11 năm 2010 theo Quyết định số 2154/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Trường ĐHTT.

Năm 2011, Bộ GD&ĐT ban hành Quyết định số 784/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 2 năm 2011 về việc giao cho Trường ĐHTT đào tạo ngành KHMT ĐH hệ chính quy. Từ năm học 2011-2012, Trường ĐHTT tuyển sinh khóa đầu tiên theo hệ TC.

Khoa CNTT có chức năng hoạt động chuyên môn đào tạo, NCKH, quản lý trực tiếp giảng viên, SV của Khoa. Khoa chịu trách nhiệm về xây dựng nội dung, đảm bảo chất lượng đào tạo và tiến độ giảng dạy CTĐT ngành KHMT. Khoa chủ động tổ chức nghiên cứu cải tiến PPGD, học tập. Khoa cũng có nhiệm vụ xây dựng và triển khai kế hoạch NCKH, công nghệ và hợp tác quốc tế nhằm bồi dưỡng con người và phát triển NCKH mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

Chương trình đào tạo do Khoa CNTT quản lý thường xuyên được rà soát, đổi mới, cập nhật các kiến thức hiện đại. Trong 05 năm gần đây, Khoa đã cập nhật, rà soát CTĐT ít nhất 2 năm 1 lần để đảm bảo cung cấp cho NH những xu hướng mới nhất của xã hội.

Hoạt động NCKH của Khoa CNTT đa dạng với nhiều loại hình như: đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp cơ sở, bài báo và đạt được nhiều thành tích về NCKH.

Với thành tích trong hoạt động đào tạo, NCKH các hoạt động khác, Khoa CNTT đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý trong chu kỳ TĐG như sau:

- Giải thưởng cho GV có thành tích NCKH xuất sắc nhất năm 2022-2023: TS. Cao Tiến Dũng

- Top 3 của cuộc thi Vietnam Rust (được tài trợ toàn bộ chi phí tham dự Devcon tại Thái Lan): Võ Hữu Nhân - Huỳnh Văn Đông - Nguyễn Hoài Duy (SV năm 3)

- Giải nhất Phiên Công nghệ và Ứng dụng trong Y học tại Hội nghị Khoa học Khoa Y năm 2024 do Trường ĐHTT tổ chức: Vũ Phương Anh (SV năm 4)

- Được tài trợ toàn bộ chi phí tham gia và có bài báo cáo đạt giải Nhì Trường Học “Sinh viên nghiên cứu khoa học 2024”, tổ chức bởi Viện Nghiên cứu Cao cấp về Toán (VIASM): Vũ Phương Anh (SV năm 4)

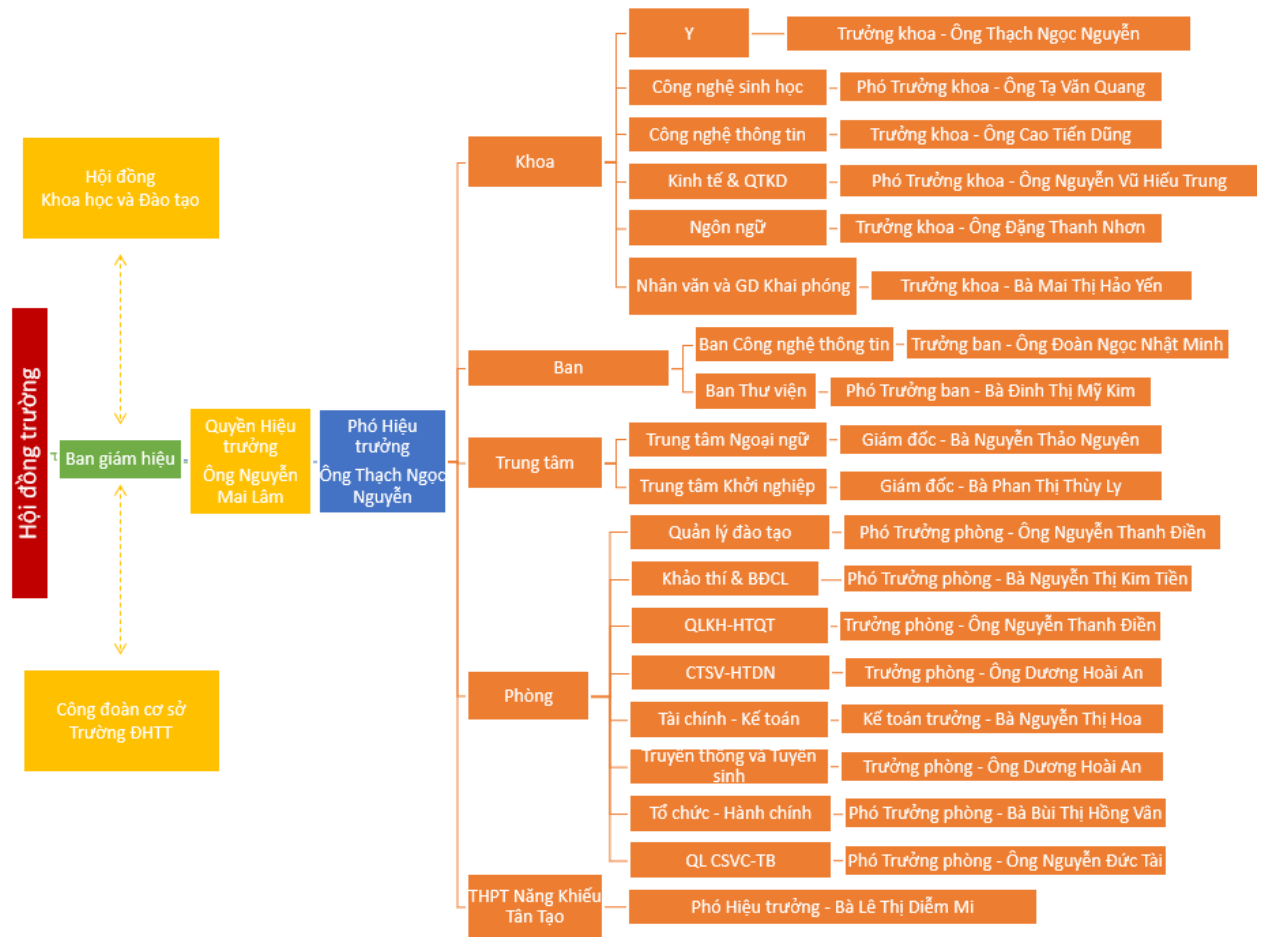
- Đạt Giải Nhất Hội nghị Nghiên cứu Khoa học Sinh viên năm học 2023 - 2024 do Trường ĐHTT tổ chức: Phạm Trần Thị Thu Ngân

- Đạt Giải Nhì Hội nghị Nghiên cứu Khoa học Sinh viên năm học 2023 - 2024 do Trường ĐHTT tổ chức: Võ Hữu Nhân và Hồ Nguyễn Kim Long

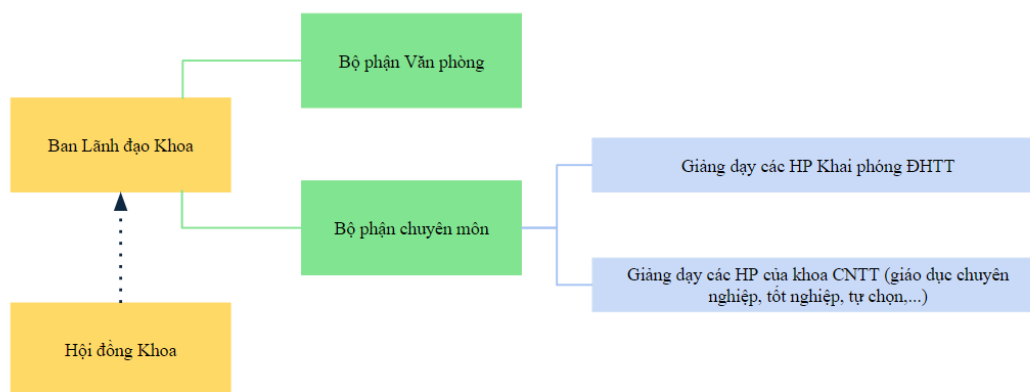
- Đạt Giải Ba Hội nghị Nghiên cứu Khoa học Sinh viên năm học 2023 - 2024 do Trường ĐHTT tổ chức: Nguyễn Hoài Duy

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

23.1 Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục



23.2 Cơ cấu tổ chức hành chính của đơn vị thực hiện CTĐT



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Học vị	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1.		Nguyễn Mai Lâm	Tiến sĩ	Quyền Hiệu trưởng	09443 33336	viceprov ost@ttu. edu.vn
2.		Thạch Ngọc Nguyễn	Tiến sĩ	Phó Hiệu trưởng	0272- 37692 16	thach.ng uyen@tt u.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.		Cao Tiến Dũng	Tiến sĩ	Trưởng Khoa	09836 95166	dung.ca o@ttu.e du.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Công đoàn	Bùi Thị Hồng Vân	Đại học	Chủ tịch	09878 19872	van.bui @ttu.ed u.vn
II.	Các phòng, ban					
1.	Phòng Tổ chức - Hành chính	Bùi Thị Hồng Vân	Đại học	Phó Trưởng Phòng	09878 19872	van.bui @ttu.ed u.vn

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Học vị	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2.	Phòng Công tác sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp	Dương Hoài An	Thạc sĩ	Trưởng Phòng	09165 18895	an.duong@ttu.edu.vn
3.	Phòng Truyền thông và Tuyển sinh	Dương Hoài An	Thạc sĩ	Trưởng Phòng	09165 18895	an.duong@ttu.edu.vn
4.	Phòng Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Hoa	Đại học	Kế toán Trưởng	09879 97566	hoa.nguyen@ttu.edu.vn
5.	Phòng Quản lý Cơ sở vật chất - Thiết bị	Nguyễn Đức Tài	Đại học	Phó Trưởng phòng	09376 86319	tai.nguyen@ttu.edu.vn
6.	Phòng Quản lý Đào tạo	Nguyễn Thanh Điền	Tiến sĩ	Phó Trưởng phòng	07635 50172	dien.nguyenthanh@ttu.edu.vn
7.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Nguyễn Thanh Điền	Tiến sĩ	Trưởng phòng	07635 50172	dien.nguyenthanh@ttu.edu.vn
8.	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Thị Kim Tiên	Thạc sĩ	Phó trưởng phòng	03520 65793	tien.nguyen@ttu.edu.vn
9.	Trung tâm Khởi nghiệp	Phan Thị Thùy Ly	Đại học	Giám đốc	09884 37772	ly.phan@ttu.edu.vn
10.	Trung tâm Ngoại ngữ	Nguyễn Thảo Nguyên	Đại học	Giám đốc	09791 59116	nguyen.nguyen@ttu.edu.vn
11.	Ban Thư viện	Đinh Thị Mỹ Kim	Đại học	Phó Trưởng Ban	098 577 9419	kim.dinh@ttu.edu.vn

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Học vị	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
12.	Ban Công nghệ thông tin	Đoàn Ngọc Nhật Minh	Đại học	Trưởng ban	09131 14960	minh.do an@ttu. edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: KHMT

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiên sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 1

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không có

32. Tổng số các ngành đào tạo: 01

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	6	1	7
I.1	Đội ngũ trong biên chế	0	0	0
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định	6	1	7

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	thời hạn			
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	3	0	3
	Tổng số	9	1	10

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	GS, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	PGS	0	0	0	0	0	0
3	TS khoa học	0	0	0	0	0	0
4	TS	8	0	5	1	2	0
5	ThS	1	0	0	0	1	0
6	ĐH	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	9	0	5	1	3	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 6 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 6

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

T T	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	GS, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	PGS	3,0	0	0	0	0	0	0	0
3	TS khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	2,0	8	0	5	1	2	0	11,4
5	ThS	1,0	1	0	0	0	1	0	0,2
6	ĐH	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		9	0	5	1	3	0	11,6

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

T T	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	GS, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	PGS	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	TS khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	6	100	6	0	0	1	5	0	0
5	ThS	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	ĐH	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	6	100	6	0	0	1	5	0	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 44 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 100%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của

đơn vị thực hiện CTĐT: 0%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

T T	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	100%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0%	0%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0%	0%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0%	0%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0%	0%
Tổng		100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020	233	87	2,67	77	15/30, 19/30, 21/30	20,55	2
2020-2021	222	71	3,12	55	15/30, 19/30, 21/30	21,15	0
2021-2022	334	80	4,18	71	15/30, 19/30, 21/30	20,86	0

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2022-2023	723	146	4,95	113	15/30, 19/30, 21/30	20,04	0
2023-2024	531	166	3,19	128	15/30, 19/30, 21/30	21,33	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	11	15	20	39	49
Trong đó:					
Hệ chính quy	11	15	20	39	49
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác ...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	24736	24736	24736	24736	24736
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	164	10	8	136	158
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	11	4	2	10	15
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	2248.73	6184	12368	2473.6	1649.07

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	2	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	66,67	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	01	01	03	02	03
Trong đó:					
Hệ chính quy	01	01	03	02	03
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

Đơn vị: người

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	01	01	03	02	03
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	12,5	20	30	13,3	16,7
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	100	100	100	100	-
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0	0	0	0	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	-
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	0	0	66,7	100	-
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	100	100	33,3	0	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	12 triệu	12 triệu	12 triệu	12 triệu	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	0	0	100	100	-
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	100	100	0	0	-
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại	0	0	0	0	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	
(1)	(2)	3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	1	00	2
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	3	1	1	0	0	2,5
	Tổng		3	1	1	1	0	4,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 4,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 4,5/6

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	628	1	9,1
2	2020	433	0,5	4,6
3	2021	0	0	0
4	2022	338	0,4	3
5	2023	975	1,4	11,3

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	0	5	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	2	0	4	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	0	0	0	0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/6

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5

năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Tổng (đã quy đổi)

T	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	4	2	3	1	2	18
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	1	0	0	0	0	1
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	0	0	0	0	19

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 19

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 19/6

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, copus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	5	1	0
Từ 6 đến 10 bài báo	1	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	6	1	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Tổng (đã quy đổi)

T	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	1	1	2
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	2	0	1
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	1	0	0	0,25
4	Tổng		0	0	1	3	1	3,25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 3,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,25/6

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	2	1
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	1	1

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019 - 2020	0
2020 - 2021	0
2021 - 2022	0
2022 - 2023	0
2023 - 2024	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	2	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	2	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

T	Thành tích NCKH	Năm học				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng	0	0	0	0	4

T T	Thành tích NCKH	Năm học				
		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
	NCKH, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	1	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 437.300

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 36.533

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 6.414

Nơi học: 6210,1

Nơi vui chơi giải trí: 24.769

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 7.992

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 19,85 m²/sinh viên

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin -

Thư viện: 15932

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): Không có

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 165

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 41

- Dùng cho người học học tập: 85

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 15.63% (85/544)

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 6

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 6

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 0

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người) 65

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 9:1 (65/9)

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 17,8% (10/56)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 95%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 5%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 12 triệu VNĐ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): Đang khảo sát

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): Đang khảo sát

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,5/6

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 19/6

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu 3.25/6

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 19 sinh viên/máy (10 máy Thư viện, 80 máy tại 2 phòng máy)

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 19,85 m²/sinh viên

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 88.41m²/sinh viên

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH CÁC QUYẾT ĐỊNH**2.1. Quyết định việc thành lập hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 245/QĐ-ĐHTT.23

Long An, ngày 27 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành Khoa học máy tính****HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO**

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT và Công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-HĐT-TTU.21 ngày 28 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Tân Tạo ban hành về Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Đại học Tân Tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Khoa học máy tính theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ

trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trưởng Khoa Công nghệ thông tin, Trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công bố Website trường;
- Lưu: P. TCHC, P. KT-BĐCL, Khoa CNTT.



HIEU TRƯỞNG

TS. Đặng Thị Hoàng Yên
(a.k.a. Maya Dangelas Ed.D.)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH**
(Kèm theo Quyết định số 245/QĐ-ĐHTT.23, ngày 27 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Đặng Thị Hoàng Yến (a.k.a Maya Dangelas Ed.D.)	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Ông Cao Tiến Dũng	Trưởng Khoa Công nghệ thông tin	Phó chủ tịch
4	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BDCL	Thư ký
5	Ông Thạch Ngọc Nguyễn	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
6	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Thành viên
7	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Thành viên
8	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban Công nghệ thông tin	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Thành viên
10	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
11	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL CSVC - TB	Thành viên
12	Bà Đinh Thị Mỹ Kim	Phó Trưởng Ban Thư viện	Thành viên
13	Bà Nguyễn Thảo Nguyên	Phó Trưởng Phòng CTSV- HTDN	Thành viên
14	Bà Mai Thị Hào Yến	Trưởng Khoa Nhân văn và Giáo dục khai phóng	Thành viên
15	Ông Trần Duy Hiến	Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên
16	Ông Lê Quốc Huy	Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên
17	Ông Nguyễn Hoài Duy	Sinh viên khóa 2022-2026, ngành Khoa học máy tính	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 245/QĐ-ĐHTT.23, ngày 27 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BĐCL	Trưởng Ban
2	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng TC-HC	Phó Ban
3	Bà Nguyễn Thảo Nguyên	Phó Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Phó Ban
4	Bà Nguyễn Ngọc Mai Phương	Thư ký Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên
5	Ông Nguyễn Thương Trường	Nhân viên Phòng TC-HC	Thành viên
6	Ông Dương Huy Khôi	Nhân viên Phòng CTSV-HTDN	Thành viên
7	Ông Ngô Hoàng Nhân	Nhân viên Ban Thư viện	Thành viên
8	Ông Huỳnh Quốc Huy	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
9	Ông Nguyễn Xuân Minh	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
10	Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
11	Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
12	Bà Lưu Nguyệt Anh	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên

(Danh sách gồm có 12 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số 245/QĐ-ĐHTT.23, ngày 27 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (TC 1, 2, 3, 4, 5)	Ông Cao Tiên Dũng	Trưởng Khoa Công nghệ thông tin	Trưởng Nhóm
	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Phó nhóm
	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BĐCL	Phó nhóm
	Ông Trần Duy Hiến	Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên
	Ông Lê Quốc Huy	Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Minh	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thái Chi	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
	Bà Nguyễn Ngọc Mai Phương	Thư ký Khoa Công nghệ thông tin	Thư ký
Nhóm 2 (TC 6, 7)	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng TC-HC	Trưởng Nhóm
	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Phó nhóm
	Bà Nguyễn Thị Bích Trâm	Nhân viên Phòng TC-HC	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Bích Ngân	Nhân viên Phòng TC-HC	Thành viên
	Bà Phạm Thị Bảo Trân	Nhân viên Phòng QLKH-HTQT	Thành viên
	Bà Nguyễn Bích Ngọc Hương	Nhân viên Phòng QLKH-HTQT	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
	Ông Nguyễn Thương Trường	Nhân viên Phòng TC-HC	Thư ký
Nhóm 3	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Trưởng Nhóm

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
(TC 8)	Bà Nguyễn Thảo Nguyên	Phó Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Thành viên
	Ông Phạm Bùi Trọng Hiếu	Nhân viên Phòng TT-TS	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Minh	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
	Bà Nguyễn Ngọc Mai Phương	Thư ký Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên
	Ông Dương Huy Khôi	Nhân viên Phòng CTSV-HTDN	Thư ký
Nhóm 4 (TC 9)	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL TB-CSVC	Trưởng Nhóm
	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban IT	Phó nhóm
	Bà Đinh Thị Mỹ Kim	Phụ trách Thư viện	Phó nhóm
	Bà Nguyễn Ngọc Mai Phương	Thư ký Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên
	Bà Phạm Kiều Ánh	Nhân viên Phòng QL CSVC-TB	Thành viên
	Ông Ngô Hoàng Nhân	Nhân viên Ban Thư viện	Thư ký
Nhóm 5 (TC 10, 11)	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BĐCL	Trưởng Nhóm
	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Phó nhóm
	Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
	Ông Dương Huy Khôi	Nhân viên Phòng CTSV-HTDN	Thành viên
	Bà Lưu Nguyệt Anh	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
	Ông Huỳnh Quốc Huy	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thư ký

2.2. Quyết định điều chỉnh thành viên hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 208/QĐ-ĐHTT.24

Long An, ngày 11 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành Khoa học máy tính**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT và Công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTU.21 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Tân Tạo ban hành về Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Đại học Tân Tạo;

Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-ĐHTT.23 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính được thành lập theo Quyết định số 245/QĐ-ĐHTT.23 ngày 27/11/2023, gồm các ông/bà có tên như sau:

1. Ông Nguyễn Mai Lâm - Quyền Hiệu trưởng - Chủ tịch
2. Ông Thạch Ngọc Nguyễn - Phó Hiệu trưởng - Phó chủ tịch

3. Bà Đặng Thị Hoàng Yến - Chủ tịch Hội đồng trường - Thành viên

Điều 2. Các thành viên có nhiệm vụ cùng Hội đồng triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Khoa học máy tính theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trưởng Khoa Công nghệ thông tin, Trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công bố Website trường;
- Lưu: P. TC-HC, P. KT-BĐCL, Khoa CNTT.



TS. Nguyễn Mai Lâm

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 245/QĐ-ĐHTT.23, ngày 27/11/2023 và Quyết định số 208/QĐ-ĐHTT.24 ngày 11/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Mai Lâm	Quyền Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Thạch Ngọc Nguyễn	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Ông Cao Tiến Dũng	Trưởng Khoa Công nghệ thông tin	Phó chủ tịch
4	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BĐCL	Thư ký
5	Bà Đặng Thị Hoàng Yến (a.k.a Maya Dangelas Ed.D.)	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Thành viên
7	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Thành viên
8	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban Công nghệ thông tin	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Thành viên
10	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
11	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL CSVC - TB	Thành viên
12	Bà Đinh Thị Mỹ Kim	Phó Trưởng Ban Thư viện	Thành viên
13	Bà Nguyễn Thảo Nguyễn	Phó Trưởng Phòng CTSV- HTDN	Thành viên
14	Bà Mai Thị Hào Yến	Trưởng Khoa Nhân văn và Giáo dục khai phóng	Thành viên
15	Ông Trần Duy Hiến	Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên
16	Ông Lê Quốc Huy	Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên
17	Ông Nguyễn Hoài Duy	Sinh viên khóa 2022-2026, ngành Khoa học máy tính	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người)

2.3. Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Khoa học Máy tính

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46/KH-ĐHTT.23

Long An, ngày 29 tháng 11 năm 2023

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá (TDG) là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Y khoa ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn hướng dẫn 1074/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục; công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng; công văn hướng dẫn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng; công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/06/2021 của Cục Quản lý chất lượng..

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Khoa học máy tính được thành lập theo Quyết định số 245/QĐ-ĐHTT.23 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo, Hội đồng gồm có 17 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Ban thư ký: Chịu trách nhiệm chung về việc biên tập, tổng hợp các báo cáo từ các nhóm thành bản dự thảo báo cáo và chỉnh sửa theo góp ý để hoàn thiện báo cáo. Lập kế hoạch hoạt động của Chủ tịch hội đồng, thay mặt chủ tịch hội đồng giám sát việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong Hội đồng và các nhóm chuyên trách.

b) Các nhóm công tác, cá nhân:

- Trưởng nhóm các nhóm công tác chuyên trách: Điều hành chung, chủ động tổ

chức hợp nhóm để phân công công việc cụ thể cho các thành viên, cung cấp cách thức tìm minh chứng và minh chứng. Chịu trách nhiệm về các tiêu chuẩn, kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn mà nhóm mình được phân công; biên tập báo cáo của các thành viên trong nhóm theo kế hoạch Tự đánh giá của trường và gửi cho Trường Ban thư ký.

- Thành viên các nhóm công tác chuyên trách: Tìm minh chứng, xử lý số liệu, viết báo cáo theo từng tiêu chí do nhóm trưởng phân công.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Nhóm 1	Từ 04/12/2023 đến 14/6/2024	
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	Nhóm 1		
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm 1		
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Nhóm 1		
5	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 1		
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nhóm 2		
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nhóm 2		
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Nhóm 3		
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 4		

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Nhóm 5		
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nhóm 5		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: 02 ngày (ngày 01 và 02/12/2023)

2. Thành phần: Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm công tác chuyên trách và đội ngũ cán bộ Trường/ Khoa.

3. Nội dung, chương trình tập huấn:

- Phổ biến hệ thống văn bản tự đánh giá Chương trình đào tạo
- Quy trình và thủ tục tự đánh giá
- Hướng dẫn tìm minh chứng
- Hướng dẫn viết phiếu đánh giá tiêu chí và báo cáo tự đánh giá

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/ cung cấp

1. Nhân lực

- Nhân lực chính thực hiện quá trình tự đánh giá bao gồm các thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm công tác chuyên trách, các giảng viên nhân viên, các đơn vị liên quan trong trường. Ngoài ra, toàn bộ nhân sự của Trường có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến đối với các dự thảo và những nội dung khác theo quy định.

- Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng là đơn vị đầu mối thực hiện huy động nhân sự theo đề xuất của Hội đồng tự đánh giá được Hiệu trưởng phê duyệt.

- Các đơn vị trong Trường phối hợp cung cấp thông tin, minh chứng, cơ sở dữ liệu và tạo mọi điều kiện để Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách thực hiện quá trình tự đánh giá theo đúng tiến độ.

- Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng phối hợp cùng Phòng Tài chính - Kế toán tham mưu, tư vấn Hiệu trưởng xây dựng dự toán kinh phí và thực hiện thanh, quyết toán công tác tự đánh giá chương trình đào tạo theo quy định.

- Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật và phối hợp với các đơn vị liên quan trong Trường cung cấp các thông tin, minh chứng cho các nhóm công tác chuyên trách trong quá trình triển khai tự đánh giá.

2. Cơ sở vật chất

- Huy động tối đa cơ sở vật chất hiện có của Nhà trường phục vụ quá trình tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khi có yêu cầu cần cải thiện, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ triển khai tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá đề xuất Ban Giám hiệu trang bị thêm các thiết bị cần thiết để phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hỗ trợ người học.

3. Tài chính

Dự trù kinh phí cơ bản cho công tác tự đánh giá bao gồm các khoản:

- Tập huấn công tác triển khai tự đánh giá;
- Thuê chuyên gia tư vấn (theo đề nghị được Hiệu trưởng phê duyệt);
- Văn phòng phẩm;
- Chế độ bồi dưỡng các thành viên tham gia trực tiếp cũng như các thành viên hỗ trợ công tác tự đánh giá;
- Thẩm định báo cáo tự đánh giá;
- Các chi phí phát sinh khác (nếu có).

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

- Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách đề xuất kế hoạch thu thập thông tin từ bên ngoài (nếu cần) để Hội đồng tự đánh giá tổng hợp và trình Hiệu trưởng. Kế hoạch phải thể hiện rõ: mục đích, loại thông tin cần thu thập, nguồn cung cấp thông tin, thời gian thực hiện, dự trù kinh phí cho hoạt động thu thập thông tin từ bên ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo.

- Nhà trường yêu cầu các đơn vị liên quan thực hiện việc thu thập thông tin từ bên ngoài trên cơ sở đề xuất của Hội đồng tự đánh giá.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TDG

Trong tháng 12 năm 2023, Nhà trường mời chuyên gia tư vấn đến tập huấn công tác tự đánh giá với các nội dung về kỹ thuật tìm minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, chia sẻ những kinh nghiệm trong công tác tự đánh giá và giải quyết những vấn đề phát sinh trong lúc triển khai công tác tự đánh giá.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hóa các minh chứng thu được. Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bằng bảng theo chiều ngang của khổ A4 (để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (khoảng 06 tháng), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần từ 04/12 đến 23/12/2023	<ol style="list-style-type: none">Họp Ban Giám hiệu, Trưởng Khoa và các Trưởng Phòng Ban liên quan để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT.Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:<ul style="list-style-type: none">Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT;Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT thông qua việc gửi email thông báo, nhắc lại trong các cuộc họp.Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan.Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua:<ul style="list-style-type: none">Bản kế hoạch TĐG CTĐT;Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của trường và khoa);Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.Tổ chức tập huấn sâu về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.
Tuần từ 25/12/2023	<ol style="list-style-type: none">Nghiên cứu, phân tích nội hàm từng tiêu chuẩn, tiêu chí;

Thời gian	Các hoạt động
<p>đến 02/02/2024</p>	<ol style="list-style-type: none"> 2. Xây dựng danh mục minh chứng dự kiến cần thu thập (xác định các minh chứng đã có, các minh chứng cần phục dựng); 3. Tiến hành thu thập minh chứng; 4. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được; 5. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 6. Hoàn thành bảng dự thảo danh mục minh chứng.
<p>Tuần từ 19/02 đến 29/3/2024</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; 2. Điều chỉnh danh mục minh chứng theo góp ý của chuyên gia. 3. Phân công các thành viên viết báo cáo cho từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết); 4. Họp thông qua báo cáo tiêu chí và đề xuất chỉnh sửa; 5. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn và nộp cho Ban Thư ký Hội đồng tự đánh giá (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
<p>Tuần từ 01/4 đến 03/05/2024</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TDG; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung. 2. Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TDG CTĐT; • Viết phần mở đầu, kết luận của báo cáo tự đánh giá; • Viết phần cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT; • Gửi dự thảo báo cáo tự đánh giá cho chuyên gia để góp ý.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần từ 06/5 đến 25/5/2024	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần); Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý; Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ trường và khoa; Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG; Chỉnh sửa theo góp ý của chuyên gia.
Tuần từ 27/5 đến 07/6/2024	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện; Chỉnh sửa theo góp ý của chuyên gia; Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần từ 10/6 đến 14/6/2024	<ol style="list-style-type: none"> Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mà minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG, sẵn sàng ký hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo t/h);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị trong trường (để th/h);
- Lưu: VT, P. KT-ĐBCL.



TS. Đặng Thị Hoàng Yến
(a.k.a. Maya Dangelas Ed.D.)